

## MỤC LỤC

Răng con chó của nhà Tư sản .....	3
Oản tà roăn .....	8
Thật là phúc.....	16
Hai thằng khốn nạn .....	21
Ngựa người và người ngựa.....	25
Thế là mợ nó đi tây.....	33
Xin chữ cụ nghe .....	42
Thằng ăn cắp .....	46
Báo hiếu: trả nghĩa cha.....	52
Báo hiếu: trả nghĩa mẹ.....	58
Vợ .....	63
Cụ chánh bá mất giày .....	67
Kép Tư Bền.....	72
Thanh! Dạ!.....	79
Thằng điên.....	85
Xuất giá tòng phu.....	90
Đào kép mới.....	97
Phành phạch.....	104
Tôi cũng không hiểu tại làm sao (I).....	108

---

Tôi cũng không hiểu tại làm sao (II).....	114
Chiếc quan tài.....	120
Đồng hào có ma .....	125
Ngâm cười.....	129
Thịt người chết .....	134
Sáu mạng người.....	141
Con ngựa già.....	147
Tinh thần thể dục.....	152
Hai cái bụng.....	158
Sáng, chị phu mỏ.....	162
Người vợ lẽ bạn tôi .....	169
Công dụng của cái miệng .....	176
Người thứ ba .....	180

## Răng con chó của nhà Tư sản

Lúc ấy, độ sáu giờ chiều. Một cái ô tô đằng xa chạy lại. ánh sáng hai ngọn đèn pha chiếu tóe đến chân trời. Xe qua cầu, đến trước cái nhà tây có giậu sắt thì còi bóp ran như ếch kêu và dừng lại. Khi ô tô chưa đỗ hẳn, thì đã thấy con chó nhảy vọt từ trên xuống đất, ngoe nguẩy đuôi vừa sủa, vừa chồm lên hai người đương bước xuống. Hai người đó, một người là chủ nhà này, còn một người là khách.

Đèn xe tắt. Cửa xe đóng. Chủ khách bước vào nhà. Họ đều âu phục, mặc lối đi sẵn, trên đôi ghệt còn bê bết những bùn, vai đeo súng, tay xách xâu chim nặng trĩu. Con chó chạy trước, vừa chạy vừa quay cổ lại, vừa vẫy đuôi, vừa ăng.

Chủ mời khách vào xa lông. Buồng này bày biện đúng kiểu tân thời, toàn đồ bằng gỗ lát đánh bóng nhoáng. Tường nhà quét vôi xanh, gạch chỉ xanh, lại được ngọn đèn măng sông ánh sáng cũng xanh xanh. Cứ trông buồng khách, cũng đủ đoán tất ông chủ nhà này là một nhà giàu, ăn chơi lịch thiệp.

Bà chủ vừa trang điểm xong, ra ngồi đó để tiếp khách. Trên chiếc ghế thứ tư, con chó nhảy tót lên, ngồi chồm chồm, thè lưỡi, nhìn hết người nọ đến người kia.

Người đời ai được phú quý cũng hay khoe của. Cho nên, dù khôn ngoan khéo léo hơn người, ông chủ nhà này cũng mắc phải cái bệnh ấy. Nay cái dinh cơ này, cái ô tô này, cái bộ buồng khách, buồng ăn này, đối với ông, đã là cũ rồi, khoe lắm cũng chán miệng, cho nên ông nói đến cái mới. Cái mới đây, là con chó Lu.

- Ấy, chính nó là giống Bleu d'Auvergne đấy, bác ạ. Tôi mua nó mất ba trăm bảy mươi đồng. Cái người Tây bán nó cho tôi, vì nể tôi lắm, mới để rẻ thế. Cứ kể ra thì những hơn bốn trăm kia! Cũng có con đẹp hơn thế này, những hơn năm trăm. Nhưng kể ra An Nam

mà đã dám bỏ ra ngót bốn trăm bạc để mua chó, thì đã là nông lắm rồi! Vả lại, người mình mấy ai chơi chó sành, cho nên mua con nhiều tiền quá cũng phí mất. Này, bác ngắm kỹ nó mà xem. Giống chó này tai to, mũi lúc nào cũng ướt ướt, chân cao và to, lốm đốm. ấy, không biết nhận xét thì lầm với giống khác đấy. Con này, tôi chỉ yêu về cái đầu vuông như chữ điền, này, nét ngang đây nhé nét sổ đây nhé,, thần tình không? Con nào được cái bụng thon, mõm ngắn, nhất là hai lườn phình ra như lườn dê thế này, là khoẻ và nhanh lắm đấy. Hử ban nãy, bác đã thấy cái dáng nó oai vệ là ngần nào rồi đấy nhỉ. Có phải bao giờ nó cũng đi trước tôi mười thước không? Cứ lấy thước mà đo, cũng chả sai mấy tí đâu. Lúc đi như thế, cái mắt nó đưa đưa cái mũi nó ngửi ngửi, trông đẹp đão đẽ. Khi nào nó đánh hơi thấy chim nấp ở trong bụi, thì nó gục đầu xuống, khễ ngổng ngổng cái đuôi. Thế là tôi biết hiệu. Lúc tôi lấp đạn xong, tôi "chutt!" một tiếng, thì nó chồm ngay vào con chim. Anh chim bay ra, "Pan!" thôi còn chạy đằng trời! Mười lượt như thế cả mười, chẳng sai một lượt nào!

Lúc ấy, con Lu ngồi trên ghế, đối diện với chủ, chúm chúm cái mõm để nghe chuyện.

- Không những nó săn giỏi, mà giữ nhà, tìm đồ đánh mất cùng tài. Bây giờ bác thử đưa cái kính của bác cho nó ngửi hơi một lúc, rồi bác giấu vào trong vườn, tôi bảo nó tìm cho mà xem.

Được ông bạn cũng là người hâm mộ chó, cho nên thử biệt tài con Lu. Quả nhiên, chưa được năm phút, con Lu đã ngoạm cái kính, ngoe nguẩy đuôi, đưa trả khách.

Ông chủ đắc chí, cười ha hả, vuốt ve, vỗ mải má nó, rồi bế nó vào lòng, hôn lấy hôn để, vui thú như được cậu con hay chữ vậy!

- Tôi nuôi nó cẩn thận lắm. Tôi không cho nó ăn dưới đất bao giờ. Cho nên nó quen thói sạch sẽ và khôn ngoan lắm. Thế mới biết cái giống chó Tây nó cũng hơn cái giống chó An Nam mình thực. Chó An Nam thì lông đã xấu, lại hay ăn bẩn, đã ăn bẩn lại hay cắn càn. Lắm bận, nó lừ lừ ở đằng sau mình, rồi đớp trộm ngay một miếng vào quần, mới nan du chứ! Con này, hể đã lên tiếng thì y như có kẻ gian vào nhà. Nó chồm hẳn lên mặt mà cắn, thẳng trộm nào vô phúc vào nhà này thì hẳn là mất chỗ đội nón! Nhưng chỉ từ mười giờ đêm trở đi, nó mới sửa mà thôi.

Lúc ấy, cơm bung lên, để trên bàn ăn. Chủ khách đang mời nhau lại ngồi, thì con chó đã nhảy tót lên bàn, chồm chồm ngồi trước chủ.

- Con Lu này được cái lễ phép lắm. Tôi dạy mãi mới được đấy. Này, đĩa đồ ăn của nó đây nhé, cơm trộn với thịt, ngon lành thế này, nhưng tôi chưa cho ăn, thì đồ dám ăn. Ngay khuất mắt mình cũng vậy.

Ông chủ cầm đĩa đồ ăn của con chó, mang ra sân đằng trước. Khách và con vật đi theo sau.

Con Lu vẫy đuôi, ra dáng mừng rỡ. Ông chủ để đĩa cơm ở giữa sân. Con Lu cúi cổ xuống ngửi. Nó sắp ăn, thì chủ nó mắng ngay bằng tiếng tây:

- Tăng xông<sup>1</sup>

Thấy không được phụng dưỡng tử tế như mọi khi, con Lu từ từ lui ra.

- Ta không cần phải coi. Lúc ta ăn xong, mà đĩa này nó vẫn không dám đụng đến đâu. Thôi, mời bác vào xơi cơm.

Lúc bấy giờ, giá ông chủ có ý một tí, thì chắc đã thấy một vật gì đen đen, lù lù ở ngay ngoài cổng. Đó là một người ăn mày, ngồi bó gối ở đấy. Người ấy đội cái nón toạc tung cả cặp, đã đóng khố, lại mặc cái áo rách cụt cả tay. Thành ra bốn chân tay khẳng khiu, đen thui thui, dài ngoằng ngoằng. Cái bị bẹp há hốc miệng, nằm chờ bên cạnh cái dạ dày lép kẹp.

Người ăn mày chờ đấy từ lâu. Thấy trong nhà lạch cạch tiếng đĩa bát, mùi đồ xào theo chiều gió đưa ra, hắn gào lên xin, mà cũng chẳng có ai nghe tiếng. Lúc hai người ra sân, hắn lạy van vã bệt mép. Nhưng hai ông còn đương dờ bần chơi với chó, không ai để ý đến người.

Người ăn mày biết thế, nên lại cố lấy sức để gào to. Nhưng cái tiếng hết hơi của hắn đập đến màng tai ông chủ, thì ông chủ trợn mắt, hầm hầm quát:

- Làm gì mà léo nhéo lên thế? Làm át cả câu chuyện của người ta! Bước ngay! Không ông đá cho một cái thì chết bây giờ!

---

<sup>1</sup> Liều hồn

Người khốn nạn im thin thít. Chủ khách bèn vào buồng ăn cơm.

Lúc ấy, hai con mắt người ăn xin chòng chọc nhìn vào đĩa cơm của con chó. Hắn thèm quá. Nước dãi chảy ròng ròng, không nuốt kịp. Muốn vào ăn trộm một miếng, nhưng chỉ sợ con chó cắn cho một miếng thì chết! Hắn thấy con chó cứ đứng gần đĩa cơm mà không ăn, thì không hiểu ra làm sao. Hắn tưởng con chó chê cơm nhạt, không thèm ăn, thì hắn muốn đánh đổi số phận hắn cho con chó nhà giàu!

Giá con chó biết tiếng người, hẳn hẳn đã lân la đến gần để đánh bạn, rồi kể lể nỗi đói khát, có lẽ, chỗ anh em, con chó cũng động tâm mà lấy tình "nhân đạo" nhường cho hắn đĩa cơm ấy. Hay là vì hắn xù xù ngồi đó, cho nên con chó phải đứng canh chẳng? Hắn liền lẩn ra sau cái cột cổng để dòm vào. Một lúc, quả hắn thấy con chó lừ lừ ra nằm chỗ khuất bóng ở cạnh tường.

Được dịp may, người ăn mày đánh liều dõ ra, tiến gần lại mấy bước. Nhưng con chó lập tức đứng dậy, cũng tiến gần lại mấy bước, vừa đi vừa gừ. Thằng người giương hai mắt nhìn con chó, con chó cũng giương hai mắt nhìn lại thằng người. Thành ra đĩa cơm ở giữa, người tiến thì chó cũng tiến, người lui thì chó cũng lui. Hai bên hăm hè nhau, người lườm chó, chó lườm người đều cùng giữ miếng nhau, như hai kẻ thù không đội trời chung vậy.

Cứ như thế, không bên nào chịu bên nào. Độ hơn mười phút, người ăn mày cùng thế, nghĩ ngay được một kế. Tay hắn vớ được hòn đá to tướng, thu thu đằng sau, chạy tọt lại đĩa cơm, rón một miếng rõ nhanh, dứt tồm vào mồm.

Nhưng con chó nhanh hơn. Nó cũng chồm vọt lại, nhảy xổ lên, há mồm, nhe răng ra cắn. Người ăn mày giơ thẳng cánh tay, nhằm giữa mồm con chó, ạch hòn đá một cái rõ mạnh. Con chó ẩng lên một tiếng, rồi nhanh như chớp, nó vọt được kẻ thù xuống đất, giơ hai chân ra cào mặt và móc mồm. Nhưng nó bị ngay một cái đâm nữa vào đầu. Nó chịu buông thẳng người ra, nằm sóng soài, ẩng râm lên.

Ông chủ đương ăn cơm, nghe tiếng chó kêu, vội bỏ cả bát đĩa, lẫn vợ, lẫn khách, ông cầm đèn hấp tấp chạy ra:

- Thôi chết rồi! Con Lu làm sao thế này! ối giời ời! Nó gãy hai cái răng rồi! Khổ tôi quá!

Thế rồi thét người nhà vác lên, ông bế con Lu vào. Còn mình thì chạy ra cổng xem ai đánh chó. Bỗng ông trông thấy ở đằng xa, có cái bóng đen đen, chạy nhanh tí, ông bèn bấm đèn ô tô để chiếu theo, thì trông rõ người ăn mày ban nãy đang chạy.

- À, mày đánh gãy răng chó ông, ông chỉ kẹp cho mày chết tươi, rồi ông đền mạng. Bất quá ba chục bạc là cùng!

Nói đoạn, ông tắt đèn pha, phóng xe hết sức nhanh để đuổi theo...

*Viết 12-1929 (Đăng Annam tạp chí số 23 – 1931  
với nhan đề Răng con vật nhà tư bản).*

## Oản tà roăn

- Anh Phong, thế anh định bỏ chết tôi à? Không trách người ta bảo đàn ông bạc tình, có oan tí nào đâu! Tôi vì nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, nào những là lấy nhau, nào những là ăn đời ở kiếp cùng nhau... Từ đó đến nay, tôi dốc một lòng chờ đợi, ai đến dạm hỏi, tôi cũng kiếm cớ thoái thác. Vì tôi đã trót hứa cùng anh. ấy thế mà anh quyết tình giở mặt. Hửn anh cũng biết tôi chỉ là quá đại dốt mà nghe anh, nên mới mang vạ vào mình. Anh nghĩ sao cho vuông tròn thì nghĩ...

- Cái bụng Nguyệt vài tháng nữa thì tròn bằng cái thúng, Nguyệt còn phải cần gì đến tôi nghĩ nữa!

- Tôi không nói đùa! Nếu anh không làm hại tôi, thì làm gì tôi không lấy được người chồng tử tế.

Lúc bấy giờ, ở bờ hồ Hoàn Kiếm, mảnh trăng ngọn gió như khơi động tâm tình gió trăng. Nguyệt và Phong lững thững bước vào cầu Thê Húc.

Hai vẻ mặt cùng lo, nhưng hai cái lo khác nhau. Nàng vì quá nhẹ dạ, nên phải nặng lòng, cái khối lo nó đương nằm co ở trong bụng. Chàng lo vì vô tình định thoả bụng muốn, bây giờ phải cố tình đẩy cái không muốn ra.

- Thế có chắc Nguyệt chữa với tôi không?

- Nay, năm nay tôi mới mười tám tuổi đầu, sao anh đã đổ bậy, đổ bạ cho tôi cái tiếng khỉ gió ấy! Anh hỏi tôi chữa với ai à? Rồi nó giống ai, nó máu mủ ai, thì anh biết. Tôi con nhà trâm anh, anh cũng con nhà thế phiệt, vì một lời giao ước, nên tôi mới quá chiều anh. Tuy tôi chưa là vợ anh, nhưng cũng như là vợ, nên tôi dốc một lòng chung thủy, thì chữ trịnh tôi giữ nguyên cho anh. Nếu bây giờ tôi loan chung phượng chạ thì đây này, tôi sẽ chết như thế này này!

- Đừng thề độc, lỡ chết thật thì oan!



- À anh nhiếc tôi mãi. Thôi, đồ bạc tình! Anh buông tôi ra!...

- Này, cầm lấy cái này.

- Cái gì đấy?

- Lọ thuốc thôi thai, Nguyệt uống nó vào, cho cái thai ra, thế là mất tích.

- Eo ơi! Anh nói mà tôi ghê cả mình! Nếu anh cố tình giết cả hai mẹ con tôi, thì đây này, tôi liều chết ngay trước mặt anh, cho anh trông thấy. Anh buông tôi ra. Trời ơi! Ngờ đâu hồ Hoàn Kiếm này chỉ là mồ hồng nhan!

Nàng giật tay ra, chạy lại mé đầu cầu. Phong vội chạy theo, níu vạt áo lại:

- Ấy chết! Chớ chớ! Tôi thử Nguyệt đấy mà!

- ...!

- Này em ơi!

Nguyệt gục đầu, ôm mặt, hu hu khóc...

- Nguyệt ơi! Em chớ lo, anh vẫn biết Nguyệt là người chung tình với anh, Nguyệt không phải phiền lòng. Cái thai trong bụng Nguyệt là con anh, là con Nguyệt, Nguyệt cứ yên tâm. Anh thề rằng sẽ chu toàn danh tiết cho Nguyệt. Đến ngày khai hoa, anh sẽ đưa Nguyệt sang nhà họ sinh tỉnh Bắc Ninh. Sau khi mẹ tròn con vuông, anh sẽ tính cuộc trăm năm với Nguyệt.

- Này đừng nỏ mồm!

- Em đừng mắng anh mà oan! Thôi, em cứ đi về...

- Tôi không về đâu cả. Sống gửi thác về, mà tôi đây rồi!

- Anh van Nguyệt, nếu anh không giữ được lời hứa, xin nguyện trời tru đất diệt! Em cứ về, cứ yên lòng...

Nàng lau mắt, khẽ gượng đứng dậy, gọi xe về nhà.

Phong vừa đi vừa nghĩ:

"Ừ, suýt nữa mình gieo cái vạ tây đình, giết cả hai nhân mạng. Giá một mình con Nguyệt nó tự tử, thì mặc quách nó, nhưng lại đeo cả đứa con ta ở trong bụng nó!... Ừ, tính tháng, tính ngày, quả nó có mang với ta... Vậy đợi lúc nó đẻ, ta lấy con về nuôi, còn việc trăm năm với nó thế nào ta không nên nghĩ trước".

\*

\* \*

- Chết chữa! Thế mợ định uống thuốc thôi thai thật đấy à?

- Cậu tính tôi mới có mười tám tuổi đầu, chồng con chưa có, mà chữa hoang, thì còn xấu gì bằng!

- Chà, việc gì mà xấu, sự xấu tốt đối với phong trào dư luận xã hội như làn khói trước ngọn gió to, chỉ đánh loáng là không ai trông thấy nữa. Thế thì dư luận có gì là đáng sợ? Vả lại tôi hiem hoi, lấy nhà tôi ngọt hai mươi năm giờ, con cái chưa có, thì mợ cứ yên lòng, sau khi ở nhà hộ sinh ra, tôi sẽ thu xếp để mợ với tôi ăn đời ở kiếp.

- Tôi cảm ơn cậu! Cậu hơn tôi bốn chục tuổi đầu, tôi mà lấy cậu thì người ta cho là bố lấy con. Vả vợ cả cậu như con sư tử cái, lẽ nào lại để yên cho cậu thương tôi. Cậu cứ mặc tôi, để tôi tự xử, cậu không cần nghĩ đến. Bao nhiêu việc, tôi đã định sẵn, tôi đành uống thuốc để giữ cho vuông tròn tiếng tăm. Vả tôi là con nhà thi lễ, môn môn đào tơ, làm gì không lấy được chồng ông nọ ông kia, can chi vội vàng mà vợ quàng vợ xiên vội.

- Mợ nói thế, tôi đau lòng quá. Mợ phải hiểu cho rằng cái thai trong bụng mợ là đứa con sau này của đôi ta.

- Nếu cậu có thương con cậu, thì mai, tôi xin gửi lại giao trả cậu.

- Chết nổi! Tôi xin mợ.

Luồng nước cuộn cuộn dưới sông, hàng cột ù ù trước gió, dây sắt cầu như dăng mắc mối tơ tình. Trên cầu sông Cái, Nguyệt đứng thừ ra, tựa tay vào lan can, mặt nhìn làn sóng lênh bênh trước mặt. Bắc vịnh bộ râu ghi đông, nét mặt ra dáng van lơn lo lắng.

- Nào tôi có phải ăn ở bạc tình với mợ đâu mà mợ nỡ dứt lìa thế?

- Tôi cũng biết vì tôi đối với cậu chung tình, nên cậu đối với tôi trung hậu, nhưng tôi không thể nào đeo mo mà sống ở đời được.

- Sao mợ lại bảo là đeo mo? Vẫn biết rằng đàn bà quý giá ở chữ trinh, nhưng mợ có phải là gái thất trinh đâu? Vì mợ quá yêu tôi, quá chiều tôi, nên đến nay đeo đẳng khối tình cùng tôi. Vậy rồi sau, tôi nuôi con, lại cưới mợ về làm vợ. Làm người vợ, cần giữ chữ trinh với chồng. Mợ chung tình với tôi từ trước đến nay, thì đối với riêng

tôi, mợ vẫn chu toàn được chữ trinh. Vậy có làm sao mà phải nghĩ? Nếu tôi bạc tình cùng mợ, toan bỏ lửng mợ, thì mợ mới đáng hờn duyên tử phận chứ!

- Thôi tôi xin cậu, tôi nào dám tin cái mồm mép đàn ông!

- Nếu tôi ăn ở như kẻ khác, xin thề rằng ngọn đèn điện này tắt, tôi cũng chết.

- Thề! Thề cá trê chui ống! Cậu buông tôi ra, tôi xin gửi thân tôi cho Hà bá dưới sông này.

- Mợ định tự tử? Nếu mợ chết, tôi xin chết theo ngay.

- Khổ lắm, cậu kệ xác tôi! Tôi không tin ai ở đời này nữa! Những cái mặt nhăn nhui trơn tru, nhưng toàn là bụng ba que xỏ lá cả. Tôi vì đại đột mới nên nông nổi này.

Một cái ô tô sinh sịch qua, chiếu hắt ánh sáng vào mặt Bắc, trông rõ cái nét nhăn nhó, cặp mắt gấp gáp.

- Mợ ơi, mợ yên lòng. Mợ nên hiểu tôi, đừng phụ bụng tôi, bởi tôi biết bụng mợ lắm. Vả dĩ, bấy lâu tôi khao khát chút con để sau này nó chống gậy cho tôi, nối dõi tông đường cho nhà tôi. Nếu nay mợ quyết tình giết cả mợ lẫn con, tôi sẽ phải âu sầu ân hận suốt đời.

Nguyệt bưng mặt khóc, Bắc lấy vạt áo chùi nước mắt hộ và dỗ:

- Mợ ơi! Tôi đã theo lời mợ là đến ngày mợ đẻ, thì sang nhà hộ sinh tỉnh Bắc Ninh mà nằm cho êm tiếng. Bây giờ, chỉ cần mợ giữ cái bụng cho kín đáo. Mợ đẻ xong, tôi nuôi lấy con.

- Thế rồi cậu bỏ tôi bơ vơ?

Bắc nhăn mặt, giậm chân:

- Khốn nạn, cho tôi nói hết câu đã. Tôi lạy mợ! Tôi tính việc xin cưới mợ sau.

Nguyệt thở dài.

- Mợ đã bằng lòng như thế chưa?

Nguyệt đưa tay lên miệng, cắn móng tay út, không trả lời, ra dáng nghĩ ngợi.

- Mợ ừ đi, mợ đừng uống thuốc thôi thai nữa, phải tội đấy!

- ....

- Mợ cứ yên bụng cho tôi được yên lòng. Mợ ừ đi!

- Ủ!

Hai người lững thững đi, gặp hai cái xe, liền thuê về nhà. Lúc sắp ly biệt, Bắc còn dặn với một câu:

- Mọi yên dạ, cho tôi yên lòng nhé!

- Ủ!

\*  
\*       \*

- Bà đẻ con so hay con rạ?

- Thưa bà, con so.

- Bà nên nói thực, thì tôi mới liệu được. Tôi xem bụng bà, hình như đẻ con rạ thì phải hơn.

- Thưa bà, thực tôi đẻ con so.

Đó là lời bà đỡ nhà hộ sinh cùng nói chuyện với Nguyệt. Bà đỡ ngỡ quá, hỏi vặn:

- Mọi khi những người đẻ con so thì da bụng cứng và có ngấn vằn đỏ. Người đẻ con rạ thì da bụng mềm, mà có ngấn vằn trắng. Nay tôi xem bụng bà, quả là bà đẻ con rạ. Phép nhà thương không nên nói dối, lỡ ra nguy đến tính mệnh, chứ chả chơi đâu.

- Thưa bà, xin bà kín cho, tôi đẻ con rạ!

- Vâng, bà nên nói thực thế mới phải. à, ông nhà ta tên là gì? ở đâu?

- Thưa, cậu cháu tên là Nguyễn Văn Tình, đã mất năm ngoái, sau khi tôi có mang được vài tháng.

- Tội nghiệp! Thế ông mất, bà có mang được mấy tháng?

Nguyệt luống cuống nói chữa:

- À, thưa bà, cậu cháu mất năm nay ạ. Mới mất tháng tư, mà tôi có mang từ tháng giêng.

- Bà cũng chỉ độ tối hôm nay thì trở dạ thôi. Bà cứ nằm nghỉ yên. Lần trước bà ở cũ, trai hay gái?

- Thưa bà, cháu gái.

- Nay cháu biết làm gì rồi?

- Thưa bà, tôi sinh cháu được vài hôm thì bỏ cháu.
- Thế bà dễ dễ hay khó!
- Thưa bà, dễ ạ.
- Được, vậy bà cứ nghỉ yên để lấy sức.

\*  
\*       \*

... Ngày chủ nhật, sau khi Nguyệt đẻ, có mấy bọn người ở Hà Nội sang, vào nhà thương thăm.

Bọn trước, hai công tử ăn mặc tây, đứng một quần thụng đỏ, áo cộc xanh, ở trong gian Nguyệt nằm bước ra, bưng miệng, rúc rích nhìn nhau cười, thì thào:

- Hú vía! Tao tưởng con Nguyệt nó chữa với tao, tao sợ quá!

- Tao chả ngờ nó chữa với mày, nhưng tao thấy mồm thằng bé giống mồm tao, tao đã giật mình. Nó ăn vạ tao, thì tao bỏ mẹ! May được cái nước da thằng bé nó mình oan cho tao.

Hai người vừa đi khỏi thì Phong đến. Phong ẩy cửa lại gần Nguyệt, hỏi:

- Trai hay gái?

Nguyệt trả lời khẽ:

- Trai.

- Thế à? Mợ có mạnh không? Có ăn được không?

Nguyệt thừ mặt ra, không đáp.

- Mợ làm sao thế?

- ....

- Cho tôi bế con một tí.

- Không bế!

- Ái chà! Mợ cu làm bộ.

- ...

- Con ngủ à! Mặt giống cậu hay giống mợ?

- ....

- Công tử rúc mãi vào nách mẹ! Ra đây cậu yêu tí.

- Yên!

Phong mở cái lót trùm đầu thằng bé ra. Nguyệt nhắm nghiền mắt lại.

Khi nàng mở mắt, đã thấy Phong len lén cút từ bao giờ rồi.

Lúc bấy giờ, Bắc ôm một bọc to tướng đến nhà thương. Nhưng khi ở ngoài cửa kính, Bắc thấy có người đến thăm Nguyệt, thì ngờ là họ hàng, không dám vào vội. Chàng vừa đi bách bộ, vừa liếc mắt vào trong. Chàng đã hút hết điếu thuốc lá rồi, nhìn hết các nhà cửa, cây cối rồi, mà người họ vẫn chưa về. Một lúc thấy kẹt cửa, bụng chàng mừng lắm. Chàng nhìn theo hút người ấy, đến khi thấy rẽ hết phố, mới dám vào.

- Chào mẹ! Trai hay gái?

- Trai.

Bắc lộ ra nét mừng rỡ, vui vẻ hỏi:

- À! Ai vừa vào đó?

- ...

- Mẹ mệt à?

- Không!

- Mẹ có ăn được cơm không? Có mạnh khỏe không?

Nguyệt thở dài, Bắc mở bọc, lấy ra nào rượu bổ, nào sữa bò, nào vú cao su.

- Con có cứng cáp không? Mẹ có nhiều sữa không?

- Yên cho tôi nằm nghỉ.

- Cho tôi bế con một tí, nó giống tôi hay giống mẹ?

- Im cho nó nằm.

- Ơ hay! Mẹ giận tôi đấy à?

- Không!

- Bao giờ mẹ định về?

- Không biết.

Nguyệt thở dài mãi, thằng bé con ở trong bọc, cựa cạy, tiếng nhoe nhoe.

- Dậy với cậu, con!

- Yên cho nó ngủ!

Thằng bé vẫn khóc. Cái lót trùm đầu nó xê ra ngoài. Bắc lật ra xem mặt con:

- Cậu đây, nín đi!

Nguyệt nhắm nghiền đôi mắt lại, vắt tay lên trán để che mặt. Bắc nhìn kỹ cái tóc, cái mặt, cái mũi con... Rồi giở bọc ra ngắm cả người thằng bé... Ngắm xong, bọc cẩn thận trả lại, chàng từ từ lui ra, thở dài một cái rõ dài, nét mặt thất vọng.

Té ra thằng bé con chàng mà nước da lại đen như cái cột nhà cháy! Vậy nó không phải con Ròng cháu Tiên. Nó là giống "Oằn tà roằn" không biết chống gậy.

*PTBNS số 13; 1-12-1937.*

## Thật là phúc

Chú lính cơ Ván-cách<sup>1</sup>, cứ buổi chiều, ngồi trên phản trong trại, trông ra ngoài màn hình màn hình, thì cũng cho đôi mắt được một bữa tiệc no nê bằng cuộc ngắm những chị đi gánh nước ở giếng trong huyện.

Trong các chị gánh nước đó, chú chú ý nhất một chị, là "ma phảm" anh hàng bánh giò ở cổng huyện, tên là Tam.

Cứ kể ra, chị Tam trông cũng tình thực! Cái quần sồi đen nhánh, cái áo cánh hồ lơ, cái thắt lưng đỏ phấp phới bay theo gió, cái bộ xà tích lưng lửng đập vào đùi, đã làm cho Ván-cách ta say lử cò bợ! Không những thế, chị Tam lại còn có cái bộ mặt "gioong"! Mỗi khi chị gánh hai thùng nước nặng mà đi qua trại, thì mắt cố nhìn thẳng, mũi cố cầm hơi, tay nguẩy đằng sau, đầu nghiêng bên cạnh, cố kéo cái hò áo cho kín ngực, tuy mất vẻ tự nhiên, nhưng mồm mĩm như quả đào Vân Nam mới trẩy, khiến cho Ván-cách ta chết cũng vợ vội lấy cái đàn bầu, mà tằng tằng vài tiếng. Nhiều khi thấy chị Tam hớn hở, chú chỉ phàn nàn có một câu rằng:

- Hoài của! Giá mình "sú-vơ-nia" cho nó ít giấy ráp để đánh đôi thùng rõ sáng, thì thực là bánh chọe.

Nói nôm ra, chú Ván-cách cũng muốn chim chị Tam đáo để. Có bận chú định ngồi trong màn hình màn hình, ví cho chị Tam một câu rõ hay. Giá chú biết làm thơ, làm văn thì hẳn đã nghĩ được một bài trường thiên rõ dài để tặng! Khốn nhưng chú chỉ quen thói tộp ngực lẫn lưng dân, cho nên chỉ học được một chim gái của bạn đồng nghiệp, thẳng như nòng súng, là giữ nón, chắn đường, hoặc nắm cổ tay mà bắt nói một câu.

---

<sup>1</sup> Số hiệu lính 24, nguyên từ tiếng Pháp vingt-quatre.



- Van nhà, nhà buồng em ra!

Nhưng mà người anh em chỉ dám "tiểu-di", thế thôi, chứ mà thầy quản đồn này nghiêm khắc lắm, lỡ chú bị "lập-gioòng", hoặc bạt tai thì phải biết! Cho nên, lắm lúc gặp cơ hội tốt, mà chú nghĩ đến hình phạt nhà binh, chú đành phải "đê mi tua" ngay!

Còn một kế sau cùng, chú nghĩ đã chín lắm, là nhân ngày lĩnh lương, hoặc gặp buổi bốp nặn được thằng dân nào, chú quyết bỏ hẳn ba hào chỉ, ra hàng chị Tam đánh một bữa bánh giò rõ no, thế là "a-lê", tha hồ tán chuyện!

Buổi tối hôm ấy, trong túi chú Ván-cách xúng xoảng có tiền. Chú bèn búi tóc yên ngựa cho thực nèn, gài cái lược xương trắng cho thật khéo, chít cái khăn lượt cho thật vổ, vuốt ít nước hoa cho thật thơm, rồi soi gương đằng trước, đằng sau, ngắm nghía mãi, mới thay quần, gài khố, bóc gói thuốc lá mới, phì phèo, huýt còi đi "la mát".

Lúc bảy giờ đã vào chín giờ khuya. Nhà hàng phố đã đóng cửa kín mít. Chú Ván-cách lượn qua nhà chị Tam mấy lượt, thổi bài kèn "la vầy" rõ lảng để đánh tiếng, rồi dòm qua lỗ liếp. Chị ngồi một mình, đương chẻ lạt. Chú ngắm nghía thế một lúc lâu, đắn đo, không biết thằng chồng đi đâu, nhưng cứ liều gõ cửa. Chị Tam đương lúi húi, bèn ngẩng đầu lên hỏi:

- Ai?

- Tôi đây! Cho tôi mua ít bánh giò!

Chị Tam đứng dậy vừa nâng hé cái liếp ra, Ván-cách đã lách được vào rồi.

- Chào chị, "mắm-den" còn bánh giò không?

- Thưa thầy, hôm nay phiên chợ, nên nhà còn ít thầy mua giùm cho cháu.

- Được! Còn bao nhiêu mang cả ra đây. Anh ấy nhà chị đâu?

- Thưa thầy, chạy đâu ấy ạ.

Ván-cách được dịp tốt, "a la văng" ngay đến trước mặt chị Tam, vừa cười vừa lả lơi nói:

- "Cắm-ma-lách" với nhau cả, thầy với cháu gì! Đừng nói thế, phải tội!

Nói xong, chú sấn ngay vào, nắm lấy cổ tay người yêu một cách âu yếm:

- Nhà ơi!

Thế rồi mắt chú lim dim như lúc nhắm sủng. Chị Tam nhanh thoăn thoắt, giật ngay ra, lùi lại mấy bước:

- Ô hay! Thầy quyền làm cái trò gì thế này? Tôi kêu to bây giờ!

- Minh ơi, tôi yêu mình lắm!

Vừa nói, chú vừa sấn vào, ôm lấy chị Tam, đẩy ngã xuống đất, rồi cũng ngã theo...

- Ối giờ đất ôi! Thầy quyền làm gì tôi thế này?

Tiếng kêu rầm hàng phố. Thành linh, anh Tam ở đâu chạy về đến nơi.

Hắn các ngài đã đoán trước ngay rằng máu ghen của anh Tam mà bùng bùng nổi lên, thì chú quyền Ván-cách sẽ bị trói gô vào chân giường, và phải trận đòn nát da tan thịt.

Thế nhưng anh Tam tuy hơi tức đầy lên cổ, mà cũng cố nén ngay. Anh sợ Ván-cách là người Nhà nước lại có sức, có quyền hơn anh, mà anh thì hèn hạ. Chi bằng thôi, thu xếp cho êm là hơn cả. Cho nên anh chỉ lấy lời ngọt ngào mà nói với Ván-cách, chứ không dám lời thôi.

Vậy mà Ván-cách nào phải người biết điều. Thấy Tam chịu nước lép, chú lại làm già, sấn đến, tát cho Tam mấy cái.

Ngờ đâu Tam giữ được cái chầy giã giò, giơ lên đỡ. Ván-cách tưởng Tam đánh, quờ tay, giật phắt ngay được chầy. Rồi giơ thẳng cánh: "A, đê, toa, hấp!". Sóng mũi Tam máu chảy đầm đìa! Tam ngã quay ra, miệng kêu rầm làng xóm.

Nghe tiếng kêu cứu, người phố kéo lại rất đông, mới gỡ được đám đánh nhau. Nhưng Ván-cách vẫn còn hung hăng, trở vào mặt Tam mà mắng:

- Mày láo! "Tăng xương"! Mày không biết ông là ai à?

Hàng phố thấy chuyện bất bình, ai cũng thương hại vợ chồng Tam bị bắt nạt một cách vô lý. Lúc ấy, Ván-cách đã về rồi, nên nhiều người xui Tam đi trình ngay quan huyện, để ngài trừng phạt kẻ hay... lấy thịt đè người.

- Ừ, cậu là lính huyện mà vào hiếp vợ người ta, lại còn đánh người ta, thì pháp luật nào dung?

- Phải đi kiện mới được, bắt nạt thế, ai chịu nổi!

- Cứ kiện đi, đã có tôi làm chứng. Nếu cứ để nó quen thói, thì nay nó hiếp vợ anh, mai nó tha gì vợ tôi?

Sau một lúc bàn ra bàn vào, mãi anh Tam mới dám đội khăn, mặc áo, đi vào huyện

Quan ở trong nhà tư. Ngài đương đánh tài bàn. Thấy đương đêm có âm âm tiếng kêu, ngài cũng đoán là có chuyện gì to xảy ra đó. Nhưng vì chưa có ai báo, thì chưa chắc đã to bằng ván bài phải báo của thầy thừa ừ sừ bàn thiếu lưng!

Quan cười ha hả. Các cậu lệ thấy quan vui, cũng tùm tùm liếc nhau. Bỗng có tiếng rì rào ngoài cửa, và người kéo lối nhố đầy sân. Cậu lệ đang hầu nước bài, phải ngắc mắt lên nhìn mãi, đến nỗi phải chửi, vì quan bàn quân ăn quân đánh mà không biết.

Lúc ấy, tiếng xôn xao càng to, nên quan biết tất là đám kêu to ngoài phố khi nãy.

Thật may cho anh Tam vì trình quan ngay vào lúc ngài đương vui. Đáng lẽ phải chờ đến buổi hầu sáng hôm sau mới được vào.

Quan cho cậu lệ hỏi chuyện, thì thấy cậu dắt anh Tam vào. Giá lúc ấy quan không mãi nhìn quân bài dưới chiếu, hẳn ngài đã thấy anh Tam mặt mũi bê bết máu mê.

Tam vái chào, khúm núm gãi đầu, chắp tay, bầm hết cả nỗi vợ bị hiếp là thế, mình bị đánh là thế. Câu chuyện rất dài, nên anh phải kể làm ba bốn nấc mới hết, vì thỉnh thoảng quan cắt ngang mà hỏi vặn:

- Khoan! Cừu văn đấy có phải không? Chiu... Gươm! Gì? Sao không xướng to lên?

Khi câu chuyện bầm xong, thì vừa hết ván bài. Quan ngẩng đầu lên nhìn anh Tam, rồi cho gọi chị Tam vào. Quan ngắm một lúc, hai con mắt sáng quắc như hai ngọn đèn trời, khiến cho hai vợ chồng nhà hàng bánh giò phải thất đảm. Rồi ngài nghiêm nét mặt lại, như có ý muốn nghĩ để phân xử cho công minh.

Lúc đó, ngoài sân tối mù mù. Người đứng xem đằng xa cố ngậm miệng, nín hơi, để nghe.

Một lúc, ngài sang sảng tiếng truyền xuống, như ông Long thần ban hạnh phúc cho chúng sinh mà dạy rằng:

- Đáng lẽ đương đêm chúng bay đánh nhau, thì không biết nếp tẻ ra sao, ông hãy bỏ tù hăm bốn giờ cái đã. Nhưng ông tha cho về

mà làm ăn lương thiện, không được lời thôi nữa. Vả lại vợ mày mặt mũi thế kia, chắc hẳn cũng có thế nào với nó, thì nó mới thế chứ? Thôi ông cho về. Ông đang bận.

Một tiếng "dạ" dài, anh Tam thụp xuống đất lạy tạ quan hai lạy. Đoạn anh lom khom lui ra, nét mặt vui vẻ như người biết an phận, rí tai nói với vợ:

- May quá! Suýt nữa thì phải ngồi tù. Thật là phúc! Lạy quan lớn ngàn năm!

*Annam tạp chí, số 17, 1931*

## Hai thằng khốn nạn

Năm 1926, nước to, đê vỡ tứ tung, nhân dân bêu rếch, khổ sở. Nhất là khi nước đã rút rồi, trông cảnh tượng mới lại càng đáng ngậm ngùi nữa.

Cỏ tàn khắp cánh đồng xa, Bên làng hoang huỷ mấy nhà lơ thơ, Đầu đường mẹ bế con thơ, Người tìm sang Bắc, kẻ đưa về Đoài.

Bởi thế, bác Lan luôn mấy tháng, nào nhà đổ, nào trâu chết, nào đất bán, nào ruộng cầm. Gia tài tuy chẳng được là bao, nhưng đến cái cảnh tai bay vạ gió mà sạch sành sanh, thì dẫu ông vua đời xưa mất nước, hay thằng bé bây giờ mất tiền, cái tâm lý cũng đau đớn ngang nhau vậy.

Không những thế, vợ bác lại mới chết về bệnh dịch, để cho bác một đứa con trai mới biết ngồi. Cái cảnh gà sống không còn môi mà nuôi con mới đáng đau lòng. Bác Lan thực là một thằng khốn nạn vậy.

Đêm hôm trước, bác ngồi nghĩ mà rớt nước mắt. Cửa chìm của nôi đã không còn gì, nhịn cơm từ sáng nhường con đã lả cả dạ dày. Nếu mai cũng thế này nữa, thì bố chết đói, con chết đói. Ấu là trong nhà còn một thứ của nôi nữa, đem bán nốt đi chẳng?

Bác Lan nghĩ thế thì làm thế. Bác xin được cái thúng sứ cạp bện đôi quang và chẻ cái đòn gánh. Sáng sớm, gánh thằng bé con đi. Một bên quang là một tảng gạch để thăng bằng thúng hàng bên kia. Một bên quang là một cái thúng đựng hàng. Trên cái thúng, tùm hum manh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng.

Bác đi lang thang làng này, làng khác, qua chợ nọ, chợ kia. Nhưng chỉ thấy có người xem, mà không thấy có người mua.

Bác Lan đói quá, mắt đã mờ. Thằng bé con trần truồng trong thúng, nằm ngả ra, mồm miệng bê bết những dãi, mũi và vỏ khoai

lang. Đi đường, bác gặp toàn bọn khóc dở mếu dở như bác cả. An ủi nhau cũng chỉ có một câu:

- Đây, bác đến nhà ông nghị Trinh, may ông ấy hiếm hoi, thì ông ấy mua cho.

Đi lần mãi mấy làng, bác mới đến nhà ông nghị Trinh. Trời đã sắp xẩm tối. Đứng ở cổng, trông vào trong nhà, bác thấy gạch tây đánh bóng lộn, sập gụ, tủ chè, gương đứng, giường tây, thật có vẻ đỉnh chung sung sướng.

Bác Lan đánh liều gọi cổng. Anh bếp ở trong chạy ra:

- Nhờ cậu vào bẩm với ông bà rằng có người bán con đường ở cổng.

Cậu bếp hỏi han một vài điều ra dáng tử tế, săn sóc, nhanh nhẹn lắm, rồi mới đi vào.

Bác Lan, vì cái đói khát cấp bách quá, nên tưởng tượng ngay độ dăm phút nữa thì bụng sẽ được no đầy. Nhưng tưởng tượng thế là lắm. Độ một giờ sau, bác thấy một người mặt mũi phương phi, cổ rút, bụng phệ môi trề mà không râu, mặc quần áo lụa, phe phẩy cái quạt, ra vườn chơi.

Bác đoán là ông Nghị, bèn đánh tiếng. Thì quả là ông Nghị thực. Vì nghe giọng nói hách dịch lắm:

- Sao không giật chuông gọi người nhà nó vào bẩm?

Bác Lan kể nỗi cơ cực, và ngỏ ý dạm bán đứa con. Ông Nghị nhìn qua bác, nhìn qua đứa bé, rồi nói:

- Ừ, để rồi tao nói chuyện với bà sẽ hay. Chờ đây, tao ra ngay.

Nghe câu ấy, bác Lan tuy trong bụng lép kẹp, nhưng thấy như được no một nửa vậy.

Hơn nửa giờ nữa, ông bà Nghị mới ra.

Bác Lan chào, rồi cũng những câu khi nãy, bác nói với bà Nghị. Bà Nghị ra ý cảm động. Bà bế đứa con vào lòng, ngắm nghía mãi.

Ông Nghị thấy bà có vẻ vừa ý, bèn hỏi giá:

- Mà định bán bao nhiêu, nói cho thực.

- Bẩm tùy ông bà cho.

Người bán không nói giá, người mua không biết giá, thì làm thế nào? Độc giả các ngài đánh giá hộ đi? Một người như chúng ta

đấy, khéo nuôi, khéo dạy, thì chưa biết chừng, vĩ nhân cũng nên đấy. Một trăm nhé! Hai trăm nhé! Năm trăm nhé!

Ông Nghị thấy bác Lan lưỡng lự, không muốn nói giá, thì đương ngồi xổm ở trước cái thúng, bỗng ông đứng phắt dậy:

- Đáng lẽ anh cho không tôi, tôi cũng không lấy, vì tôi phải nuôi nó cho anh. Nhưng thôi, việc phúc đức, tôi cho anh ba hào, cầm lấy!

Vừa nói, ông vừa móc túi lấy tiền đưa. Bác Lan gãi tai thở dài. Có lẽ không ngờ đâu cái giá trị một thằng bé con có thể mà thôi.

- Thưa ông...

- Tôi không nói lời thôi. Ông với ênh gì! Tôi không quen mặc cả. Ba hào không bán thì thôi!

Nói xong ông quay lưng vào, gọi bà đi, và đóng cổng lại.

Bác Lan vợ vẫn nghĩ ngợi mãi. Chờ mãi cũng không thấy có người ra trả thêm xu nào.

Nửa giờ sau, bác không thể nào nhịn nổi được cái dạ dày rỗng tuếch từ hôm trước. Thôi thì ba hào thì ba. Con mình được chỗ ấm no nương tựa, còn hơn là bố con bêu rếch, xó chợ đầu đường. Nghĩ vậy, bác giật chuông. Một lát, ông Nghị ra.

- Thế nào? Anh có định bán như thế không mà gọi?

- Thôi, lạy ông, ông thương phận nào, con nhờ phận ấy.

- Thương là thế nào! Nói cho dứt khoát. Bằng lòng bán ba hào không?

Bác Lan mỉm miệng, gượng cười một cách rất chua chát:

- Vâng!

Ông Nghị đưa bác vào trong nhà. Làm giấy má xong, ông còn xem xét đứa bé rất kỹ càng. Khi thấy sau lưng nó có nhiều nốt ruồi quá, thì ông có ý không bằng lòng, chê bai mãi rằng xấu. Xấu thì phải bớt tiền. Cho nên khi trả, ông không cho bác cả ba hào, mà phạt hai xu nốt ruồi!

Bác Lan lạy van mãi. Nhưng bác nghĩ, nếu cố nằn nì hai xu, thì chưa chắc đã được, mà không khéo thì bị trả tiền lại. Nghĩ nực cười, mình đã khốn nạn, lại gặp phải một thằng khốn nạn hơn, thì thôi, chịu cầm hai hào tám vậy.

Bác bế đưa con lần cuối cùng, hôn hít, dặn dò mãi, mới dứt. Khi ra ngoài cổng, bác đi không nổi, tình cha con vương vít, bác nghĩ muốn trả lại hai hào tám mà lấy con về.

Bác đứng lại, quay nhìn trong nhà ông Nghị, thì thấy kẻ bưng chậu nước, người lấy xà phòng, người tìm khăn mặt. Bà Nghị thì tự tay tắm cho đứa bé, ra dánh âu yếm, nâng niu. Bác nhìn mà cũng hả tấm lòng, nỗi đau đớn cũng như tiêu tan vậy.

Còn ông Nghị, hai mắt vẫn nhìn cái lưng nốt ruồi, nét mặt còn như tiếc món tiền tiêu vô ích khi nãy. Một chốc, ông ra ý hối hận, nói với vợ:

- Bà ạ, hoài của, giá bớt hẳn năm xu, nó cũng phải chịu.

- Sao ông nghiệt thế! Tiền hàng vụn lo nghị viên không tiếc, mà mấy xu này lại tiếc hay sao?

Ông Nghị đang tức hơi, phát gắt mà rằng:

- Tiêu những món đáng tiêu thì còn tiếc cái gì! Thằng bếp đầu! Mà chạy đi tìm thằng bán con ban nãy, bảo nó giả tiền tao mà lấy lại con lập tức!

Bác Lan giật nảy mình, co cứng, ù té chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa đếm:

- Một, hai. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám...

*Viết 7-6-1930 Annam tạp chí số 12; 1930*



## Ngựa người và người ngựa

Đố ai biết anh phu xe đương lững thững dắt cái xe không ở đường ngã tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đây?

Trông anh ấy có vẻ "đói" khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi Tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế? Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng một "cuốc" tất niên?

Ấy thế! Trả xe cho xong quách, về nhà hú hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó. Năm hết Tết đến rồi. Còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ còn lâu la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền, thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vơ vẩn vơ như thế này! Khốn nhưng anh ấy vừa mới ồm dậy, ồm một trận tưởng mười mười chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền vào lúc cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu, sạch sành sanh cả.

Bởi vậy, hôm nay, anh ấy cố vay được cái vốn để đi thuê xe, kiếm bữa gạo để ăn Tết.

Quái, không hiểu cái ngày này là ngày gì, mà từ chiều đến bây giờ, anh ấy mới được có hai hào chỉ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mời mỗi miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh Tết nhà giàu mà thêm rỏ dãi. Họ quăng tiền đi về dịp Tết, thi nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng, anh ta dỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đường xa không. Thì chỉ thấy đánh đẹt, loè một cái ở giữa đường, làm cho anh ta giật mình đánh thót. Giật mình, rồi lại thở dài, ngán cho cái đời

bấp bênh, lắm lúc muốn quẳng phăng cái xe đi, làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy lững thững như thế, qua Hàng Trống, quặt ra phố Nhà Thờ, xuyên thẳng ra lối nhà thương Phủ Doãn, thì bỗng đứng dừng, quay cổ lại nhìn.

- Xe!

- Đây!

Ba chân bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía có người gọi, hạ hai càng xuống.

- Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngót ba mươi tuổi, mình mặc xa tanh nâu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở đầu hè:

- Anh có đi giờ không?

- Bà đi mấy giờ?

- Một giờ.

- Xin bà sáu hào.

- Sao anh lấy đất thế? Hai hào!

- Thưa bà, xe ngày Tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai kéo nữa, mà bà giả rẻ thế. Con kéo một chuyến, rồi cũng giả xe, về ăn Tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

- Này, bà giả bao nhiêu?

- Hai hào là đắt rồi, ngày dưng chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

- Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thì thôi.

- Thôi.

Bà khách quay lưng đi, lần này đi thẳng.

Anh xe vắt chân chéo kheo, chông càng lên trời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán có lẽ người này cũng là khách kiết, nên mới trả rẻ quá như vậy. Thôi thì người già thì ta non. Anh chạy theo và gọi:

- Này, mời bà lên xe!... Hai... hào...! Xin bà hai hào rưỡi!. Bà khách vừa bước chân lên sàn xe, thấy anh xe vội hai hào rưỡi, vội nhảy tót ngay xuống đất:

- Không hai hào thì thôi.

- Thôi, đây, mời bà lên.

Bà khách vạch cổ tay áo, xem đồng hồ:

- Chín giờ năm nhé, nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, nên cũng chỉ chạy "dưỡng lão" thôi, dít nhồm mạnh, mà bước ngắn. Vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng bà khách đi có việc gì, cho nên còn chạy. Sau thấy bà cứ trở vơ vẩn hết phố nọ sang phố kia, mà chả đỗ ở phố nào cả, thì mới đoán có lẽ là cánh "ăn sương" chi đây. Anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải giăng há thì mình giới thiệu cho một món sộp đáo để.

Nhưng lỡ không phải thì họ mắng cho và không trả tiền thì khổ. Qua chợ Đồng Xuân, vòng về Hàng Cót, lại rẽ sang Cửa Đông, bà khách bỗng hỏi:

- Anh xe có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Vâng, nhưng bà có cho cháu hai thêm hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.

- Được.

- À, anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc nữa, tôi giả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao phục, lấy ra hai hào, đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu, mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe nhấp nhồm chạy rảo cẳng vài bước, rồi lại tiến bước như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn:

- Bà tìm ai, thưa bà?

- Tôi tìm người quen.

- Người quen bà ở phố nào?

- Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra Ga, vòng về đường Sinh Từ, quặt về Hàng Bông, Hàng Mành, Hàng Vải Thâm, vân vân. Mãi mãi, mà người khách vẫn không tìm thấy ai quen.

- Thưa bà, bây giờ mấy giờ rồi?

- Mười một giờ kém năm.

- Con kéo hết giờ này, xin bà cho tiền để con đi đón khách ở ga về.

- Anh có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chớp bóng thì một cuốc cũng được hai hào chỉ.

- Anh đã chắc có khách chưa? Hay là mặt ít ruồi nhiều, rồi dắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thùng thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mưa mặt ra ư?

Anh xe nghe bụi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi. Các cửa đóng kín mít. Đi một lúc, qua Ngõ Trạm, vòng sang Hàng Điều, rồi rẽ sang Hàng Bồ. Lúc ấy, bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, ùi ẹt báo giao thừa.

- Máy giờ rồi, thưa bà?

- Phải giờ nhà nào bây giờ đã đốt pháo giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: "Mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào. Sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín. Chín hào! Mở hàng ngay vào lúc năm mới vừa đến. Thật là may! Mới năm mới đã phát tài! Thôi, sang năm tất là làm ăn bằng mười bằng trăm năm nay".

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phấn chấn trong lòng, như có cái sức gì nó xúi giục anh quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

"Sáng mai, kéo chuyển khách qua ga, xong rồi, ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga tô cho nó mừng. Vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hớn hở, thấy ta làm lụng vất vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không một nhọc, để vợ chồng con cái ăn Tết với nhau cho hể hả".

Anh vừa nghĩ thế, vừa kéo về phía nhà thương Phủ Doãn. Tới chỗ khi nãy, anh dừng xe lại, nói:

- Bây giờ có lẽ mười hai giờ, xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luống cuống, nói:

- Chết! Anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

- Thôi khuya rồi, cháu phải về nhà.

- Này, chả nói giấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ. Có anh biết đấy. Có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để giả anh. Nhưng chẳng may gặp phải cái tôi xúi quẩy thế này, thì tôi biết làm thế nào?

- Thế cô đi xe tôi từ chín giờ, cô không giả tiền tôi à?

- Bây giờ thì tôi biết làm thế nào?

- Tôi kéo cô lên Cẩm.

- Lên Cẩm thì tôi cũng đành lên với anh, chứ tôi biết làm thế nào!

- Thế mà cũng vác mặt mặc cả xe giờ, lại còn vay tiền người ta mà mua thuốc lá với hạt dưa!

- Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng Bún, khi nào anh đi qua, thì tôi giả tiền anh chứ gì!

- Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng Bún, ai biết ngõ nào mà tìm!

- Tôi không có tiền đâu, chả tin anh khám mà xem.

- Tôi không khám, cô giả tiền tôi cho tôi về!

- Đây, hay là phu la, áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thức gì thì lấy.

- Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à?

- Thôi này, đừng cáu làm gì. Tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh, cũng đi kiếm khách cả. Nhỡ phải một tối thế này, thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào?

- Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà sấm để hỏi, cô còn sĩ diện mãi.

- Nào ai biết cơ sự nó ra thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền giả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may tôi có khách thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn nàn nữa.

- Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp! Rắc rồi!

- Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thế này!

Anh xe vừa đi, vừa thở dài. Khách cũng vừa đi, vừa thở dài. Càng đi, càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt. Thỉnh thoảng mới gặp một người tùm hum cái áo ba đờ xuy, mà đi có ý vội vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau xung quanh ngọn đèn. Lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau ở trên đường nhựa.

Anh xe dắt xe đi điều qua các cửa nhà sầm để xin việc cho cô ả. Nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi, cho nên ế! May sao, đến đầu phố Hàng Gai, thì gặp một người ăn mặc ra dáng ăn chơi, đang tất tả cúi đầu đi. Cô ả dủ môi, đánh liều gọi lại, vờ vĩnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu, và cứ rảo cẳng bước đều:

- Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được. Tôi còn vội đi mời đốc tờ cho vợ tôi ốm đây!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuôi nhau, rồi không ai nói thêm một lời nào. Anh xe lại từ từ tiến bước.

- Cô làm thế này thì tôi chết mất!

- Thôi anh bằng lòng vậy.

- Ấy cũng may cho cô, vợ vẫn mãi ở ngoài phố thế này, mà gặp mặt thám hoặc đội con gái thì khốn!

- Mặt thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có "ba tăng".

Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả, cô ả bảo anh xe:

- Nay, anh đỡ xuống tôi bảo. Tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế mà thôi. Tôi thì thực không có tiền giả anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín, vắng, anh muốn bắt tôi gì, tôi xin chịu.

- Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe, nhả nở cười:

- Anh này thực thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì, tôi cũng bằng lòng.

- Ồi thôi! Tôi lạy cô. Nhờ cô đỡ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi.

- Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

- Thôi, tôi chấp tay tôi van cô, cô có thương thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

- Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi, xem có đồ đạc gì đáng giá, thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ, thôi thì cầm bằng như mất cả buổi đêm nay là cùng. Nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì thì ta lấy, còn hơn về không. Thật là đồ nát đụng nhau.

- Nhà cô ở đâu?

- Trên Hàng Bún.

Anh xe vừa kéo, vừa lẩm bẩm nói một mình:

- Không có tiền, cũng leo lên xe mà ngồi, chỉ sợ diện hao thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phèo thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt dầy cho anh xe mắng một ít câu cho bố hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy, gió bắc thổi căm căm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phố đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để đi tìm gái đâu!

Đến cửa một nhà sấm, cô ả bảo:

- Anh hãy ghé vào đây một tý cho tôi hỏi vay tiền người này xem có được không.

Anh xe hơi có hy vọng, đỗ lại để cho cô ả vào. Rồi vì mệt lử, anh ngồi phịch xuống sàn xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ, vừa nghĩ vợ nghĩ vẩn.

Một lúc lâu, một tràng pháo nổ vang trời, làm anh giật mình. Anh sức nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế. Hay có lẽ đã có món khách nào chẳng. Nhưng thế nào cũng phải trả tiền cho mình về đã chứ, lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh gõ cửa gọi.

Người bồi sấm ra.

- Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quán khăn quàng trắng vào đây ban nãy, nằm ở buồng nào?

- Chả có buồng nào có khách cả.

- Thế người con gái ấy đâu?

- Ra ngay từ bao giờ rồi, còn đâu mà hỏi?

- Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau.

Anh xe choáng người, như nghe tiếng sét đánh. Anh bàng hoàng như chợt tỉnh giấc chiêm bao. Người bồi sầm nói xẵng:

- Đi, cho người ta đóng cửa. Ai bảo anh xông nhà cho tôi? Năm mới đừng bí beng!

- Ông ơi!...

Người bồi giúi vai anh xe, đẩy ra, rồi đóng ập cửa lại.

Anh xe nghiêng răng, cau mặt, lủi thủi ra hè, cầm cái đệm quật mạnh vào hòm đánh thành một cái! Anh móc túi lấy bao diêm đốt vía, rồi khoèo bàn chân, co cái càng lên, đưa tay ra đỡ, thùng thẳng dắt xe đi.

Tiếng pháo chào xuân nối đuôi nhau ùng ùng, toạch toạch...

*Annam tạp chí số 18, 1931*



## Thế là mẹ nó đi tây

*A bord du Chantilly, le 10 Décembre 1927*

Cậu. Trời ơi, thực là tôi để lụy đến cậu! Nếu biết trước rằng cảnh ly biệt nó xé tan nát gan ruột tôi như thế này, thà cứ chịu ở nhà dạy học, đỡ cậu mỗi tháng ba bốn chục bạc lương, thì được gần gũi gia đình, sớm tối vui thú với cậu, với con, việc gì đòi xuất dương du học, đến nỗi bây giờ vất vả một mình, thân gái dặm trường, khóc thầm với bóng!

Từ lúc con tàu chạy xa, nhìn vào bờ, chỗ cậu đứng bế con, chỉ thấy cái mùi soa bay phấp phới mà thôi, thì tôi bồi hồi tắc dạ, giọt lệ khôn cầm, tâm sự ấy bút nào tả xiết! Chỉ tiếc ngày thường không chịu nghiên cứu văn chương An Nam, để lúc ấy tôi làm một bài thơ kỷ niệm sự biệt ly!

Vào đến buồng, nằm lả trên giường, tôi không buồn dậy nữa. Đã toan lấy bút ghi chép mấy câu vào quyển sổ tay, nhưng thăm quá, nước mắt đã tràn trụa, không nghĩ ra câu nào mà viết! Cậu ơi! Cậu có làm thế nào cho tôi đỡ nhớ không?

Nhưng nay biết làm thế nào bây giờ? Con tàu ác nghiệt nó cứ mỗi lúc một làm cho mình xa nơi xứ sở thân thích, rồi nó lại che kín bằng bức màn sương. Nghĩ lại lúc mới cạo răng, mặc bộ quần áo đầm, lúc mới bước chân xuống tàu, trong bụng hăm hở thế nào, thì bây giờ nhớ đến cái tình vợ chồng, cái tình mẹ con, tối tối được xum họp cùng nhau dưới ngọn đèn, thì ruột tôi lại cũng đau như cắt thế!

Nhưng đã trót đi thì cứ dấn, tôi không nản chí đâu, cậu ạ! ở Hà Nội, thì chín khoa đã trượt cả, thì sang Tây phen này, ba năm ắt giật được mảnh bằng tú tài. Cậu sẽ chẳng xấu hổ mất tiền cho vợ du học đến nỗi tay trắng về không. Tôi buồn thực. Nhưng buồn bao nhiêu, tôi nhớ cậu bấy nhiêu. Tôi nhớ cậu bao nhiêu, tôi lại càng không dám phụ công cậu nuôi cho ăn học.

Thằng chó con, trông ảnh nó, tôi nhớ nó quá! Nó có hỏi tôi luôn không? Nó có biết rằng mợ nó đi Tây không? Mấy hôm nay, nó có hay quấy không? Cậu nhớ cho nó chừng đậu đi nhé. Mẹ tôi ở nhà có buồn không? Nếu cậu thương nhớ tôi, thì nhờ cậu thay tôi, thỉnh thoảng đi lại khuyên giải mẹ tôi cho khuây khỏa. Viết đến đây, nghĩ đến mẹ già, tôi lại tủi. Chẳng may nhà nghèo, đến nỗi bao nhiêu phí tổn đi Tây học, tôi để phần cậu chịu cả! Tôi thương cậu quá. Thực là một người chịu khó nhọc một mình để kiếm lương nuôi vợ đi du học như cậu, ít có lắm.

Nhưng cậu cũng nên thương tôi mà đừng chơi bời gì cả. Lúc nào cậu cũng nên nghĩ đến tôi, thui thui quê người, vì thương cậu mà đêm ngày cố công đèn sách. Tôi nói thế, chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ! Quái, sao hôm nay tôi thấy lao đao thế này, hay là say sóng rồi đây?

À quên, cái hộp phấn của tôi dùng dở để ở bàn, cậu cho mang lại đằng chị Diệp hộ, vì chị ấy xin, mà tôi quên đi mất.

Xin chúc cậu và con mạnh khỏe luôn.

Tạ Tuyết Anh

*A bord du Chantilly, le 1er Janvier 1928*

Cậu,

Những thư trước tôi gửi về, chắc cậu tiếp được cả rồi. Lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải. Sự đó tôi cũng biết lỗi, đáng lẽ người đi phải yên ủi kẻ ở bằng những câu vui vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối hận quá.

Gần tới Marseille rồi, cậu ạ. Từ khi con tàu qua kênh Suez, vào địa phận bể Méditerranée tới nay, tôi thấy phấn chấn trong lòng lắm. Trời tây bảng lảng bóng vàng, cái không khí êm đềm, nhẹ nhõm, làm cho tôi được thấy như khỏe mạnh hơn. Nhất là từ khi tôi được quen mấy bà người Pháp cùng đi một chuyến, thì những lúc nhớ nhà, nói chuyện cũng được khuây buồn. Cho nên càng khuây buồn bao nhiêu, tôi càng nhớ đến cậu bấy nhiêu. Chỉ thương cho cậu lúc này, có lẽ đang nằm thừ trên giường mà nghĩ đến vợ, lênh đênh giữa bể, không biết có bình yên mạnh khỏe không. Nhưng cậu

nên yên tâm nhé. Vợ cậu buồn thì vợ cậu được thở than với bạn được viết thư nói chuyện với cậu, chứ những lúc cậu nhớ vợ cậu thì cậu than thở cùng ai? Cậu chỉ ngậm mỗi sầu trong bụng mà không viết được ra thư, vì thư của cậu dù có gửi ngay, tôi cũng chưa tiếp được! Sự đau lòng mà không tỏ ra được mới thật là nên thương!

Quái tôi lại nói chuyện buồn rồi! Thế nào? Hôm lễ Noel vừa rồi, cậu có mua cho con thức gì cho nó chơi hay không? Hôm nay cậu có đi chào Tết hay không? Chào những ai? ở dưới tàu, sáng ngày, hành khách cũng tụ họp để chúc nhau, vui đáo để. Mẹ tôi vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Cậu đã khỏi thực đau mắt chưa? Hối thế khí lắm lắm, ngót một tháng rồi, còn gì mà chưa khỏi nhỉ!

Thôi, hôm nào tới Marseille, tôi sẽ đánh dây thép báo cậu biết.

Vợ yêu cậu  
Tuyết Anh

*Aix-en-Provence, le 7 Janvier 1928*

Cậu,

Ban nãy tới Marseille, tôi đã đánh dây thép về cho cậu biết rồi. Chắc cậu đã tiếp được hơn một tháng nay, mà biết đâu, trong khi cái thư này vượt biển về Hải Phòng, nó không gặp cái thư của cậu gửi cho tôi sang Pháp. Thế mà chúng nó không bắt tay nhau, tệ nhỉ!

Tôi tới Aix mới được hơn một giờ đồng hồ! Tuy trong người vẫn còn lao đao như khi ở dưới tàu, nhưng không thể nào ngồi yên mà không thảo vài câu để nói chuyện với cậu biết được.

Ông bà Madron ra tận Marseille đón, cậu ạ. Ông bà ấy vẫn vui vẻ như xưa, duy ông ấy thì trông khác trước vì bây giờ cạo trụi cả râu đi rồi. Ông bà ấy nhận ra tôi chứ giá để kệ, có lẽ tôi không biết ông ấy nữa. Bà ấy có hơi già hơn trước, và nói rằng từ ngày về Pháp, thì sự làm ăn có vất vả hơn ở Hà Nội ta. Thằng Robert nó còn nhớ tôi! Bây giờ nó lớn lắm, bằng con người ta lên mười ấy! Ông bà Madron được mấy chai nước mắm của tôi biếu thì mừng rơn, nói rằng từ ngày về Tây, chỉ nhớ nhất là thứ đồ ăn đặc biệt ấy. Ông bà ấy quý lắm, đem cất kỹ vào trong tủ.

À quên, từ Marseille đến Aix, chỉ có 29 km thôi, chứ có phải 39 km đâu mà trước cậu cứ cãi mãi. Tôi đi xe điện chứ không đi xe lửa,

chỉ độ ngọt một giờ thì tới. Hai bên đường phong cảnh đẹp lắm, nhưng vì tôi mệt, nên chưa quan sát kỹ, để một thư sau, tôi sẽ tả rõ.

Mai tôi nhờ ông Madron giới thiệu hộ với giáo sư Bourguignon độ đến tháng Octobre này thì có thể thi vào lớp 1ère ở Lycée Mignet được.

Kính chúc cậu và thằng chó mạnh khỏe,

Jet'embrasse  
TuyếtAnh

*Aix, le 12 Janvier 1928*

Cậu,

Từ nay, cậu viết thư cho tôi, thì cứ đề về No 2 phố Eméric David là nhà tôi thuê.

Tôi sợ dĩ phải thuê nhà, là vì ở đằng ông bà Madron chật quá, không có chỗ tĩnh để học, mà chính bà Madron giữ ý, không muốn để tôi ở đằng ấy. Nhưng thế là tiện lắm. Nhà thuê mất 200 f một tháng. Rẻ đấy, vì chủ nhà là người bà con với ông Madron. Chỗ ở xinh lắm, lại được gần nhà hội quán của tụi học sinh An Nam, số nhà 25. Từ nhà tôi đến nhà ông Bourguignon cũng gần. Ông Bourguignon ở đầu phố, giáp ngay Cours Mirabeau. Mỗi khi tới đây, thấy xe điện chạy về phía Marseille, thì tôi lại nhớ nhà lắm. Nhất là ở trước cửa nhà trọ, có một cái cây sao mà giống cái cây trước cửa nhà ta thế! Cũng có cái cành cụt, trước cậu vẫn bảo như cái nắm tay giơ ra để ục nhau ấy mà!

À, gớm chiều hôm nay, ở Café Leaydet, gần phố tôi ở, có một chuyện xảy ra ghê cả người. Có hai người học sinh ta họ cãi nhau về nghĩa lý văn bài thế nào, thành ra to tiếng. May có anh em vào can mới yên. Học sinh An Nam ta, cứ chiều tối là hay ngồi đó. Học sinh người mình ở Aix có độ ngọt trăm. Nhiều người học hành xuất sắc lắm, nhưng lắm bố con nhà giàu thì chỉ chơi bời mà thôi! Có ít người cũng ở phố David, vì gần hội quán, lại gần Lycée Mignet, đi độ 5, 6 phút thì tới.

Tối mai, bà Madron rủ tôi đi xem cinéma, cách chỗ tôi ở một quãng, tôi đã nhận lời.

Tôi xin thề rằng sẽ hết sức học hành để khỏi phụ lòng cậu trông cậy, xin cậu yên tâm. Ông Bourguignon giỏi khoa văn chương lắm, nghe ông giảng như nước chảy, mê cả tâm thần!

Chắc vài hôm nữa, tôi sẽ tiếp thư cậu. ở nhà có việc gì lạ, xin cậu đừng giấu tôi.

Tạ TuyếtAnh

*Aix, le 4 Février 1928*

Cậu,

Đọc thư cậu, nước mắt tôi tràn trụa đầy cả ra giấy. Trời ơi! Biết thế này, thì tôi chẳng đi Tây cho nó đành!

Thôi cậu ạ, cậu có thương tôi, thì cậu nên nghe tôi, cậu đừng đi làm thêm giờ nữa. Vẫn biết mỗi tối làm thêm vài giờ chẳng là bao, cuối tháng cũng được ba bốn chục bạc phụ cấp, nhưng cậu cứ cặm cuội quá sức thể thì đến kiệt lực mà ho lao mất! Cậu có khỏe gì bằng ai, tôi tưởng chả nên tham việc quá thế. Thì ra chỉ tại tôi mà đến nỗi một mình cậu vất vả, cậu làm cho tôi thương cậu đến nỗi ốm mất.

Cậu ơi! Cậu nên tỉnh dưỡng, nên coi sức khỏe làm trọng mới được. Lương cậu hiện đã được 140 đồng mỗi tháng, chỉ phải gửi cho tôi có 80 đồng, còn ăn tiêu ở nhà cũng tiếm đủ rồi, thì thôi, tôi xin cậu, đừng nên quá tham, lỡ có mang bệnh, lại để tôi ân hận suốt đời vì con vi trùng ho lao có nể người tốt bụng đâu?

Nếu cậu không nghe tôi, thà rằng cậu cho tôi xuất tàu để tôi về còn hơn.

Nhân tiện xin nói để cậu biết, cậu nghĩ vậy mà khuyên tôi như thế cũng là phải. Nhưng tuy tôi là thân gái một mình ở nước tự do, song, xin cậu biết rằng ở đây tự do thật, nhưng là cái tự do có giáo dục, chứ không như ở bên ta đâu. Vả lại bao giờ đi ra ngoại quốc cũng phải giữ sĩ diện cho nòi giống chứ. Tôi nói quá như thế để cậu yên tâm, chứ nào cậu có ngờ gì tôi đâu. Xin cậu biết cho rằng không phút nào là tôi không nhớ cậu, nhớ con, là hai người thân nhất của đời tôi. Trừ những khi mất đề vào quyển sách, thì lúc nào tôi cũng nhìn lên ảnh cậu và ảnh con để ngay trước bàn mà ngắm cho khỏi nhớ.

Ở đây, tháng Février này rét lắm. Sáng hôm nay có mưa tuyết. Chiều đến, ở Cours Mirabeau, trẻ con nắm tuyết ném nhau trông thật vui mắt.

Mưa tuyết xong, tiếp luôn mấy trận gió mistral thổi rét thấu xương. Đường phố lội nhồm nhớp, bẩn quá. à, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe cái lối đỗ ô tô ở phố chưa nhỉ? Mới trông lạ mắt, buồn cười lắm. Nó không đỗ theo dọc đường, sát hè phố như bên ta đâu. Xe nào cũng đứng ngang đường, quay mũi ra ngoài. Bây giờ trông quen, không thấy lạ nữa, mấy hôm đầu, đi sát vào mũi, tưởng hình như nó sắp xéo bẹp mình! Cậu đã nhận được áo đan chưa, sao không thấy nói trong thư? Cậu viết cho tôi đi, dài vào nhé! Nhớ cậu quá!

Tuyết Anh

*Aix, le 2 Mai 1928*

Cậu,

Khốn nạn thân tôi, sao cái tin đau đớn của tôi, cậu không báo cho tôi biết bằng dây thép. Đành rằng mẹ tôi chết, dù có biết sớm cũng không làm gì được, nhưng sao cậu ác nghiệt quá thế, trời ơi!

Cậu ơi! Tôi bất hiểu quá, mà ông trời kia sao khéo lừa dối tôi làm vậy, bắt tôi đi xa rồi đem mẹ tôi đi đâu?

Ông bà Madron thấy tôi có tin buồn, sang khuyên giải và tiêm cho tôi liều thuốc bổ. Bây giờ tôi không mê man như lúc mới tiếp tin nữa. Khốn nạn, dù tôi có than khóc hết hơi cũng không sao thấu được đến cửu tuyền, để yên ủi linh hồn mẹ. Sao tôi chẳng được chết đi cho rồi!

Nhưng đến trường hợp này, tôi mới rõ bụng cậu. Thực là ít thấy có. Mà nhà tôi cũng là đại phúc, nên trời kia xui khiến tôi được hầu hạ cậu. Mẹ tôi chẳng may chết đi, có tôi là lớn lại đi vắng, nhưng được cậu ở nhà, lấy tình rể cũng như con, mà càng đáng lo lắng cho các việc ma chay, cái ơn trời bể ấy, tôi biết lấy gì đền lại. Tôi chỉ khẩn cho cậu sẽ được trông thấy tôi công thành danh toại, một mai về nước, đem tiếng thơm về đền ơn trả nghĩa cậu mà thôi. Nếu kiếp luân hồi mà có thực, thì tôi xin cả kiếp sau cũng tìm được cậu để được trả nghĩa cho trọn cái ơn này.



Cậu ơi, tôi nói không sao xiết ý được. Mà nhất là trong lúc tôi gặp cảnh đau đớn này, thì tôi chỉ biết than thở, khóc lóc mà thôi. Còn thằng em bé tôi đấy, tôi cũng xin cậu trông nom cho nó được nên người, để tôi yên tâm học tập. Xin cậu vì thương tôi mà thương đến nó, chứ bây giờ tứ cố vô thân, nếu cậu không đoái hoài đến nó thì thật không còn bầu vùi vào đâu được nữa. Khốn nạn cho tôi, ở vào cái cảnh nghèo! Tôi ghen lời, không sao viết được thêm nữa.

À, thư trước viết bằng tiếng tây là ý để cậu biết sức học của tôi bây giờ thế nào, chứ có dám nghĩ như thế đâu, cậu miễn trách cho. Cậu đừng chơi bời gì nhé, nên thương đến tôi.

Vợ khốn nạn của cậu  
Tuyệt Anh trăm lạy

*Aix, le 29 Juillet 1929*

Cậu,

Thế nào? Sao cậu không mời docteur cho con, uống thuốc ta, tôi tưởng chả ăn thua gì đâu. Nhưng nó cũng mệt xoàng thôi đấy chứ? Đầu tháng này, có kết quả kỳ thi tú tài, tôi trông thấy người đỗ, mà lại lo, chẳng biết sang năm, số phận mình ra sao.

Nhưng mà xem ra tôi học tấn tới lắm, cậu ạ. Cậu cứ yên tâm mà làm ăn. Cái bát họ của chị Tham, cậu nhận như thế cũng phải. Thà mua sớm mà trả nợ, còn hơn là để nó dây dưa, rồi đến hẹn, phải lo một món to. Cậu cứ chịu khó ăn sên để dành, nay mai phúc nhà còn vượng, tôi đỗ về, thì lúc bấy giờ ta làm giàu!

Nghĩ đến tương lai thì phấn chấn trong lòng, mà nghĩ lại riêng mình cậu khó nhọc, thì tôi lại đau từng khúc ruột. Vì tôi mà cậu mang công mắc nợ, một mình lo lắng năm canh! Nào cho tôi đi học, nào lo lắng ma chay cho mẹ vợ, nào nuôi cho em vợ đã đỗ được nên người.

Độ này cậu phải đi làm thêm như thế có mệt lắm không? Cậu nên mua thuốc bổ mà uống. Nếu không thì lại đằng ông lang Hai mà mua lấy mấy lạng cao ban long để ăn. Cậu chớ nên coi thường sức khỏe làm vậy.

Năm nay ở bên này nắng lắm, cái nắng khô khan ở miền Nam này, lắm lúc tôi cũng thấy khó chịu, nhưng vẫn được mạnh khỏe.

Tôi gửi theo đây gói đồ chơi cho con, nó mừng rỡ thế nào, cậu cho tôi biết. Cái ảnh cậu mới gửi sang, sao tôi trông gầy thế? Mà mũi con có vết gì đau, hay cái vết sần trong ảnh, cậu cho tôi biết.

Tôi khỏi ốm ngay tối hôm tôi viết thư về cậu. Nếu biết rằng cậu lo, thì tôi chẳng nói cho xong.

Mille baisers  
Tuyết Anh

*Aix, le 15 Aout 1930*

Cậu,

Thật là từ ngày tôi sang bên này tới nay, tôi tiếp thư nào ở nhà cũng lấy làm buồn bực, ân hận.

Ai ngờ vừa tháng trước đánh dây thép báo tin đồ cho cậu biết, thì nay đã tiếp được tin cậu như sét đánh ngang tai.

Thế nào, cậu ho ra làm sao mà có máu thế? Tôi nói có sai bao giờ đâu. Cậu chả nghe tôi, cậu chả bổ dưỡng sức khỏe, để đến nỗi mang bệnh vào mình. Nếu cậu ho lao, thì cái vô phúc, trăm phần tôi xin chịu cả. Thà rằng tôi chết cho cậu được sung sướng, còn hơn tôi để cậu phải cáng đáng một mình hết nỗi nọ đến nỗi kia.

Cái ảnh phổi cậu chụp xong, cũng cho tôi xem với. Nếu thầy thuốc chiếu điện mà đã nói thế, thì tôi tưởng chỉ nên nghỉ việc đi là hơn.

Nhưng làm thế nào? Cậu trồng cây sắp tới ngày ăn quả. Đến sang năm, tôi thi nốt phần thứ hai kỳ tú tài rồi, vậy cậu nghĩ tôi thế nào, tôi cũng xin vâng theo.

Ở bên này, ông Madron mấy hôm nay cũng ốm, đến nay bệnh vẫn chưa thấy lui.

Thì ra xung quanh mình, tôi chỉ thấy những sự buồn mà không đủ sức để can ngăn nó được. Tôi khổ lắm!

Bệnh tình cậu hiện nay thế nào, từ nay xin cứ mỗi kỳ tàu, cậu nhớ cho tôi biết. Con thế nào? Vẫn chơi ngoan đấy chứ? Chuyện gì bí mật mà tôi hỏi trong ba bức thư luôn, cậu chưa trả lời thế? Đừng chơi bời gì nhé!

Nay kính thư  
Tuyết Anh



*Aix, le Septembre 1931*

Thưa cậu,

Tôi bất đắc dĩ cầm bút viết bức thư này để tạ tội cùng cậu, xin cậu tha thứ cho người vợ bạc bẽo, phản bội này.

Tôi chịu ơn cậu rất nhiều, cũng mong đến ngày công thành danh toại, về để hầu hạ cậu, giúp đỡ cậu trong lúc ốm đau. Nhưng mà... tóc tơ ngắn ngủi có ngần ấy thôi, cậu cũng cầm lòng như tôi hư mà cậu bỏ tôi từ trước, hoặc duyên đôi ta giữa đường đứt quãng, thì từ nay xin cậu coi tôi như không có nữa mà thôi.

Sự vợ chồng ông trời đã định sẵn, có lẽ duyên nợ của cậu với tôi, đã hết từ ba năm trước, lúc đưa nhau ở bến tàu Sáu Kho.

Cậu cũng đừng nghĩ, đừng tìm tôi nữa, tôi sẽ ở Nam Kỳ với một người bạn học tôi mới đậu Y khoa bác sĩ.

Nay vĩnh quyết  
Tuyệt Anh

## Xin chữ cụ nghệ

Gần chỗ tôi ở, có một cụ Nghệ, đỗ khoa nào tôi không rõ. Cụ Nghệ nổi tiếng là hay chữ. Những thơ phú, câu đối, cụ làm ra, toàn là chữ nho cả, tôi ù cạc như vịt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều và đều phục là hay lắm.

Làng cụ ở cách nhà tôi độ ba cây số. Những ngày rỗi việc, tôi thường đi lại để được hầu chuyện cụ. Vì tính cụ vui vẻ, dễ dãi, nhất là tiếp đãi tôi, thì bao giờ cũng một cách đặc biệt. Thường cụ vẫn bảo tôi rằng nếu có cần việc gì về chữ nho, thì cụ sẵn lòng giúp.

Tôi vâng dạ, nhưng chưa có dịp nào được phiền đến cụ, vì chưa có dịp nào phải cần giao thiệp bằng chữ nho. Nhiều người cứ xui tôi xin cụ đôi câu đối, nhưng tôi không muốn. Vì vẫn biết cụ sẵn lòng cho, nhưng chính mắt tôi thường trông thấy phàm ai muốn nhờ vả cụ về chữ nghĩa, đều phải có đem hoặc càn cau, hoặc gói chè, hoặc có khi cả đồng bạc nữa, để biếu cụ. Chứ không ai chơi cái lối "nước dãi" bao giờ. Như thế thực là phải. Cho nên, chẳng lẽ bây giờ mình nhờ cụ, mà cũng xử như người ta, đem gì đến, thì sợ cụ cười rằng trẻ con không biết gì. Nhưng nếu ngộ không tạ cụ bằng thức gì, thì cụ lại chẳng bằng lòng vì cách "tây" quá ấy chẳng. Bất nhược chẳng phiền cụ cho xong quách.

Một hôm nhận được giấy cáo phó của một người bạn thân báo tin ông cụ thân sinh mới tạ thế, tôi cùng vài người anh em định rủ nhau sửa đồ phúng chung.

Ngày thường, chúng tôi vẫn nghe lắm nhiều người nói chuyện rằng phúng đám ma các cụ già, người ta hay dùng bốn chữ Hạc giá tiên du. Chúng tôi định thừa ở hiệu bốn chữ ấy. Nhưng mặt chữ không thuộc, nên không biết viết thế nào. Mà đành phận chữ chỉ là cò cũng không biết, thì thà chịu dốt còn hơn. Vả lại bốn chữ sẵn này, tuy hợp nghĩa, nhưng nó cũ rích, lại chẳng hay ho gì, không đủ tỏ được cái tình thân mật của chúng tôi đối với hiệu chủ. Chúng tôi

bền quyết không dùng mấy chữ sáo Hạc giá tiên du ấy nữa. Nhân có cụ Nghè ở gần, chỉ bằng chúng tôi lại xin ngay chữ cụ, tất được hay lắm.

Chúng tôi biết tính cụ Nghè thích đánh chén, mà xưa nay chúng tôi lại chưa được dịp vào hầu rượu cụ, nên nhân việc này, chúng tôi mời cụ đến xơi cơm, rồi nói chuyện xin chữ cho tiện.

Dặn dò người nhà làm cơm và mua rượu xong, chúng tôi cùng thân hành đến nhà cụ Nghè để đón cụ. Hôm ấy, được ngày cụ thông thả và mát trời, nên cụ đi ngay.

Cơm xong, tôi nói:

- Thưa cụ, tiện đây, chúng con có một việc muốn phiền cụ.
- Hừ! Các ông lại muốn nhờ làm câu đối chứ gì?
- Dạ.
- Thế thì việc quái gì phải bày vẽ ra như thế này cho thêm tốn?
- Bẩm có gì là bày vẽ. Chúng con chủ ý mời cụ quá bộ đến xơi cơm để chúng con được hân hạnh hầu rượu cụ mà thôi.
- Câu đối gì?
- Bẩm câu đối phúng.
- Phúng ai.
- Bẩm phúng ông thân sinh một người bạn thân.
- Được! Dem giấy, bút, mực ra đây.

Chúng tôi đưa lọ mực tây và bút sắt. Cụ không nghe, cười:

- Tôi có quen dùng những thứ này đâu?

Chúng tôi bèn chia nhau đi mượn cho đủ bộ. Khi thấy mang về, cụ bảo:

- Mài mực đi. Ông đổ ít nước lã vào đây, rồi mài thoi mực này mười vòng vào chỗ này, khi nào đen thì thôi.

Chúng tôi vâng lời cụ. Khi mực mài xong, cụ để các đồ dùng trước mặt, lên ngọn kính, rồi hỏi:

- Viếng ông cụ thân sinh ra bạn thân phải không?
- Dạ.
- Ông cụ ấy bao nhiêu tuổi?
- Bẩm ngót bảy mươi.

- À thọ nhỉ? Con cháu khá cả đấy chứ?

- Bẩm vâng.

- Ông cụ ấy còn cha mẹ già không?

- Không ạ.

- Bà cụ còn chứ?

- Dạ.

- Được. ấỵ, phải biết đủ như thế, mới có thể giải tỏ hết cả tấm lòng mình được.

Cụ nằm phục vị trước tờ giấy, chống tay vào cằm, nghiêm nét mặt lại, rồi rung đùi, cơ chừng để nghĩ. Chúng tôi ngồi chấp tay, yên lặng cả, để khỏi làm rối mất mối văn chương của cụ Nghè.

Một lúc, cụ ngồi nhồm dậy, nói:

- Mà cần gì phải câu đối? Bây giờ những đám ma văn minh người ta có hay dùng câu đối nữa đâu? Để tôi nghĩ cho bốn chữ rõ hay, các ông có bằng lòng không?

- Dạ!

- Được.

Cụ lại phục vị, cầm bút chấm vào nghiên, xoe ngòì cho tròn rồi viết. Chúng tôi châu đầu cả vào để nhìn tay cụ.

Đầu tiên, cụ nắn nét viết một dòng chữ về mé tay phải ở tờ giấy, chỗ đề niên hiệu:

**Bảo Đại Nhân thân niên trọng hạ nhật.**

Rồi cụ đưa phất tay sang mé trái tờ giấy, viết luôn một dòng chữ nữa đề lạc khoản:

Tử chấp: Trần Văn X, Trịnh Hữu Y, Nguyễn Mạnh Z, đồng trang văn.

Cụ hỏi:

- Có phải tên các ông viết thế không? Dòng bên kia là đề ngày, tháng, năm đấy.

- Dạ.

- Tử chấp nghĩa là hàng con, các ông cũng vào hàng con cụ ấỵ.

- Dạ.

Chỗ giữa vẫn còn để trống. Cụ lại hỏi:

- Ông cụ có phải không nhỉ?

- Dạ.

Lúc ấy cụ lại ra dáng nghĩ ngợi hơn, gục hần mặt vào bàn tay và rung chân mạnh hơn trước. Rồi ngẩng dậy, cụ đặt bút, chấm vào mực, lăn mãi ngòi vào nghiên. Chúng tôi lại phải im phăng phắc, không dám thở mạnh để cụ loạn trí, mất chữ hay, chăm chăm con mắt nhìn theo tay cụ.

Độ năm phút sau, cụ đặt bút xuống chiếu, gãi chân, rồi kêu nực, chúng tôi quạt hầu. Cụ cầm bút rồi rung đùi. Một chốc, cụ lại xoay bút, không rung đùi nữa, đặt hần ngòi trên mặt tờ giấy, đưa đi đưa lại cái quăn, ngoáy ngoáy trên không để lấy gân, rồi dí hần xuống, nắn nót, viết bốn chữ nét rậm rì to tướng.

Viết xong, cụ nhồm phất dậy, trở vào từng chữ mà giảng cho chúng tôi được hiểu thấu cái hay. Cụ Nghè giảng rằng:

- Hạc là con hạc, giá là xe, tiên là cỡi tiên, du là chơi, các ông hiểu chưa?

Hiểu rồi, chúng tôi lườm nhau, chỉ sợ có anh nào cười thì chết!...

*Annam tạp chí số 45, 1932*

## Thằng ăn cắp

Phải đôn trện này thì nó cạch đến già! Nhưng đáng kiếp lắm! Ai thương? Ai bảo mới nứt mắt ra đã đi ăn cắp?

Người ta kháo nhau:

- Quân ấy tinh quái lắm! ấy, nó cứ giả vờ đói khát để ăn xin, trát bùn vào mặt, vào người, lử thử lử thử, làm như thằng ốm, nhưng hễ rình nhà nào vô ý, là thừa cơ thó ngay, rồi lẩn mất, nhanh như cái cắt!

Người ta gờm mặt nó! Người ta sợ nó! Hễ nó lảng vảng đến, người ta ngờ, người ta canh, người ta giữ, coi nó như một con chó đói.

Một hôm, nó vờ vẩn giữa đám hàng bán rong.

Thấy nó, bà hàng rau đứng dậy, quẩy gánh lên vai, đi chỗ khác. Bà hàng thịt sờ lại ruột tượng. Bà hàng bún riêu nắn lại túi tiền. Bà hàng lê bắm cô hàng bánh đúc. Chị bán bánh rán sốt đưa mắt cho bác bán khoai.

Họ thì thảo:

- Thằng ăn cắp.

Trông nó đáng sợ thật. Hai mắt trắng dã, lấm la lấm lét, tóc thì bông lên như tổ quạ. Da đen thui thui. Mặt rạn như men lọ cổ.

Hai tay thọc vào túi cái áo tây tàng, xơ xác như tổ đĩa, nó đứng nhích ra chỗ bóng nắng, dún dẩy cho ấm.

Nó nhìn gánh bún riêu. Nó nhìn mẹt bánh đúc. Nó nhìn ổ khoai lang. Cơ chừng nó thèm. Nó thèm vì nó đói.

Thấy nó ám, các bà chẳng dám đuổi, nhưng bụng mong nó cắt ngay đi.

Nó đứng một lúc. Rồi quá. Nó chìa bàn tay ra xin, xin bằng những câu văn sách thuộc lòng, chứ không cố lấy giọng năn nỉ khốn nạn:

- Cẩn cở lạy bà, con đói khát, bà làm phúc thí bỏ cho con đồng cơm bát cháo.

Thấy nó giở giọng, các bà giữ riết ruột tượng, túi tiền, thức hàng.

- Để bận sau, đi mà xin chỗ khác.

Nó nhăn bộ răng trắng như bầu ra, cười láu cá.

Gớm chết!

Nó cười gì? Ai biết được! Hay là nó chế các bà lần này quá khinh nó? Vì nó tham cơ hội mà xin đó thôi.

Nó làm bộ, lắc túi cho các bà nghe thấy tiếng xu kêu loảng xoảng! Ranh con thực! Nó lại đứng yên. Nó ngẩng. Hai mắt chòng chọc vào cái nồi bún riêu khói bốc lên ngùn ngụt, vào cái nồi bánh đúc ngon lành, vào cái ổ khoai tròn trĩnh như "Ông ỷ". Nó chảy nước dãi. Nó thèm. Vì nó đói thực.

Suốt từ sáng, nó chỉ được có sáu đồng trinh, và một bát cơm nguội. Bát cơm ấy, chưa đủ sức đèn vào chỗ nhịn chiều hôm qua. Nhưng thôi, làm quái gì cái vật! Ăn không ra bữa đã quen từ thuở bé. Nó chỉ thấy đói. Chứ không thấy cơn cào. Nó ngồi sán vào cô bán bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng ôm khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để:

- Chưa bán mở hàng đấy! Khỉ ạ!

Nó lại lê dịch sang kê nồi bún riêu:

- Lạy bà, con ăn mày bà một bát.

- Ba mươi sáu cái nồn nường! Mỗi bát mấy đồng xu của người ta đấy! Thôi đi! Dơ!

Nó lại mó vào củ khoai lang, tũm tũm cười.

Bà ấy vội hất tay nó ra, và mắng:

- Bà thì tát cho một cái bây giờ, đừng láo!

Bà hàng lê chắc chẳng đời thuở nào nó dám động đến hàng mình, là thứ xa xỉ phẩm, đùa nó rằng:

- Một hào một quả, bỏ tiền đây, tao bán cho.

Nó cười, lắc đầu.

Bà ấy ném vào lòng nó một mảnh vỏ quýt. Nó đỡ được, bỏ vào mồm, nhai gau gáu.

Rồi nghĩ thế nào, nó đứng dậy. Tay nó đếm xu trong túi, nói với bà hàng bún riêu:

- Bà bán cho cháu một bát.

- Mà có tiền không?

Nó gật đầu, mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Xuyt xoạt! Cay! Ngon quá.

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

\*

\*      \*

Năm phút...

Mười phút...

Bỗng chốc:

- Ôi ông đội sếp ơi! Thằng ăn cắp! Ai đuổi hộ tôi!

Bọn bán hàng nhốn nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vương. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ.

- Bắt lấy nó!

Thằng ấy cầm đầu cầm cổ chạy, nhanh như mũi tên.

- Giời ơi! Nó kia kìa! Ai đuổi hộ tôi!

Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người...

- Bắt lấy thằng ăn cắp!

Rồi hàng chục người. Rồi không đếm được bao nhiêu người nữa. Họ chạy huỳnh huych. Họ làm như bắt giặc!

Ai cũng kéo cả ra đường để nhìn theo.

Một thằng chạy. Mấy trăm người đuổi. Bụi mù!



Bà ấy chạy sau rớt. áo lấm. Khăn xô. Tóc rũ. Ngửa mặt lên mà kêu:

- Ôi ông đội sếp ơi!

Mọi người hỏi nhau.

- Ai mất gì?

Người bảo:

- Nó cắt đứt ruột tượng của người kia.

Người bảo:

- Nó lẩn túi người ta! Chà thằng oe con gớm thật!

Rồi lại thêm mấy chục người nữa đuổi theo thằng ăn cắp.

- Thằng ăn cắp! Bắt lấy nó! ôi ông đội sếp ơi! Nó ăn cắp của tôi!

- Kìa, ông đội sếp đến thực. Bỏ mẹ!

Ông ấy cầm cổ, gò lưng, bấm chuông liên thanh, đập xe đuổi theo.

Nó vẫn chạy như khoảng cả hai chân lên vai. Chạy hăng quá!

Nhưng người đuổi chạy nhanh hơn.

Bà ấy thì lạch bạch như con vịt, kêu không ra tiếng, mỗi lúc một xa nó, xa nó đến sáu bảy mươi thước.

- Khổ thân tôi, giời đất ơi!

Đến ngã tư.

May quá. Một ông chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, nghe tiếng kêu, đâm bổ ở trong nhà ra, tóm ngay được cổ nó. Nó cúi xuống, mồ hôi trơn, ông ấy suýt nắm trượt. Nhưng liền vớ ngay được cánh tay nó.

Nó giằng ra. Ông ấy khỏe như vâm, quật ngay nó xuống đánh oách, ngã sấp xuống đường đá, sây sát cả người, máu mê bê bết. Ông ấy vô được nó.

- Nó ăn cắp gì?

- Nó giật khăn.

Úc! Một cái đá vào mạng mỡ.

- Chạy nữa đi!

Hự! Một quả tống vào ngực.

Nó méo mặt, không thở được! Đành chịu nằm yên.

Người ta chạy tới dần.

- Nắm chặt lấy nó!

Nhưng chẳng nắm, nó cũng chẳng chạy được.

Huych! Huych! Bốp! Bốp!

- Này chừa này! Ăn cắp này!

Ai cũng phải giã cho cẩn thận, để bỏ lúc chạy mưa mặt bắt nó!

Nó lạy. Nó van. Nhưng ai tha? Dại gì mà tha thằng ăn cắp?

Họ càng ghét, túm lại, đánh như mưa.

- Cho đáng kiếp! Nó giật đôi khuyên vàng của người ta

Họ lại đánh túi bụi, không tiếc tay.

- Mười ba mười bốn tuổi đầu, đã dám lằn lưng, lấy của người ta năm đồng bạc, rồi lại đánh người ta!

Họ lại tức dữ. Lại cho thêm một trận.

Nó đau quá. Nằm sóng soài, không nói được nữa. Hai mắt lờ đờ, khốn nạn như con chó bị trói giật bốn cẳng ra đằng sau lưng.

Họ khám túi nó.

Tang vật nó tẩu đi đâu rồi?

- Mày để đồ ăn cắp ở đâu?

- Nó có đảng!

Nó mở mắt ra nhìn. Họ lại ạch. Họ lại thụi. Họ lại tát. Họ lại đá. Không tiếc tay. Rồi lại hô:

- Đánh chết nó đi!

Nó cũng gần chết thực.

Những mũi giày, những ngọn gân bò, những quả dấm, những nhát gậy, làm nó đau ê ẩm cả mình. Phen này có sống cũng thành tật!

Nó cự. Nó nhăn. Nó ôm bụng.

Đám đông càng ùn lên. Xe pháo tắc tị không đi được. Ông đội sếp lôi tay nó dậy:

- A lê! Lên Cẩm!

Nó mềm như sợi bún, không dậy được.

- Nó giả vờ đấy!

Lại mấy cái móng giò. Lại mấy cái tát. Để đợi người khổ chủ còn đương ỳ ạch chạy theo ở đằng xa.

Bà ấy mệt quá. Không lê được một bước. Không kêu được một tiếng. Cơ chừng tiếc của. Cơ chừng hết sức. Cơ chừng hết hơi. Không biết mất cái khăn, đôi khuyên, hay năm đồng bạc? Không biết bị nó đánh có đau không? Chờ bà ấy đến sẽ rõ.

- Ông... bà... giữ... lấy... nó... cho... tôi!

- Có thả nó cũng không chạy được, mau lên!

Bà ấy vẫn chạy. Bà ấy vẫn kêu. Bà ấy vẫn thở. Thảm quá!

Vòng người đứng giãn ra. Bà ấy đến. Hồn hển thở chẳng được.

- Phải, nó đây rồi.

Bà ấy vỗ lấy nó, vả lấy vả để.

Bà ấy đánh cứ tưởng mạnh. Nó cũng không biết đau. Nó mê lên rồi.

Bà ấy kiệt sức, ôm chầm lấy nó, rồi ngã sòng soài ngay cạnh.

- Giả tao đây!... Giả... tao... đây!

Nó không thở được. Nó nhăn.

- Nó lấy gì của bà?

- Các ông đưa... nó lên... Cẩm... hộ.. tôi!

- Bà mất gì?

Bà ấy cố trả lời, nói rời rạc như người sắp tắt thở:

- Nó ăn của tôi... hai xu... bún riêu... rồi... nó quịt... nó chạy!

*Kép Tư Bền.*

*Tiểu thuyết thứ bảy xuất bản, 1935*

## Báo hiếu: trả nghĩa cha

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

Nhưng mưa, gió, rét, có hề chi đến bữa tiệc giỗ ông cụ để ra ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cộp"? Bởi vì trong buồng khách, cửa đóng kín mít, hơi lửa lò sưởi xông lên nóng rực. Mà khách đến chơi, ông nào cũng gói mình vào đến trăm thứ áo, lại xù xù ở cổ một chiếc chăn con!

Khách đến dự tiệc toàn là hạng ông nọ ông kia, danh giá, mà ông chủ nói là chỗ thân. Cho nên cố mời cho kỳ được. Vì chính ông cũng là hạng tai mắt trong phố phường. Ông là nhà tư bản vậy!

Vả lại, không nhân ngày giỗ bố, mà làm bữa tiệc cho thực linh đình, mời mọc cho thực đông khách, để tỏ rằng mình tuy nhờ trời làm ăn đã được khá, nhưng chẳng phải hạng uống nước quên nguồn - bởi đạo làm con là phải báo hiếu cho cha mẹ, để khỏi phụ công sinh thành dưỡng dục - thì thế gian họ cũng cười cho. Nghề thế, phú quý sinh lễ nghĩa.

Mà phú quý sinh lễ nghĩa thực. Chẳng tin cứ nhìn cách cử chỉ của hai ông bà chủ nhà ra đón tiếp khách thì đủ rõ. Hai ông bà cùng béo tốt, đẹp đẽ. Nhất là ông, cái bụng phưỡn ra, nấp trong bộ quần áo xếp nếp cứng thẳng như cái hộp. Tóc bóng mượt, nhẵn như cái gáo linh úp trên đầu, không chịu kém vẻ đẹp với bộ ria sữa khéo như vẽ. Miệng lúc nào cũng chực toé ra một chuỗi cười. Vì ngày hôm nay, bốn phận ông là phải hay cười. Mà đã cười thì cười cực to, ôm bụng mà cười, cười cả từ câu nói buồn cười đến câu nói không buồn cười. Nghĩa là ông hết sức khoe cái cười lấy lòng, cái cười thiệp đời của nhà tư bản. Phải, người ta đã chẳng quản mưa, gió, rét mượt, mà quá bộ đến nhà để chiếu cố thì mình phải lấy làm hân hạnh, vui vẻ mới được. Cho nên ai đến, ông cũng chấp tay vái chào

cung kính, rồi mời mọc ân cần, quý quý, hóa hóa, ăn nói rõ ra một nhà nền nếp, gia giáo.

Trong buồng ăn, tiệc đã dọn trên bàn, cái bàn chữ nhật, giải trên một tấm khăn trắng nuột. Cốc to, cốc nhỏ, chai lớn, chai con, bát sứ, đĩa tây, bày la liệt, nhưng có thứ tự, lóng lánh dưới ngọn đèn trăm nến.

Chuông sáu giờ vừa dứt. Khách đến đã đủ. Một tiếng ông chủ mời, thì một trăm bốn tư chiếc chân, vừa chân người vừa chân ghế, lê sên sệt trên nền gạch tây bóng lộn. Hai mươi bốn chiếc cốc đầy rượu đựng nhau, chủ khách bắt đầu cầm đũa.

- Xin ngài cho phép chúng tôi vào vô phép bà chủ.

Câu nói vừa dứt, thì đã thấy bà chủ ở trong buồng đi ra, chấp tay, tươi như cái hoa:

- Các quan đã có lòng yêu chúng tôi, mà đến chiều cố bữa cơm thường nhà chúng tôi, chúng tôi xin đa tạ. Xin rước các quan xơi rượu.

- Chúng tôi chẳng dám tin là bữa cơm thường! Kỵ cụ cố ông mà ông bà làm to thế này, thì chúng tôi tự xét mình lấy làm xấu hổ vì bất hiếu. Thôi nhờ bà nói giúp cho chúng tôi xin vô phép cụ cố bà.

- Thưa các quan, cảm ơn các quan, cụ bà chúng tôi ở trong nhà quê ạ. Nhiều lần chúng tôi mời ra ở đây, nhưng không chịu đi. Cho nên chúng tôi vẫn lấy làm ân hận lắm.

Cái lễ phép tắc trách đã làm xong, chủ khách ăn uống rất êm đềm vui vẻ. Êm đềm vui vẻ thực! Sung sướng thay! Củi lò sưởi nổ đom đóp, át cả tiếng giọt mưa phùn. Chuyện nói to làm lấp các tiếng gió bắc thổi. Hơi rượu nồng nàn, ai nghĩ đến rét buốt thấu tận xương.

\*

\*      \*

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt thấu tận xương.

Ngoài đường phố, ở quãng trước cửa nhà có bữa tiệc này, có một người đàn bà, lưng khoác áo tơ lá, đầu đội chiếc nón nghê, dáng điệu bơ ngỡ. Bà dòm hết nhà nọ đến nhà kia, mà lại dòm một

cách ngốc dại. Nghĩa là không nghĩ đến rằng lỡ người ta đuổi, hay mắng, cho là định rình ăn cắp, người ta bắt lên Cẩm thì sao? Dòm chán rồi lại hỏi thăm. Mà hỏi chỉ độc nói trống không. Khi chẳng ai hoài hơi mà trả lời, thì bà ta cũng không biết phản nản hoặc sửa lại câu hỏi cho nhã nhặn thêm chút ít. ấy thế rồi chịu đứng ngoài đường, như yên trí rằng ở đây cũng như ở nhà quê, không có xe pháo qua lại. Bà lại nhìn quanh quần từng nhà một...

Hàng mười lăm phút, bà ta loanh quanh, đi lại đến năm sáu lượt. Rồi nhận thấy một cái nhà có cái mái chĩa ra, bà bèn đứng lại để trú mưa. Người đàn bà ấy trạc ngoài sáu mươi, trông rõ quê mùa, đàn vóc. Mặt mũi đen đũi, dẫn đeo, xấu như con khỉ. Hai mắt thì toét nhoèn những dử. Cái hàm trên thì chìa ra như mái hiên. Hai tay thì lỏng công, gí cái nút buộc giải yếm vào tận mắt, lúng túng cởi mãi mới lấy được một miếng trầu, bỏ vào mồm, nhai phồm phồm. Trông lại càng xấu. Cái áo vải nâu dầy cộm cộp, cái quần một ống - nói nôm ra, là cái váy - lưng thùng như cái bồ, chỗ thì ướt, chỗ thì khô. Có lẽ là bộ cánh quý nhất, nên ra tỉnh, mới dám mặc đến, nay bị ướt thì tiếc, nên cố vắt mãi cho khỏi đầm nước mưa. Rồi lại cởi cái khăn vuông ra, để hờ cái đầu bạc trọc tếch mà gãi, nhăn mặt lại mà gãi. Rồi lấy ngay cái khăn đội đầu ấy mà lau chỗ gấu váy có dính đất. Gớm, sao mà người đâu lại có người không biết thế nào là bẩn cả!

Rét đã run lên chẳng được, lại còn cứ lảm bảm nói một mình. Không biết nói những gì? Tính công tính việc hay là than thở, hay là vui thú cái chi chi? Nhưng thế thực rõ là cái lối người từ thuở bé chưa hề được thấy cái gì là hể hả.

Đương ngồi thì bỗng đằng sau lưng có tiếng cửa mở. Người đàn bà nhà quê quay lại, thì thấy trong nhà đèn điện sáng trưng, lố nhố bao nhiêu người, hình như ăn uống. Chỉ trông thoáng có thể thì thấy cửa lại khép lại, và có người đi ra.

- Alê! Chạy! Chốc nữa hãy đến. Người ta vừa mới ăn!

Nói xong người ấy đi.

Bà lão nhìn theo, không hiểu họ bảo ai. Nhưng chừng cũng đoán rằng người ấy là bồi biệc ở cái nhà này đây. Cho nên, một lát sau, trông thấy người ấy về, bà lão đứng ngay dậy, toan hỏi. Nhưng chưa nói được gì, đã bị mắng ngay câu nữa:

- Alê! Không đi đi thì ông ấy ra bây giờ!

- Đây có phải nhà ông chủ không?
- Ông chủ nào? Không biết! Alê! Đi!

Thế rồi cửa lại hé ra, rồi áp lại. Người ấy vào trong mất.

Bà lão cố liều, rón rén bước lên bậc thềm cao, dòm qua cửa kính. Vì đèn sáng, nên trông rõ lắm. Rồi không biết nghĩ sao, bà lấy tay sờ mãi vào cửa để mở. Nhưng không biết cách nào, bèn lay thình thình, như không sợ hãi gì cả.

Một người đứng hầu chạy ra mở cửa. Có lẽ là người ban nãy, cho nên thấy bà lão thì đẩy ra, và nói:

- Đi! Chốc nữa...! Dạ!

Cánh cửa lại đóng đánh thình. Bà lão nhìn theo, thì thấy người hầu ấy khoanh tay đứng nói gì với một người đương ngồi ăn. Mà chính vì đã trông thấy người ngồi ăn ấy, nên bà lão mới dám bạo dạn như thế. Người ngồi ăn ấy tức là ông chủ nhà, chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cọp".

Ông chủ đứng phắt dậy, phưỡn bụng đi ra mở cửa. Bà lão mừng rỡ, híp mắt, nhăn nhó cái mặt để cười và nói to tướng:

- Thành ra tôi ngồi ngay ở cửa nhà mà không biết!

Ông chủ nhà cau mặt, ra ý không bằng lòng, tặc lưỡi một cái. Rồi cánh cửa lại đóng ập lại.

Bà lão không hiểu ra sao. Hay là mình trông lầm chằng. ấy thế mà còn ngốc quá, bà cố cạy và đẩy mãi cửa. Nhưng may, không sao đẩy được. Nhìn theo vào, bà thấy cái nhà ông ấy đi tuột vào trong, mà khi ra ngồi vào bàn tiệc, thì lại cười nói như trước.

Độ mười lăm phút sau, có người đập tay vào lưng. Bà lão quay lại, thì người ấy nói:

- Tôi đưa bà cụ đi vào cổng đằng này, ông tôi bảo thế.
- Không đi được lối này à?
- Ông tôi đương có khách.

Bà lão bước xuống thềm, đi theo. Vòng hai phố thì đến một cái cổng hơi rộng. Cổng mở, bà bước vào, đi qua một cái sân, thì đến cái nhà con, trong có chiếc ô tô bóng nhoáng. Người ấy bảo:

- Bà cụ ngồi tạm đây.

Bà lão nhìn bốn bên. Đèn tuy sáng, nhưng cũng không hiểu mình ngồi tạm nhà ai. Mà nói rằng ngồi, chứ có cái gì để ngồi đâu.



Vả muỗi và hôi thối quá. Nên chỉ mong chóng có người đưa về, để lễ và để nằm nghỉ. Vì đi xe ngót một giờ đồng hồ cũng mệt. Bà lão nóng ruột quá.

Nhưng may sao, một lát sau thấy có người đi đến. Bà lão nhờ nhân ông chủ xuống cho mình hỏi.

Độ mười phút, quả nhiên có tiếng gót giày lộp cộp nện trên sân gạch. Bà lão cố nhìn xem ai. Mừng quá.

Thật đích là ông chủ.

Ông chủ đứng trước mặt bà lão, nét mặt hăm hăm, trợn mắt, khoanh tay vào ngực mà gắt:

- Một suất nữa thì làm tôi ê cả mặt! Ai bảo bà ra làm gì?

Bà lão chưa kịp trả lời cái câu hỏi không ngờ, thì đã bị mắng luôn mấy câu nữa:

- Tôi đã cấm bà không được ra đến đây kia mà. Đã một lần trước rồi, mà không chừa! Bà không biết để sĩ diện cho tôi! Đây này, bà cầm lấy! Bà về đi! Mặc kệ bà! Bà phải về ngay bây giờ! Mới có hơn bảy giờ, còn sớm!

Nói xong, ông ấn vào tay bà lão một cái tròn tròn, rồi quay gót trở lên, và gọi rầm rĩ:

- Thằng bếp đâu rồi! Mày đưa bà ấy ra! Mà mày phải bảo chúng nó rằng tao cấm, không đứa nào được kéo bà ấy cả! Cho mà đi bộ để bần sau mà chừa.

Bà ấy là ai? Bà ấy là một người đàn bà góa. Đã ngoại ba mươi năm nay, có một đêm, bà ấy trót dại chiều chồng, mà tình cờ đẻ ra được một đứa con trai. Sinh được ít lâu, trời bắt tội bà ấy goá bụa. Nhà nghèo, làm ăn vất vả, kiếm chẳng ăn đủ, nhưng bà ấy chẳng nhần tâm bỏ đứa bé thơ ngây trả nhà chồng để bước đi bước nữa mà vui thú với cái tuổi xuân đương hơ hớ. Qua mấy năm khó nhọc, khi sài, khi đẹn, suýt chết mấy lần, thì đứa bé đến tuổi đi học. Rồi vì nghèo khổ quá, nó phải ra tỉnh kiếm ăn theo anh em. Nhờ được cái nó nhanh nhẩu, láu lỉnh, liêu lỉnh, mà chẳng biết nó làm ăn ra sao, nó có được ít vốn, rồi lấy được ở đâu một con vợ giàu. Từ đó, thằng ấy một ngày một khá, buôn bán phát tài. Nay giàu đến hàng mười vạn. Thằng con ấy tức là ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cộp" vậy.



Bà lão lấy bấy, theo người bếp lò ra cửa ban này. Đến đường, còn đương ngơ ngơ ngác ngác, chưa rõ nên đi lối nào, thì không biết tâm trí để đâu, bà ta lập cập, vấp một cái, ngã xòai ngay ra rãnh cống. Quần áo mặt mũi lấm bê bết. Cái tròn tròn vẫn nắm trong tay bắn quăng đi. Bà lão cố sờ soạng. Khi tìm thấy, bèn gí vào mắt để xem, thì cái tròn tròn ấy là đồng hào ván...

Mưa để khóc, gió để rên. Rét để cắt đứt ruột mẹ người con mà họ đương khen là hiếu tử.

*Kép Tư Bền*

*Tiểu thuyết thứ bảy xuất bản, 1935*

## Báo hiếu: trả nghĩa mẹ

Đây có phải nhà ông chủ ô tô "Con cộp" hay không?

- Phải, ông hỏi gì?

- Thưa cụ, ông chủ có nhà không ạ?

- Ông ấy đi vắng chưa về.

- Thưa cụ, tôi hỏi thế này khi không phải, cụ có phải là cụ sinh ra ông chủ tôi không ạ?

- Không phải, con vú già đây!

Người khách đương luống cuống, sượng sùng, vì sự mình làm con vú già với mẹ ông chủ, thì trông thấy một người đàn bà béo tốt và trẻ ở nhà trong đi ra đến sân. Muốn cho khỏi lăm lăm lần thứ hai, người khách vội hỏi ngay người vú:

- Kia có phải là bà chủ không?

- Không phải, đấy là mẹ đấy!

Câu trả lời dấm dản, đáng lẽ làm cho người khách phải luống cuống sượng sùng lần thứ hai, thì trái lại, người khách nhận thấy vẻ mặt uất ức những sự giận dữ của bà cụ tự xưng là vú già và người được giới thiệu là mẹ, nên nhanh trí, hiểu ngay rằng không những mình không lăm lăm lần thứ hai, mà lần thứ nhất mình cũng hỏi đúng. Tất là trong gia đình này, đương có sự xung đột mẹ chồng nàng dâu chi đây.

\*

\*      \*

- Tôi lấy cậu, là vì ái tình của tôi đối với cậu, thì tôi chỉ biết có cậu, ngoài ra, tôi chẳng biết thằng nào con nào ở nhà này cả! Cậu ngu lắm, cậu không biết bảo bà ấy!

- Thôi, người già vẫn hay trái tính, vợ nên biết nhin. Vợ ở với tôi cả đời, chứ bất quá bà ấy sống được mấy nữa!

- Bà ấy ở đây ngày nào, tôi ê chề ngày ấy. Đấy cậu xem, hôm qua đấy, một suất nữa mà bà ấy vào cửa trước, thì có họa mặt mình là mặt mo! Cậu chỉ nói dối tôi. Cậu đuổi bà ấy, sao bà ấy còn đấy?

- Tôi không đuổi thì tôi chết! Vợ cứ chửi đứ đũa nào nói dối vợ! Chẳng tin vợ hỏi lại thằng bếp mà xem. Nhưng chắc bà ấy phải đi bộ mà về nên lạc đường, mới trở lại. Tôi đã bắt bà ấy mai phải về rồi.

- Đồ mặt dày! Thế mà không biết nhục! Sao nó không chết đi cho người ta nhẹ nợ!

- Thôi, vợ nói vừa chứ.

- Tôi không nói vừa, cậu bệnh mẹ cậu à! ối giờ ơi! Đây, cậu giết tôi trước đi! ối hàng phố ơi! Con gái già nó hại tôi!

- Tôi xin vợ! Tôi van vợ! Tôi lạy vợ!

- Cậu buông tôi ra. Tôi không để con mẹ ấy yên đêm nay được!

\*

\*      \*

Sáng hôm sau, ở cửa nhà ông chủ xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cạp", người ta trông thấy căng cái màn đen diêm trắng. Mà đi trên hè, ai cũng ngửi thấy mùi khói hương, khói trầm, thơm phức.

Trong nhà có đám tang?

Phải, bà cụ sinh ra ông chủ mới tạ thế hồi đêm. Trong nhà trong, thằng bếp thì thảo hỏi con vú:

- Cụ tức bà, rồi cụ uất lên mà chết, phải không chị?

Con vú nháy mắt, trở tay vào cổ, nói:

- Thắt!

Thằng quít nghe thấy, bĩu môi, trở vào mồm mình:

- Chỗ này đen những máu, trông ghê quá, đích là thuốc độc.

Uất lên mà chết? Thắt cổ? Uống phải thuốc độc?

Chẳng đúng! Chúng nó nói láo toét hết! Quân bạc thế đấy! Dem cật lưỡi chúng nó đi!

Ai muốn rõ nguyên nhân vì sao bà cụ tạ thế, thì hãy đọc tờ cáo phó sau này, sẽ biết:

*Chúng tôi lấy làm đau đớn, cáo phó để các Cụ, các Quan, các Ông, các Bà biết cho rằng thân mẫu chúng tôi là:*

*Cụ Trần Thị Y*

*Hưởng thọ 67 tuổi,*

*Chẳng may thụ bệnh, đã tạ thế ngày 15 tháng giêng, năm Quý Dậu, tức là ngày 9 Février 1933, tại nhà riêng chúng tôi, phố P, số 15.*

*Chúng tôi định đến ngày chủ nhật 12 Février 1933 hồi 8 giờ sáng, sẽ làm lễ an táng tại nghĩa địa hàng tỉnh.*

*Cô ai tử: Nguyễn Văn D. Hôn tử: Nguyễn Thị N. Đồng gia đẳng khắp bái.*

Lời cáo phó ấy đăng lên mười tờ báo hàng ngày, lại in riêng thêm một nghìn tờ nữa. Thành ra ngót bốn vạn tờ ở nhà bưu điện bay ra như bướm bướm khắp các nơi, khiến các cụ, các quan, các ông, các bà, ai thấy cái tin đau đớn bà cụ thụ bệnh mà tạ thế, cũng phải giật mình mà vội vã đến thăm viếng, và chia buồn cùng người gặp lúc vận hạn.

\*

\*      \*

Rồi đến đúng 8 giờ ngày 12 Février, đám tang cử hành.

Đầu tiên, năm lá cờ ngũ hành pháp phối theo chiều gió. Rồi đến ông Thiên lôi, bà La sát, cao lệnh khênh đi hai bên. Một đoàn trống cà rùng, rinh tùng rinh, đi xung quanh chiếc trống cái, mà những phu đều áo nỉ đỏ, nón dẫu sơn. Kế đến một cái kiệu long đình sơn son thếp vàng, thông thả tiến từng bước, trông rất uy vệ chững chạc. Theo sau long đình, là bốn chiếc xe nhà bóng nhoáng, trên có bốn vị sư, mỗi vị đi hai lọng. Rồi ước trăm bà vải đội cầu dài dằng dặc, mỗi bà tay cầm phướn, miệng tụng kinh âm âm. Một cái minh tinh cao ngất ngểu đi trước một bức trướng vóc như căng ngang đường, có bốn chữ quen quen là Dĩ sơn vân ám to tướng. Đoạn đến hàng hai trăm câu đối, cái vàng, cái trắng, cái đen, cái

tím, cái xanh, cái bằng xa tanh, cái bằng vóc, cái bằng lượt, cái bằng dạ, xếp hàng đôi, mà trẻ con cầm đĩa nào cũng mặc áo dài trắng. Những câu đối ấy toàn chữ nho khó đọc cả. Duy chỗ lạc khoản thì dễ nhận hơn. Có chữ giống như thẻ bài ngà của cụ Thượng. Có chữ trên thì rậm rì khó đọc, nhưng dưới thì là chữ Lâm muốn chừng là Hàn lâm. Có câu thì người ta bảo là của cụ lớn Bồ Chánh. Có câu thì trông rõ ba chữ Bắc kỳ nhân, rồi có ba chữ cuối mới đến tên. Nói tóm lại, nhiều quá, không ai nhớ hết. Vì còn những câu của ông phủ, ông huyện, ông tham, ông phán chỉ chút những chữ nho là chữ nho.

Sau đoàn câu đối thì là bốn năm cái bàn độc, rước đồ tam sinh với các phẩm vật. Cứ đồ mặn lại xen đồ chay, mà cuối cùng, là con bò thui to kéch. Bàn nào bàn nấy chằng chịt những dây vải trắng tinh.

Đương mỗi mắt về nhìn các nghi vệ, thì khách qua đường lại đình tai về nghe đội kèn tây thuê tự Hà Nội về. Họ ăn mặc như lính tây thổi những bài rất hùng hồn, như muốn giục người hăng hái ra trận. Cái linh xa tám người khênh, thông thả đi nối ngay sau phường kèn. Trong linh xa, khói hương trầm bay nghi ngút, giữa có bức truyền thần vẽ sơn, mới xong tối hôm trước, để kịp rước. Bà cụ thì mặc áo gấm và đi giày vân hài. Nào hoa tai, nào hột vàng, nào tráp đôi môi, nào ống nhổ sứ, ai trông cũng đoán được nhà giàu. Đi sau linh xa, phường bát âm đưa những bài lâm khóc, như than, như khóc, như oán, như hờn, nỉ non, rên rĩ, nghe buồn chảy nước mắt được! Một người khăn trắng, thắt lưng xanh ra ngoài, giơ cái phèng lên mà đánh, để ra hiệu cho bọn khênh cữ. Thỉnh thoảng, để trả lời tiếng phèng rè, một hồi phách nổi lên, lách cách như tiếng nhái kêu. Cái nhà táng thừa mấy hôm trời, thợ cả phố làm suốt ngày thâu đêm mới kịp và mới vừa lòng ông chủ. Vì nghe đâu đất đến trăm hai! Bốn mươi hai người khênh đồn cữ, khi tiến khi quành, đều đều tằm tấp. Trong nhà táng là quan tài, sơn son thiếp vàng, rất đẹp. Người ta bảo sẫm mất hơn sáu chục. Trong cái phương du đi sau nhà táng, thì họ hàng thân thích, chen lách mà bước từng bước một. Tiếng khóc than kêu gào thảm thiết, ai nghe thấy cũng phải náo lòng. Người ta bảo là bọn khóc mướn, nhưng lấy gì làm chứng? Rồi đến hàng nghìn người, các cụ, các quan, các ông, các bà, rật những chỗ thân thuộc, đi theo sau. Cuối cùng thì ba bốn chiếc ô

tô, sinh sịch tiến dần. Và hai ba chục chiếc xe nhà, như nêp khúc đường chật hẹp.

Được xem cái đám ma linh đình uy vệ là thế, thì ta nên khen người hiếu chủ đã khéo trả nghĩa mẹ. Mà nhất là nếu trông thấy người ấy, ta lại càng tâm phục cái bụng hiếu thảo, không bền không bờ.

Người ấy mặc đồ sô gai. Chứ còn bụng dạ nào mà nghĩ đến áo quần cho chải chuốt! Đi trước cữu thì giật lùi từng bước. Lúc nào cũng bưng miệng mà khóc, còng lưng xuống mà khóc, đến nỗi phải chống gậy! Vậy mà có đủ vững được đâu? Mấy hôm nay, vì thương mẹ quá thành ra ốm yếu, họ hàng sợ người ấy ngã lăn ra, cho nên phải cử người đi kèm, vừa che ô, vừa ôm chặt lấy ngang lưng cho đỡ khuyu. Người ta lại sợ hiếu chủ thương mẹ quá đập đầu vào quan tài, lỡ chết thì hoài, vì lúc trong bụng bối rối vẫn hay sinh liêu, nên phải bện cái nùn rơm để chít quanh đầu. Thì dù có đập mạnh đến đâu, cũng không đến nỗi vỡ sọ.

Người con dâu mới lại đáng ái ngại nữa chứ! Khốn nạn, mấy hôm nay, người này kêu khản cả tiếng, khóc hết cả hơi. Mà ông trời độc địa, cứ khăng khăng bắt bà cụ, hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi, để bây giờ dâu con không có mẹ mà hầu hạ. Lắm lúc lại như thù giận lũ phi nhân đạo, họ cứ nhấn tâm khênh cữu đi, thì nàng dâu lại nằm lăn ra đường mà chần lỏi, rồi lại kêu gào rầm rầm. Lúc hạ huyết mới càng thương tâm. áo quan chưa ngấm đúng hướng, người ấy đã nhảy đánh tụp xuống mà nằm thẳng cẳng ra, ôm chặt lấy mà hờ, mà khóc. Rồi quá lắm, đến nỗi ngất đi. Nếu bốn năm người không lôi dậy và không tốt khuyên, thì có lẽ người ấy còn muốn sống làm gì! Thà đi theo mẹ còn hơn chịu bơ vơ như chim mất tổ!

Não lòng thay! Bà cụ ở dưới tuổi vàng, có thiêng chẳng tá? Giá bà cụ biết rằng mình được con nó báo hiếu, làm đám ma long trọng đường này, thì hẳn cũng ngậm cười. Mà nhất là giá bà cụ lại trông thấy trước rằng con trai và con dâu mình nó thương mình quá thế thì chắc lúc "thụ bệnh", cũng chẳng đành tâm mà nhắm mắt!

*Kép Tư Bền*

*Tiểu thuyết thứ bảy xuất bản - 1935*

## Vợ

Anh ba Cốc, từ ngày lấy được vợ, thì đâm lo. Lo ngày, lo đêm. Sao cho chóng trả được món nợ cưới. Không thì rầy rà to chứ chẳng chơi! Đụng vào những chỗ hóc búa, lăm lăm rất cả mặt!

Vợ anh là con bác khán thủ làng trên. Anh là phu tuần. Hai người lấy nhau, cả hai làng, ai cũng khen là vợ chồng kén chọn được chỗ xứng đáng. Nhưng thực ra, vợ anh lấy anh cũng vì đôi bên là chỗ "thanh khí", nghĩa đen là bèn "tiếng" quen "hơi" nhau trước mãi. Rồi bất đắc dĩ, bác khán sợ anh như những hạng Sở Khanh, mới ép anh phải lấy. Số trời có khác!

Trước kia, anh nghĩ đã sinh ra làm con trai, tất nhiên là phải cưới vợ cho hợp lẽ tạo hóa. Nhưng cưới được vợ thì tốn kém quá. Tiền nợ, tiền kia, tiền ăn uống, ít ra mất hàng chục. Nghĩ đến cái hàng chục, anh lại lắc đầu, lè lưỡi, muốn chịu thua, đành vô phép tạo hóa làm trai tơ suốt đời vậy. Vậy mà giá nói cho anh biết ở Hà Nội bây giờ, người ta cưới vợ phải dẫn những kim cương, những vàng ngọc, dùng những áo thêu, giày vá, đi những ô tô, máy bay, tốn kém đến hàng nghìn, thì quyết anh không tin, cho là chuyện hoang đường ở nước nào, đời nào kia đấy! Lấy vợ mà phải lo đến hàng trăm, không đủ méo mặt ra rồi à? Vả vợ cũng là người, nào phải cái quái mà làm hại nhiều như thế?

Thế nhưng, trời sinh ra thế, anh ba Cốc nghĩ đến cưới thì sợ, nhưng nghĩ đến vợ thì thích. Bởi vậy, anh mới lân la trò chuyện với chị Ba bây giờ. Trước chuyện to ở đám đông, sau chuyện nhỏ ở chỗ vắng. Rồi sau nói thầm ở một nơi kín. Vì anh chị nói thầm khê quá, nên bác khán nghe tiếng, bắt anh phải lo cưới cho được chị về.

Bởi vậy, anh Cốc quyết bắt chẹt bố vợ, cố mặc cả. Sau, anh lấy được vợ hạ giá hơn người ta, chỉ có mười lăm đồng bạc.



Mười lăm đồng bạc một cô vợ xinh! Mười lăm đồng bạc một cô vợ yêu! Thích nhỉ! Nếu vào địa vị chúng mình thì phải biết là đáng mừng! Nhưng vào anh ba Cốc, một người cày sâu cuốc bẫm quanh năm, làm ăn vất vả, vất mũi không đủ đút miệng, thì đến mười lăm hào cũng đủ lo méo mặt, chứ nói gì đến mười lăm đồng bạc! Nhưng mười lăm đồng bạc tiêu vào một việc bốn phận làm người, thôi, anh cũng cố vay mượn của các bà con thân thuộc, nói khó với người ta, nên được gần đủ.

Ngày hẹn cưới sắp đến. Bác khán thúc mãi anh, anh mới lo được chẵn chục bạc. Anh cứ đánh liều đưa sang bên nhà gái cho xong chuyện. Còn năm đồng, anh xin chịu lại ông nhạc, hẹn đến mùa tới thì trả nốt.

Ý anh định rồi sau này, khi đã là bố con, anh có thể lấy cảm tình mà xí xoá món nợ. Nhưng không được. Bố vợ anh láu hơn, bắt anh phải viết văn tự cẩn thận. Phải, thời buổi kinh tế khó khăn, như thế là bác khán đã nhân nhượng lắm rồi. Chứ như người khác, đổ anh có đón dâu nổi ngày hôm ấy. Anh thử lên Hà Nội, thừa một thức hàng mà xem. Nếu anh đặt được ít tiền trước, rồi không có đủ để trả nốt, thì anh chớ hòng mang đồ về. Mà vợ cũng là đồ chứ sao? Lấy vợ mà được "biên bông" như anh, là may đấy.

Nhưng rồi anh ba Cốc lo lắng. Cưới được lâu ngày bao nhiêu, thì hẹn trả chóng đến bấy nhiêu. Vụ gặt xong, mà anh ỳ xác ra, thì quyết anh chẳng yên được.

Anh đã tính chán rồi. Đến ngày mùa, hai vợ chồng làm nai lưng cật lực, chưa chắc đã đủ tiền để trang trải các món nợ ông chủ, huống chi là năm đồng bạc nợ ông nhạc! Anh định nếu rồi không cưới trừ được, thì anh cũng đành xin khất lại. Chẳng lẽ ông ấy lại chẻ xác anh ra à? Nếu anh bị chẻ xác, thì con gái ông ấy goá chồng, còn thiệt bằng mười!

Nhưng ở đời, tính một đường nó thường đi một nẻo. Vợ anh khuyên anh nên trả cái món năm đồng ấy trước, anh lại chẳng nghe. Khi hẹn đến ngày, bác khán cứ gọi anh đến mà đòi nằng nặc. Trước còn ngọt ngào dỗ dành sau bác biết anh chỉ còn bộ răng nhe ra đấy thôi, bác liền đâm ra nói nặng. Không chịu nổi những điều đau đớn, anh đành lẩn mặt. Bố vợ cho gọi, anh cứ thoái thác có nợ có kia, không đến nữa.



Mấy lần bác khán gọi anh ba Cốc không được, thì tức. Bác mới gọi chị Ba đến. Bác chửi, đánh cho một trận thật đau, bắt phải về đòi chồng cho kỳ được món tiền năm đồng ấy.

Chị Ba sợ bố, về đòi chồng nằng nặc. Nhưng vợ đòi nợ chồng thì một cái hôn là đủ xí xoá. Vợ anh bảo:

- Nếu mình không giả được, thì ông bắt tôi về.

Nghe câu nói dọa vô lý, anh chẳng sợ một tí nào. Dù bố vợ anh có bắt vợ anh về thực, thì chẳng qua như cái lối chủ nợ bắt đồ, cốt để làm oai, khiến anh phải lo cho kịp. Như thế là đại. Đồ vật thì không biết đi, không biết trốn, chứ đồ người nào phải vật vô tri vô tình. Giữ sao nổi? Chẳng lẽ bác khán xỏ chạc vào mũi con gái mà buộc suốt ngày vào chân giường, để nuôi cơm báo cô mãi? Chỉ cho ba hôm, bác xót ruột lại phải thả con ra ngay. Lúc ấy anh cứ chịu khó nghe chửi một trận nữa là trôi việc.

Nhưng anh đoán không đúng. Bố vợ anh chưa tịch ký vợ anh, đã áp đảo đến nhà anh mà chửi rửa. Ngày nào tấn kịch ấy cũng diễn ra độ nửa giờ. Mà bao giờ anh cũng đóng một vai tuồng câm.

Song, già néo đứt dây. Anh cứ thấy ông bà ông vãi ngày nào cũng bị mời lên ăn vật chẳng ngon, thì anh động tâm. Cho nên, đến lúc bác khán bảo nếu anh không trả thì bác bắt con gái về, anh đâm khùng, liền đáp lại:

- Thì nó đấy, ông muốn đem nó đi đâu thì đem!

Chị ba Cốc thấy bố đẻ và chồng xử với nhau cạn tàu ráo máng, thì chỉ thút thít. Chứ bên nào cũng tội.

Hôm sau, đi đâu về, chị ấy nói với anh một chuyện, nghe buồn quá:

- Anh ơi, tôi lấy anh chốc đà một năm tròn. Tôi không ngờ đâu chỉ vì có năm đồng anh thiếu mà sinh chuyện. Ông nhất định bắt tôi về. Anh nghĩ thế nào?

Anh Ba cau mặt, thở dài:

- Ông dọa thế, chứ ông chả nỡ.

- Không phải chuyện dọa. Nội nhật ngày mai, nếu anh không giả được, thì ông không dẫn đo nữa đâu.

- Thì nhà cứ tạm về, tôi sẽ thu xếp sau.

- Thu xếp sau thì chậm quá. Nghe như ông đã định liệu công việc cả rồi.

- Ông đi kiện tôi à? Lý vậy, nhưng còn tình nữa chứ?

Anh ba Cốc tin ở chữ tình, nên bằng chân như vậy.

Phải, bác khán nghĩ đến tình bố vợ con rể, nên không nỡ kiện thưa. Nhưng bác bắt con gái về, không cho ở với anh ba Cốc nữa.

Anh ba Cốc chờ vợ năm hôm, lại mười hôm. Rồi nửa tháng, đến một tháng. Anh nóng ruột, nhớ vợ, long tong chạy ngược chạy xuôi để vay tiền chuộc. Nhưng không ai tin mà cho anh mượn nữa. Anh bèn liều đến nhà ông nhạc, lạy van, khóc lóc. Nhưng bác khán một mực lắc đầu, sai con trai đuổi anh ra khỏi cửa. Rồi từ hôm sau, cấm không cho anh vào nhà.

Anh định đâm i. Ỉ mãi, thì tất cũng có một ngày ông nhạc giữ vợ anh chán, rồi cũng hồi tâm mà nghĩ lại, cho vợ chồng anh ăn ở với nhau.

Nhưng trong khi đương thi hành cái chương trình ỉ, thì anh nghe tin rằng người bạn trăm năm của anh, vì bố ép, nên chỉ trăm năm với anh có một năm, còn chín mươi chín năm nữa, thì trăm năm với cụ lý Bá dưới cuối tổng, làm vợ lẽ thứ bảy, để gán món nợ hai chục bạc mà bác khán đã vay cụ năm trước!

*PTBNS số 5; 1-4-1937*

## Cụ chánh bá mất giày

Phải hiểu rằng cụ chánh Bá có thương nhà này thế nào, cụ mới quá bộ đến xơi rượu, chứ như nhà khác, dễ mà mời nổi cụ đấy hử? Cụ lại không mắng cho vô số, chứ lại thềm đi à? Ấy thế mà mới chập tối, họ đã để ngay đĩa nào nó xà lộn mất đôi giày mới của cụ, có chết không! Ừ thì đông người thì đông chứ, nhà có việc, nhà nào chả có nhiều kẻ ra vào! Nhưng cụ ngồi chơi tận trên nhà trên thăm thăm, thì còn kẻ gian nào dám lên vào đó? Vả riêng mình cụ ngồi ở sập giữa, thì còn ai ngờ đi lẫn được giày? Chẳng qua là lỗi tại chủ nhà không biết trông nom cẩn thận người nhà người cửa, trong khi chúng hầu hạ mà thôi! Mà đĩa nào lấy đôi giày ấy cũng to gan thực! Hồn với ai thì hồn, chứ sao được hồn ngay của cụ chánh Bá! Thực là vuốt râu hùm!

May thay cho nhà chủ, là tự nhiên lại biết ngay rằng cụ mất giày. Chứ đợi đến lúc cụ ra về, hay vô phúc cụ đi giải, mà tìm giày không thấy, thì không biết làm thế nào? Lại cũng may nữa, là cụ chưa biết rằng đôi giày mới của cụ không cánh mà bay đấy. Chứ mà cụ biết, thì chết với cụ! Xưa nay cụ chúa ghét những thói gian xảo. Ngay như đây tớ cụ, đĩa nào mà lảng vảng ra chợ, tắt mắt đồ đạc của người ta, người ta có bắt được và trình cụ, thì cụ cũng không tha. Cụ nhất định giữ lấy đồ ăn cắp, rồi sai đánh cho một trận thật.

Thế cho nên cụ chánh Bá mất giày, nhà chủ sợ xanh mắt:

- Đôi giày của cụ như thế nào, hử cậu?

- Mới nguyên, kiểu Gia Định, đế cò lép, mua những ngót ba đồng.

\*

\*      \*

Độ một tháng nay, cụ chánh Bá bực mình vì đôi giày của cụ nó móm quá. Anh người nhà nói rằng nó mới, kiểu Gia Định, đế cờ lếp, là anh đã làm một lối văn "cổ điển" đẹp lời, chứ nếu theo giọng "tả chân" thì phải nói rằng nó xấu và cũng không có chữ đế tả nữa!

Đôi giày ấy, chẳng biết cụ mua từ Khải Định mấy niên, đến bây giờ, đóng lại đế là lần thứ bốn, mà nó vẫn hoàn không đế. Mũi thì nứt rạn và vá nhiều nơi. Cái cá đã đóng thêm lượt nữa, nhưng nó vẫn thủng. Lượt da thì ải và bật dây gần hết. Bọn thợ khâu giày phải trốn như chạch, vì lờ ra không nhẹ tay mà chọc mạnh cái dùi vào, là nó toạc ra - vì tất nó toạc ra - thì oan gia.

Cho nên chiều hôm ấy, trước khi đi ăn cỗ, cụ đội khăn, mặc áo chỉnh tề, mà cụ ngắm đến đôi giày, thì cụ phát khùng lên. Cụ cầm cái giẻ, nhỏ tí nước dãi, lau lại cái mũi cho đỡ mờ, nhưng cụ ngắm, cụ vẫn phải nhăn mặt.

Cụ đi đi lại lại vài lượt, ra ý nghĩ ngợi, rồi gọi anh đầy tớ thân và sai rằng:

- Đội khăn, đi hầu tao.

Anh đầy tớ gảy cái bã điếu, lau qua cái tráp, rồi đứng khoanh tay chờ lệnh. Cụ Bá nhìn vào đôi giày, nghiêm sắc mặt lại, gắt:

- Mà làm tao xấu hổ về đôi giày!

Thấy khí giận ngầu ngầu trên mặt chủ, anh này gãi tai không dám trả lời.

- Tao bực lắm! Làm thế nào bây giờ?

Anh đầy tớ không biết nói tiếng gì hơn là tiếng "dạ" đỡ đòn. Nhưng cụ Bá lại gắt:

- Tao không thể đi đôi giày được nữa. Kệ chúng bay! Muốn làm thế nào thì làm!

Câu gắt khí lạ, các ngài nhỉ! Giá chúng mình làm nũng vợ, hay bắt nạt em gái, thì dùng câu ấy được đấy. Nhưng bắt đền người nhà thì kém "logic" lắm!

Nhưng mà cụ chánh Bá tôi nói thực đấy! Đôi giày của cụ cũ và xấu, là lỗi tại đầy tớ ngu. Nay cụ bắt phải có đôi khác thay vào, thì không đưa nào được trái ý.

Anh đầy tớ lo lắm. Nếu anh bấm cụ mua giày mới, thì khổ anh. Vì cụ cứ ừ, nhưng không đưa tiền. Nếu không có giày cho cụ, thì cụ đánh đòn về tội kiệt.

Cụ để cho anh luống cuống một lúc, rồi cụ mới dịu nét mặt, khoan thai vẩy lại gần, rí tai nói nhỏ. Đến câu chửi kết luận, anh ta mới tủm tỉm cười, phục ngầm thấy là mưu cao, và thấy nhẹ nhàng, đỡ lo đôi chút.

Ấy thế rồi hai thầy trò đi.

Đến nơi, nhà chủ đón chào rất trân trọng. Họ mời cụ lên nhà trên, hầu hạ kính cẩn, sợ hãi. Lại còn sợ không quen tính cụ xưa nay ra sao, nên cứ phải thì thào hỏi dò cậu người nhà từng tí. Và nhờ cậu luôn luôn đứng cạnh cụ, xem thiếu thức gì, thì cứ việc sai bảo tự nhiên.

Cụ ngồi một mình trên sập giữa, và xơi riêng một mâm rượu đầy tú ụ. Nhà chủ không dám ghép ai ngồi hầu, mà cũng chẳng ai dám ngồi hầu. Vì lỡ ra có sơ suất hay thất thố, thì thà cụ cứ mắng chửi ngay cho lại là phúc. Đằng này, cụ cứ im, rồi để bụng. Thế là mất làm ăn.

Lúc chập tối, trong khi có hai thầy trò cụ chánh Bá ở nhà trên, thì cụ khẽ gật tên đầy tớ, và liếc mắt một cái. Anh này hiểu ý, ra hiên đứng nhìn, rồi đến cạnh cụ, cúi xuống nhặt... Rồi thu thu vào trong bọc. Rồi len lén ra ngoài ao. Rồi giơ thẳng cánh tay, ném xuống nước. Tôm!...

Vì thế cho nên cụ chánh Bá nhà tôi mất đôi giày mới nguyên.

\*

\*      \*

Cụ chánh Bá mất giày! May mà cụ không biết đấy! Chứ giá cụ mà biết, thì chết nhà chủ! Vì cụ xưa nay chúa ghét những thói gian giảo! To gan thay, đứa nào dám vuốt râu hùm!

Lúc cụ xơi cơm xong, nhà chủ mới lên mời cụ đánh tổ tôm. Cụ vui vẻ cho phép ngồi, và hỏi dăm ba câu chuyện. Nhà chủ ngồi xỏm ở cạnh sập. Và trong khi hầu chuyện, anh ta vớ lấy cái điều để hút. Đấy, chính lúc ngọn đóm lập lòe dưới gậm, anh ta mới nom rõ bốn xung quanh giường, không thấy đôi giày nào cả. Anh ta tái mét mặt, đến nỗi chưa hút được xong hơi thuốc, thì mối lo đã đùn đùn đưa lên đến ngực, đến nỗi anh ta sặc và ho sù sù! Sợ quá! Nhưng

không dám nói ra, anh ta mới lảng lạng soi khắp nhà. Quái! Không tìm thấy đâu cả.

Nhà chủ xin phép cụ cho bốn người lên hầu bài, rồi đi xuống. Lúc gặp cậu người nhà, anh ta mới hỏi khê:

- Đôi giày của cụ, cậu có cất không?

- Không! Sao bác hỏi lố bịch thế?

- Vậy thì mất à? Đôi giày của cụ như thế nào, hở cậu?

- Mới nguyên, kiểu Gia Định, đế cò lép, mua những ngót ba đồng!

Hỏi xong, nhà chủ sai người đổ đi soi đèn, tìm khắp mọi nơi, sau nhà, bờ giậu, xó bếp, ngoài vườn, chuồng trâu, cũi chó. Nghĩa là những chỗ có thể ngờ là kẻ gian giấu được, hoặc các nơi mà đàn chó con mọi khi vẫn chơi đùa.

Càng không thấy, nhà chủ càng lo. Cậu người nhà thỉnh thoảng lại nói một câu dậm dọa:

- Hay là tôi lên trình cụ xem nhé!

Trình cụ! Cui không cụ biết thì cụ chửi cho ửng mồm! Nhà chủ cứ bắt gia nhân đi tìm mãi, nhưng vẫn chẳng hy vọng gì, bèn đánh liều bỏ phí một đồng bạc để treo giải thưởng cho người tìm thấy.

Nhưng có mà trời tìm! Giá có cao đoán rằng cụ đã mật sai người nhà cụ vớt bồm xuống ao rồi, mà mò, thì cũng vô ích. Vì từ nãy đến giờ, thì giờ cũng đủ cho đôi giày rửa ra và tiêu hết rồi, chứ còn gì!

Nhưng mà mất giày cụ chánh Bá! Việc to! Chết!

Ấy, ở trên nhà, cụ vẫn đương vui vẻ gọi phỗng, và tính nước bài. Chứ nếu ai mà hót với cụ rằng đôi giày mới của cụ, có đứa nào thó mất, thì hẳn cụ quăng bài đó, rồi cụ tra tấn cho ra. Vì xưa nay cụ dữ như con hùm, khét tiếng trong hàng tổng là quyền hành, hách dịch, thét ra lửa!

Cụ thét ra lửa thật hay đối? ấy là tán rộng thế cho nó hay đấy. Chứ nếu biết rằng mất giày mà cụ thét ra lửa thực, thì cháy tiệt cả nhà, còn gì nữa? Mà Nhà nước thấy cụ có phép lạ, thì đã gửi toách cụ sang Tây từ đời nào, để Viện Hàm lâm khoa học, các ông Bouvier, Caulery, Gravier, Joubin, Marchal, Mesnil khảo cứu. Và như thế thì chắc chắn cụ được đôi giày tây để đi, chứ cụ có còn ở

nhà nữa đâu mà mất đôi giày Gia Định, đế cò lếp! Nhưng nói cho cụ đỡ oan, là từ ngày cụ có chân Sơ học yếu lược tới nay, được đổi ngạch Bá hộ sang Văn giai, thì cụ cũng hiền lành hơn trước một chút. Cho nên, giá cụ có biết rằng cụ mất giày, thì cũng mặc kệ cho nhà chủ tự xử trí.

Tìm mãi không thấy, hai vợ chồng nhà chủ trợn mắt trợn mũi, luống cuống, chỉ trỏ bàn nhau. Không biết làm thế nào cho êm chuyện. Rồi thở ngắn than dài, hồi mãi vì sự trông nom không cẩn mật để xảy ra sự mất mát đáng tiếc ấy.

Rồi đến hai giờ sáng, xong ba hội tổ tôm, mọi người mời cụ Chánh Bá nghị, kéo mệt. Nhà chủ sai đốt đuốc để tiễn cụ lại nhà. Khi chỉ còn một mình cụ ở lại, cụ mới quàng cái khăn vào cánh tay, rồi lấy đóm soi đôi giày dưới đất. Đôi giày của cụ thật mới, bóng nhoáng, kiểu Gia Định, và đế cò lếp, được để cận thận bên gậm sập. Cụ hiểu ý, liếc mắt nhìn nhà chủ. Nhưng cụ lại thấy nhà chủ cũng nhìn trộm cụ, thì cụ lại phải soi đóm xuống lần nữa, và làm như ngạc nhiên, không hiểu, nên nói:

- Ớ! Không phải...

Nhà chủ, trống ngực thành thành, vội vàng đáp để đánh trống lấp

- Dạ! Bẩm phải đấy ạ.

Thế rồi cụ làm như vô tâm, và hay tin người, cụ vươn vai, ngáp, rồi cót két đôi giày mới, đi về, lấy làm vừa lòng lắm...

*PTBNS số 5; 1-4-1937*



## Kép Tư Bền

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên kép Tư Bền. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lắm lúc ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn một cái điệu bộ cón con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đôm đốp.

Anh ở Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh có tài riêng mà tính lại thích tự do nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hề rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên, tối nào bà con Hà thành đọc chương trình hay xem báo, thấy kép Tư Bền đóng vai giễu, thì cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không và phàn nàn rằng rạp chật quá!

Cho nên những tối hát có anh giúp, thì các hý viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay, anh ta không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối om ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rên rĩ của ông cụ cũng hoà lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan nát ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép, dần dần nó cũng đi bài tẩu mã, đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều.

Một hôm, ông chủ rạp Kịch trường đến nhà anh ta chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiếu lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ:

- Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có để trả tôi chưa?



- Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm và nộp sau.

Ông chủ bĩu môi, nói:

- Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra toà đó.

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào dỗi:

- Bấy lâu cậu nghỉ hát ở các rạp, khách nhắc nhở luôn đấy. Vậy cậu liệu liệu mà đi làm ăn chứ?

- Vâng, tôi vẫn định thế...

- Tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ. Vậy cậu ra giúp tôi vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

- Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

- Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

- Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, như trong óc anh lần lần vẫn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều: Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha anh mấy tiếng đồng hồ để đi học diễn. Cha anh ốm. Trong khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh? Nghĩ vậy anh đáp phắt:

- Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trở vào màn và nói tiếp:

- Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thò tay ra cái ghế đầu kê ở cạnh, để với lấy cái ống nhỏ. Nhưng lật bật cầm không vững, cụ đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm dãi nổi lênh bệnh.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha:

- Sao ông không gọi con?

Rồi anh lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt râu râu, anh nói.

- Đó, ông coi, vắng tôi sao vắng?

- Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

- Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng keng keng của chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đật chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn của ông cụ sai anh rót chén nước.

Nhân muốn gãi cảm tình, ông chủ rạp Kịch trường lại gần giường, mở màn, rồi hỏi:

- Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không?

Ông già giương hai mắt lên. Rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó đăm đăm, và gật gật mấy cái, rồi run lấy bẩy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen chào lối tây, nên mới bắt tay đâu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ ông cụ phải bắt tay, là vì phải tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

- Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao mà cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm, có ý hỏi.

- Tôi sắp cho tập vở hát mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật. Nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha.

- Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Chỉ có anh Tư Bền hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ dõ đành, nói:

- Cậu cứ cố giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy, cậu để đến bao giờ cũng được. Còn tiền hỏa hồng khi diễn tấu "Ông huyện ba phải" này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lòng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.

- Cậu nghĩ sao?

- Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

- À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn người khác. Tội chi, có dịp trở tài,

vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện!

Nghe câu nói sau cùng như được ăn bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi. Anh nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng. Cụ nhăn mặt, cố cất lên cái tiếng khàn khàn để gắt:

- Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho sù sụ.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch trường và trả lời.

- Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn. Đến hôm diễn, mà cha anh Tư Bền có làm sao, anh cứ vắng mặt ở rạp hát, thì lỡ bét. Ông bắt anh làm giấy giao kèo.

\*

\*      \*

Bà con sinh xem hát, hôm đó thấy ô tô quảng cáo chạy rộng khắp phố để thả chương trình, và vài căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi diễn đặc biệt, có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lô nhô như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chờn vờn. Trên thêm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại, tìm chỗ để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hoà trong rạp, du dương trầm bổng, chứa chan biết bao tình tứ ái ân, như câu, như kéo, làm cho người ta quên hẳn, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ nhắc lại câu bông lơn của kếp Tư Bền, chỗ kia bắt chước điệu bộ của kếp Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vài lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kếp Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta biết đâu rằng hiện giờ này, ở nhà, cha anh đương dờ

chúng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một hơi nữa là hết nợ, và ở trong buồng trò, anh cũng đương nấu ruột nhầu gan.

Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, nhưng tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quệt vào đĩa mực để bôi nhò cái mồm. Rồi anh lại phải mặc trái cái áo lụng thụng thêu, lặn đôi hia xanh và đội cái mũ cánh chuồn ngược. Anh đóng vai này, trông ra phết, giàu sang sung sướng. Chốc nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn anh trông anh mà gắng sức, các khán quan được một phen cười vỡ bụng, vỗ rít tay kia mà!

Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nãy, lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi. Thôi! Nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu, cho chúng tôi cười, hét lên mà cười, cười đến nổi phải lăn cả ra đất chứ?

\*

\*       \*

Một hồi chuông vừa dứt. Màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ để hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thần người ra như phỗng đến một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước! Mà khán quan thấy anh ăn mặc ngộ nghĩnh, cái mồm bôi nhò nhem, thì ai mà nhịn cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và càng cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già!

Ác thật! Vai anh Tư Bền đóng hôm ấy cứ luôn luôn phải ở sân khấu. Nhất là anh phải làm nhiều điệu bộ hơn mọi khi. Lắm lúc còn phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, mới nhờ người về thăm xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò. Anh lại phải hò, phải hét, phải dẫn từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những bộ điệu, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là họ cũng đủ cười rồi. Nào họ có để ý và nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện

ra ở trước mắt. Bỗng khi anh đương phệnh phạo trên sân khấu, khi người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

- Nguy hơn ban nãy. Đã cấm khẩu rồi!

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy. Nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò. Khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt, đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lẫn ra cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đương ngồi thừ trong buồng trò, thì anh lại nhận được một tin báo nữa, là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức nức nở:

- Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông cố khuyên giải, và cấm không cho ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sân khấu bài trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tí phấn cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa thất dải áo, vừa sụt sịt mếu máo, thì bắt anh im đi, chùi nước mắt. Rồi ông đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nhảy, để mua gượng lấy những tràng vỗ tay.

Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bền, đi đôi với cái bông lơn, cứ diễn ra mãi, mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bật tin nhà, ruột anh càng nhàu như dưa, xót như muối! Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp thật dài, dài mãi. Anh tưởng phen này quyết hết nợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha để nhìn thấy mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở hàng ghế hạng nhất, người ta kêu ầm:

- Bis! Bis!

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích - vì nó hợp với tâm lý anh hơn, - để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối một lượt nữa.

Rồi khi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người, chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người thì tặng hoa. Người thì bắt tay. Người thì véo mũi. Người thì khen. Làm cho anh ruột càng như thiêu như đốt.

Khi không còn phải thở dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vôi mũ áo và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đương rồi beng nghĩ đến cha anh, không biết bây giờ đã lạnh đến đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vôi vả ấn vào tay anh tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói:

- Mau mà về. Anh Tư! Hồng từ ban nãy mất rồi! Khốn nạn thân anh quá!

*Kép Tư Bền.*

*Tiểu thuyết thứ bảy xuất bản, 1935*

## Thanh! Dạ!

Thanh!

- Dạ!

Trong nhà hôm nay tấp nập như mở hội. Mẹ cho phép cả sáu cô ra Đồ Sơn. Ngay từ bảy giờ sáng, sáu chị em đã gọi nhau choàng cả dậy. Các cô kệ cho đôi mắt đỏ gay nó bốc hỏa, các cô tranh nhau rửa mặt, rồi thi nhau trang điểm. Mùi phấn, mùi nước hoa thơm phức cả nhà. Mỗi cô chọn một màu áo, rồi ngắm hết cho mình, lại ngắm cho nhau.

Chung quy chỉ chết một mình con Thanh. Đã bận, lại thêm tíu tít. Mới gánh được một gánh nước, cô Diễm đã gọi giật:

- Thanh!

- Dạ!

- Hãy để thùng vào trong nhà, đem giấy này lại đăng cô Vân mượn cho tao quyển tiểu thuyết đã.

Nó nhặt bức thư ở bàn. Thế là tất tả chạy. Loáng một cái, nó đã mang quyển sách bìa nát nhàu về.

Vừa lúc đó, cô Tuyết sấn lại nó, và quát:

- Thanh! Mà làm ăn thế nào mà chả có giọt nước nào rửa chân thế! Muốn sống đi gánh về mau không?

Con Thanh chẳng nói chẳng rằng, lại đặt đòn gánh lên vai.

Rồi đến cổng, nó quay lại, thấy vắng người, bèn lẩm bầm một mình để mình oan:

- Khốn nhưng còn phải mổ gà để nấu cháo.

Đến cửa, chưa ra thoát, nó đã thấy hai chiếc xe hòm vừa đỗ. Một "đội" người nhảy xuống, toàn quần áo tây, đầu trần. Tiếng gót giày quèn quẹt, đồng thời, tiếng cười nói vang vang.

- Ô kìa, các anh đã đến sớm thế?

Một người giơ cổ tay, trỏ chiếc đồng hồ chữ nhật:

- Y hẹn. Đúng tám giờ. Không sai một phút.

- Thế thì chúng em xin lỗi các anh nhé. Chín giờ bắt đầu đi cũng được. Xe nhà, sợ gì. Đừng chê chúng em là rùa nhé.

Rồi tiếng cười khanh khách để nhận rằng câu pha trò ấy đậm đà.

- Thanh!

- Dạ!

Con Thanh, lạy Trời Phật, mới đi được đến vệ hè. Nghe gọi, nó quay lại, không thấy ai, lại toan đi cho xong.

- Thanh!

- Dạ!

Nó dừng bước. Cô Nguyệt ra tận hè, chỉ tay vào mặt nó, cong cớn mắng:

- Con ranh đi đâu đấy?

- Con đi gánh nước.

- Sáng sớm chẳng gánh, hễ có khách là sắp lẩn phải không?

Nó đặt gánh, nói:

- Bà sai con gánh nước, nhưng đã có lúc nào đi được đâu.

Cô Nguyệt trừng mắt, để im cho nó cãi, rồi vênh vảo hỏi:

- Nhưng bà đang gọi rằm mà ở dưới bếp ấy, mà có biết không?

Bà gọi rằm! Đến cả ông bà ông vải nó ở dưới âm phủ để lúc nào cũng phải cố lắng tai để nghe bà gọi và nhắc nó. Vì ông bà ông vải nó muốn được yên giấc ngàn năm.

Nó tặc lưỡi, quẩy thùng không và về.

Khách khứa nhón nháo khắp nhà. Con Thanh len lén đi, cúi gằm mặt, tránh hết người này lại tránh người nọ. Nó không dám nhìn ai, cũng không dám nghe ai.

- Thanh!

- Dạ!

- Mà đi đâu?



- Dạ, thưa cô, bà sai con đi mua hạt tiêu.

Bỗng vành khăn nó xổ ra, rồi cả hai món tóc nó bị kéo giật. Nó ngật đầu ngoảnh lại. Một cậu đặc chí, cười hênh hếch, nấn lại chiếc cà vạt, nói:

- Gớm, các cô chiêu nhà này kiệt quá, không cho nó được cái khăn nhung cũ. Chó gầy hổ mặt người nuôi!

Nó biết là việc đùa, hết trống ngực, tũm tũm cười, vừa đi vừa quần khăn. Nhưng vẫn không dám để tai đến những lời bàn tán về nó, sau lưng nó.

Rồi mặt trời lên cao. ánh nắng chói lọi. Một mảng áo lưng nó bết vào với thịt. Khi trở về, qua buồng khách nó bẽn lễn, ngượng nghịu. Những tiếng nói cười bàn tán vẫn tranh nhau làm loạn nhà.

- Thanh!

- Dạ!

Nó vội quẳng đôi thùng với cái đòn gánh cạnh thạp nước, chạy ra.

- Anh bảo nó mua gì?

Cậu ấy chẳng đáp, lấy tờ báo để quạt, nghiêng đầu ngắm nó. Chẳng trả lời câu hỏi, cậu ấy bĩu môi, nói:

- Nhưng hai tay nó bẩn lắm.

- Làm gì?

- Nhà có cái bị hay cái hộp nhỏ nào không?

- Có.

Cậu ấy quẳng ra bàn ba xu, bảo nó:

- Mua nước đá. Nhưng không được mó tay vào nhé.

Cô Nhuận nói:

- Chạy lên! Hễ tan hết thì chớ chết!

Nó sợ chết, nên ba chân bốn cẳng, chạy như bay.

Tội nghiệp con bé, khi nó về, trên mặt mũi, mồ hôi nhỏ giọt. Nhưng hai mắt nó long lanh, vì vừa làm tròn được một việc mà không phải mắng. Nó sung sướng, cái vui sướng của nhà nghệ sĩ, nhìn hết người nọ đến người kia.

Cô Nghi khen:

- Thưởng cho con Thanh cái mè đây.

Nó sắp tũm tũm, thì cô Tuyết đã lên giọng đanh đá, mắng nó:

- Đi mà gánh nước. Chậm như sên! Bà ở bếp ra mà không có gì rửa tay, thì mày ồm đòn.

Bỗng nó nghĩ đến bà - bà nghĩa là những ngọn roi, những câu chửi - nó sợ.

Nhưng cô Ngọc, độ mười ba mười bốn tuổi, ở trên gác, đánh phẩn xong rồi, mà mới xỏ được một bên tay áo, đã vội chạy xuống, hỏi:

- Con Thanh đã về đấy à?

- Rồi.

- Thanh!

- Dạ!

- Làm gì đấy?

- Ô! Để cho nó gánh nước, không mẹ mắng cho.

Cô Ngọc ngần ngừ:

- Nhưng mà hãy gượng. Thanh! Đi quàng lên cho tao vậy. Mày ra thợ giặt, bảo nó là ngay cho tao chỗ này nhé.

Một là con Thanh ngoan, hai là nó nhát, nên nó lại khoảng cả hai cẳng mà đi rõ nhanh.

Rồi nó về, vẻ mặt lo lắng. Nó giao hẹn:

- Thôi, các cô để con quấy một gánh nước, kéo bà đánh con nhé.

- Ủ.

- Mau lên!

- À, nhưng Thanh! Tao bảo. Một công đôi ba việc.

- Dạ!

- Mày đi mua cho tao ba xu ô mai. Đẳng chua ấy nhé.

Rồi cô Kim nhìn mọi người, chế nhạo:

- Vừa nói đến ô mai chua, cậu nào cậu nấy đã nuốt nước dãi!

Tiếng cười vang cả buồng. Cô Kim mở ví, nhặt chọn cho hết trình Bảo Đại mới đến trình Khải Định. Con Thanh chờ. Nó đập bàn chân nọ vào bàn chân kia, cho đỡ sốt ruột.

Rồi nó cầm tiền, nhắc đòn gánh lên vai. Vừa ra đến cổng, cô Hà cười sảng sặc, gọi theo:

- Thanh!

- Dạ!

Nó đứng lại, thở dài, chờ lệnh.

- Mày mua về, phải đưa cho tao.

Cô Kim xoa tay:

- Không được.

Một cậu bảo:

- Thanh! Mày cứ đưa cho tao.

Rồi nhao nhao mỗi người một điều. Nó chẳng nghe ra sao cả. Mà hễ một bước, thì lại bị gọi:

- Thanh! Phải đưa cho tao!

Chờ các cậu, các cô đùa nhau để mất thì giờ của nó, nó lo lắm. Nó đánh liều, quay bước ra đi.

- Thanh!

- Dạ!

- Hãy về tao bảo!

Nó lại phải thủng thẳng trở lại. Cô Minh nói:

- Chờ đấy, tao lấy tiền, mua thêm năm xu nữa. Thế là ổn.

Rồi cô quay lại mọi người:

- Để tôi đóng vai nhà từ thiện, bố thí ô mai cho cả mọi người.

Tiếng vỗ tay, tiếng cười vang động cả đến nhà dãy phố bên kia. Con Thanh đứng tựa vào tường, chờ cô Minh đưa tiền, ngấm cái cảnh êm đềm, vui vẻ trước mắt nó. Bỗng một tiếng gọi như gắt ở dưới bếp đưa lên:

- Thanh!

Cô Tuyết trợn mắt, xoa tay cho mọi người im và nhìn con Thanh, hất hàm bảo:

- Kìa! Bà gọi gì mày.

- Thanh!

Tiếng gọi như quát. Con Thanh vội vã:

- Dạ!

Trên nhà, các cô các cậu nhìn nhau, sợ hãi.

Cô Ngọc bảo khế mọi người:

- Bà cụ đã nổi tam bành cái gì ở dưới kia kìa. Gớm!

Ai nấy yên lặng. Tiếng léo xéo trong sân làm mọi người ngồi trên ghế, nhu mì và trật tự.

Rồi cô Tuyết rón rén dòm vào sân, thì thấy mẹ, cái đuôi gà ở đầu khăn ngổng ngược lên trời, mặt đỏ như, quệt cái tay áo cánh dẫm những mồ hôi lên trán, tay cầm thanh củi, trở vào thạp nước, trợn tròn mắt, rồi phang vào đầu, vào mặt, vào lưng con Thanh túi bụi, để đánh nhịp với những tiếng: - Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười!...

*PTBNS số 26; 1-12-1938*

## Thằng điên

Trời nắng, cái nắng mới, làm cho người ta khó chịu, dễ sinh giận dữ, gắt gỏng với cả mọi người.

Trên con đường nhựa Hải Phòng - Hà Nội, đen như con rắn nằm nhòai không cựa quậy, anh đi Mũi đi chợ về, quẩy một gánh nặng những khoai lang. Đi đã năm cây số, nên mồ hôi anh nhễ nhại, ướt cả áo, lấm tẩm trên trán, trên mũi, và trên cằm...

Anh đang rảo cẳng bước cho chóng hết nốt hai cây số nữa, thì trông thấy ở cạnh đường, một cái ô tô hòm liệt máy, đứng đó. Nhân có bóng cây mát, anh nghỉ chân, hạ gánh khoai xuống, ngồi ở vệ đường. Anh phanh áo ngực, rồi lấy nón, vừa quạt, vừa nhìn cái xe chết.

Đằng mũi xe, một ông độ bốn mươi tuổi, mặt mũi phương phi, áo khăn chùng chạc, đương loay hoay, chữa hết máy này, sang máy khác, mồ hôi chảy ra ròng ròng. Trong xe, một người đàn bà, cũng trạc tuổi ấy, ăn mặc cũng sang trọng, thỉnh thoảng lại thò đầu ra hỏi:

- Thế nào, xe có chạy được không?

- Chẳng ăn thua gì.

Một chốc, người đàn ông trèo lên xe, vẩy anh đi lại gần, và nói:

- Này bác, tôi nhờ bác đẩy hộ đi mấy bước.

Vốn quen tính giúp đỡ, anh đi chẳng quản công. Anh bèn ì ạch dun xe đi được vài bước. Nhưng người ngồi trên xe thất vọng, nói:

- Thôi, cảm ơn bác.

Rồi quay lại nói với người đàn bà:

- Thôi đành chịu. Hết cách rồi.

Anh đi nhìn hai vợ chồng người này - vì anh chắc là hai vợ chồng - thấy có ý lo lắng, thì anh cũng ái ngại thay. Đã được dịp

làm quen, anh mới dám tò mò bóp cái lốp xe, sờ vào mặt kính, mó các máy móc, rồi ngó vào trong xe. Anh thấy hai cái va ly to lắm.

Người vợ nói:

- Làm thế nào về cho kịp được?

Người chồng bắn khoăn, móc túi xem đồng hồ, trả lời:

- Phiền quá! Mười hai giờ rồi. Đành phải đi bộ đến ga cho kịp xe lửa. Nếu may mà gặp xe hàng thì lên vậy.

- Nhưng ai coi xe cho?

- Bà ở lại, tôi về một mình, kéo lỗ việc.

- Nhưng hai va ly nặng lắm, mang thế nào nổi?

Hai vợ chồng nhìn hai cái va ly, rồi cùng quay ra phía anh đi Mùi, như trong óc cùng nảy ra một ý nghĩ giống nhau vậy.

Rồi người vợ vẫy người chồng lại gần, ghé tai nói thầm như bàn nhau một việc gì. Đoạn người chồng gọi anh đi:

- Này bác, bác có thể gánh thuê cho tôi hai cái va ly này đến ga được không?

Anh đi nhìn hai cái va ly, rồi nhìn hai thúng khoai lang. Anh gãi gáy, ra ý nghĩ ngại, rồi bảo:

- Có nặng không, thưa ông?

- Hơi nặng. Nhưng gánh thì cũng cân.

Anh đi nhắc thử lên xem, thấy cũng vừa sức. Anh gật đầu:

- Được, ông để nhà cháu gánh giúp.

Anh đi đặt hai chiếc va ly lên hai thúng, rồi ghé vai vào, gánh đi. Người đàn ông theo sau. Còn người đàn bà thì ở lại.

Gánh nặng. Trời nắng. Anh đi mệt thở hơi tai. Người đàn ông đi trước, vừa nực, vừa nhọc, vì từ thuở bé, chưa từng bị khổ như thế này bao giờ. Nhưng thấy anh nhà quê rụt cổ, nhăn mặt vì gánh nặng, nên ông ta cũng ái ngại:

- Có nặng không, bác?

- Bẩm ông, nặng ạ. Ông đi đâu?

- Tôi đi lên tỉnh.

- Thưa thế ông ở đâu ta?

- Tôi ở ngay tỉnh.

- Thế thì thích lắm nhỉ. Tỉnh có nhiều phố vui lắm. Ngày trước, cháu đã được lên tỉnh một lần.

Anh đi thấy ông ấy nói chuyện dễ dãi, nên vì cũng muốn quên gánh nặng, đường xa, trời nóng, mới hỏi thêm:

- Ngoài tỉnh chắc bây giờ vui vẻ hơn trước, ông nhỉ?

- Phải, hôm nào bác rỗi, lên tỉnh mà chơi.

- Cháu chẳng quen ai, mà cũng chẳng có việc gì mà lên. Đi một mình, nhớ lạc chết.

Thấy bác nhà quê thực thà, ông kia chẳng hẹp gì mà không tỏ hết cái tử tế với người giúp mình, bèn nói:

- Được, khi nào lên tỉnh, bác cứ lại nhà tôi chơi. Nhà bác ở đâu?

- Nhà cháu ở gần ga, cách một cây số. Qua làng cháu rồi mới đến ga.

- Vậy ra bác phải đi thêm cho tôi một thôi đường nữa à?

- Vâng, nhưng chẳng ngại. Cháu làm ăn vất vả quen đi rồi.

- Thôi được, tôi sẽ đãi bác hai hào cho bỏ công.

- Ông đừng cho, cháu không lấy đâu. Nhân thể chuyển gánh, thì cháu giúp ông, chứ công sá gì.

- Bác không lấy, tôi không bằng lòng. Bác cầm về mua quà cho cháu.

- Không. Người ta ăn ở với nhau, cốt giúp nhau lấy tình, chứ tiền mà làm gì?

Người ấy thấy anh đi nói với mình một cách nghĩa hiệp, thì ngợi khen mãi. Từ lúc ấy, hai người nói chuyện thân mật như bạn. Khi tới ga, ông ta cứ lấy ra hai hào đưa anh đi. Anh đi cười, lắc đầu:

- Ông đừng làm thế. Hai hào chứ hai đồng cháu cũng không lấy đâu.

Ông ta lại nằn nì:

- Bác cứ cầm cho tôi bằng lòng. Tôi biết là công bác to hơn thế này kia.

- Không mà, cháu đã nói là ăn ở với nhau cốt lấy tình, chứ tiền mà làm gì.

Khi xe lửa đến, ông ta nắm tay anh đi, và nói:

- Bác thực có bụng tốt ít có. Bác là một người đáng quý, không bao giờ tôi quên. Khi nào bác lên tỉnh, nhớ lại nhà tôi chơi. Tôi sẽ đưa đi xem phố. Nhà tôi ở phố Bờ Sông, số 36. Nhớ nhé. Thôi, chào bác, cảm ơn bác.

- Vâng, không dám. Chào ông ạ.

\*  
\*       \*

Một câu mời dơi. Một câu hứa vượn. Ai ngờ đến cuối năm ấy, anh đi Mùi có tiền, lên tỉnh sắm tết.

Mua các khoản xong, anh mới đi xem các phố xá. Anh nhớ người khách qua đường, nhớ gánh va ly mấy tháng trước, cũng muốn tìm xem nhà người ấy ở đâu. Nhưng nào anh có nhớ phố và số nhà để hỏi thăm đến.

Đi hết phố này sang phố khác, nhà nào anh cũng ngắm, cũng nhận kỹ lắm. Vì không mấy khi lên tỉnh, lại được rảnh rang, nên anh chẳng chịu lỡ dịp mà chẳng đi cho khắp. Anh dừng chân trước hiệu cân gạo. Anh dừng chân trước xưởng ô tô. Anh xem cái cột đồng dầu ét xăng, chiếc vàng, chiếc đỏ. Rồi anh đến phố Bờ Sông. Anh thấy một nhà có hàng rào sắt. Nhân có bóng cây, anh đứng nghỉ.

Anh đưa mắt vào trong nhà để nhìn. Người đi lên đi xuống tấp nập, người nào người nấy ăn mặc rất lịch sự.

Anh ngắm nghía các câu đối, hoành phi, sơn son thếp vàng. Anh nhìn các bồn cây, lá hoa bay tơi tả.

Bỗng anh thấy ở trong nhà có tiếng găt toang toang, mà đầy tớ thì chạy cuống quít. Rồi có một người đứng ở hè, nét mặt hăm hăm. Anh thoát trông người ấy, lấy làm ngờ ngợ. Nhìn kỹ, thì té ra chính là cái ông hồng ô tô độ trước.

Vậy thì anh đi Mùi quen ông ấy rồi. Anh nghĩ lại cái việc anh đã giúp ông ấy, những câu ông ấy nói chuyện rất tử tế, dễ dãi, cùng những lời ông ấy khen anh và mời anh. Nay anh đã tìm thấy nhà ông ấy, không lẽ anh lại không vào một tý hay sao. Vì mấy khi anh đã lên đến tỉnh?



Anh đi đứng hẩn ở giữa cổng để nhìn vào cho cẩn thận. Anh sợ trông lắm chẳng. Anh ở nhà quê quen, trông người trên tỉnh, thường thấy người nào cũng sang trọng giống người nào.

Anh thấy ông kia cũng nhìn anh một lúc. Nhưng quái, sao không thấy ông ấy gọi? Hay là hôm nay anh đội khăn và mặc áo dài, nên trông khác, mà ông ta chưa nhận ra chẳng?

Anh bèn giơ tay ra vẫy, và gọi:

- Ông ơi!

Lạ quá, anh thấy ông ấy quay trở vào. Và tiếng găt mắng lại to hơn ban nãy. Rồi bỗng có người đầy tớ ở trong chạy ra, hất hàm hỏi anh:

- Đi đâu? Vào đây làm gì?

- Tôi quen ông kia. Tôi vào chơi.

- Ai chơi với mày? Thằng điên!

- Tôi không điên đâu. Tôi quen thật đấy.

- Đừng láo! Liệu không tao báo đội sếp đưa vào nhà thương. Cút đi!

- Anh hỏi lại ông ấy mà xem. Tôi không điên đâu. Tôi quen ông ấy. Ông ấy mời tôi đến chơi thật đấy mà.

- Mày đừng giở thói điên ra đây. Cút đi!

Người đầy tớ vừa nói, vừa dắt tay anh đi, lôi ra cổng.

- Mày là thằng điên. Chỗ này không phải là chỗ mày đến nói láo. Ông ấy bảo tao đuổi mày đi, vì mày điên, nghe chưa!

- Tôi quen thật. Ông ấy nhờ tôi gánh va ly lên ga đấy, cái ngày ông ấy hỏng ô tô ấy mà.

Người đầy tớ nhìn qua nét mặt anh đi, rồi hỏi:

- Anh nói thực?

- Tôi nói dối làm gì? Ông ấy không mời, sao tự nhiên tôi dám đến. Tôi không điên đâu. Ông ấy tử tế lắm.

Người đầy tớ lại nhìn anh đi một lượt nữa, thấy bộ mặt anh quá thực thà, thì thương hại, nên mỉm cười, vỗ vai anh, và ôn tồn giảng:

- Ô! Thế thì anh chẳng điên là gì? Lúc người ta hỏng ô tô khác, lúc người ta ở nhà tiếp khách khác. Chứ anh tưởng người ta lúc nào cũng như lúc nào à? Thôi, anh về đi là khôn...

## Xuất giá tòng phu

Trả tiền xe xong, ngài ôm cái gói bọc giấy xanh, chẳng dây hồng, thoăn thoắt đến buồng khách, qua buồng ăn, ngó vào nhà tắm, rồi xuống bếp: Su hào, bắp cải, bong bóng, nấm mực, còn bữa bãi, ngổn ngang cả trên phản làm cơm. Ngài ngơ ngác hỏi:

- Bếp! Bà đâu?

Anh bếp ngơ ngác, thưa:

- Bẩm, bà ở nhà ngoài.

Ngài càng ngơ ngác:

- Không mà!

Rồi ngài tìm lượt nữa: nhà tắm, buồng ăn, buồng khách. Ngài gọi to:

- Mợ đâu nhỉ?

Chẳng thấy vợ đâu, ngài sức nghĩ ra. Ngài chạy lên gác, bật đèn lên. Thì quả nhiên bà nằm trên giường, đắp chăn kín mít.

Mừng rỡ, ngài đặt cái gói lên bàn, lại gần, ngồi cạnh vợ, lật chăn ra, tỏ ý ngạc nhiên:

- Kìa, tôi tưởng mợ sắm sửa xong rồi. Dậy đi, mau!

Bà mở mắt lim dim, kéo chăn đắp lại, uể oải nói:

- Tôi nhức đầu quá, mà cơm cúng ở nhà cũng chưa sắp sửa được gì cả.

- Không cần. Dậy mặc quần áo, kéo không kịp.

Nói đoạn, ngài lật cả tấm chăn ra. Bà vợ thì cố co lại:

- Thôi, tôi nhức đầu như bị búa bổ, và chóng mặt lắm.

Ngài cười khanh khách, kéo vợ ngồi dậy:

- Ô, vờ mãi! Mặt mũi thế này mà bảo rằng nhức đầu. Mau đi, kéo lỗ.

Rồi chẳng hay cảm vì sắc đẹp hay muốn giở khoa nịnh đầm, ngài ôm lưng vợ, hít vào cổ. Nhưng bà hất ra, và lại cố nằm xuống, dần dần:

- Tôi chịu thôi.

Ngài trợn mắt, kinh ngạc:

- Chết, việc cần, không nói thế được. Thu xếp xong đâu vào đấy rồi. Mợ đừng phụ công tôi.

Rồi ngọt ngào, ngài đập vào vai vợ, vỗ cái gối:

- Đây, tận thời, đẹp đáo để. Dậy mà xem.

Bà vừa kéo chăn toan trùm đầu, vừa nói:

- Điều khác thì tôi xin chiều ý cậu ngay.

Ngài co phất chắn, cuộn lại, ôm quàng sang giường bên kia, hênh hếch cái mồm, cười:

- Mợ chỉ ngại rét chứ gì? Có rét quái đâu! ở ngoài đường cũng ấm áp lắm.

Bà ôm đầu:

- Ở nhà công việc còn bẽ bẽ ra, cậu không biết à? Cơm cúng đã làm được tí nào đâu.

Ngài dõ dành:

- Không cần! Chả cúng bây giờ thì tám giờ, chín giờ, mười giờ đêm, lúc nào mợ về hãy hay. Mà chẳng có thì tôi cứ trầu nước mời các cụ về cũng được, chứ đã làm sao? Mai năm mới, hãy cỗ bàn bày vẽ.

Nói đoạn, ngài dựng vợ dậy, cầm hai cánh tay, kéo ra cạnh giường, rồi ngoè chân, xếp lại hai chiếc guốc cho ngay ngắn. Bà oằn oại, ngả người để co lại, nhăn nhó, giằng tay ra. Nhưng thấy sức yếu quá, nên tự nhiên, bà bật ra tiếng khóc.

Đó là lúc chẳng nên đùa.

Cho nên ngài trợn mắt, nghiêm chỉnh hỏi:

- Ô hay, mợ không đi thực à?

Bà vẫn ôm mặt, nức nở:

- Cậu còn phải hỏi hay sao?

- Nhưng tôi đã hứa với người ta rồi kia mà!

- Mặc kệ cậu. Ai bảo?

- À, mợ khó bảo nhỉ! Nào có nhọc nhằn gì việc ấy. Tôi quanh năm làm lụng vất vả, mỗi ngày vùi đầu vào công việc hàng bảy tám giờ đồng hồ. Nếu tôi quản công, thì liệu cả gia đình này có được ấm no không? Mợ không biết nghĩ.

- Tôi hiểu cả. Cậu không cần nói nhiều. Nhưng cậu đừng bắt tôi thế.

Buông phứt vợ ra, ngài ngầu ngầu nhìn thật nghiêm chỉnh:

- Thế mợ muốn để cho người ta cho tôi là đồ gì?

Bà chấp hai tay, vái lạy vái để:

- Tôi lạy cậu, tôi van cậu, cậu đừng ép tôi. Tôi là vợ cậu...

- À, tôi là vợ cậu! Là vợ mà chồng bảo không nghe. Luân lý để đâu? Giáo dục để đâu?

Bà lại ôm mặt, thốn thức. Ngài móc túi, coi đồng hồ.

- Thôi, dậy sớm sửa mà đi, còn có ngót một giờ nữa thôi.

- Ngót một phút tôi cũng chịu.

Nghiêm nét mặt, ngài dễ dàng, giảng:

- Mợ phải hiểu, tôi không muốn tôi phải ép mợ. Tôi muốn mợ vui vẻ mà đi. Tôi giảng nghĩa trong từng ấy ngày, tôi tưởng mợ đã nghe hiểu. Thế này thì câu thật!

Bà nằm lả xuống giường, ôm đầu. Ngài nhìn một lát, bỗng hất hàm, hỏi:

- Mợ có đi hay không thì mợ bảo?

- Tôi cần rơm cần cỏ tôi lạy cậu, cậu tha cho tôi. Cậu đừng làm tôi nhục.

Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:

- Có đi hay không?

Bà cũng nhăn mặt:

- Khổ quá, tôi lạy cậu.

Ngài gắt:

- Có đi hay không. Mợ trả lời một tiếng. Không lạy van gì cả! Có hay không?

Bà không đáp, nước mắt khóc. Ngài nắm chặt bàn tay, dấm mạnh xuống phản:

- Nói!

Nhưng chẳng được nghe ý kiến vợ, ngài xung tiết, chạy đến mắc áo, vớ cái ba toong, khuỳnh tay đứng trước giường, rồi giơ ngọn gậy vào mặt vợ, hỏi:

- Có hay không? Một tiếng!

Vừa sứt sùi, bà vừa đáp:

- Không!

Cần quyết liệt hơn, ngài giơ gậy:

- Thật mợ không đi à?

- Không!

- À, bướng! Tao không dọa đâu nhé. Để rồi mồng bốn Tết, nó nhổ vào mặt tao ấy à! Cứng cổ này! Khó bảo này!

Thế là chiếc gậy hăng hái, cứ từ trên cao giáng xuống. Bà rú lên, rồi giơ tay ra đỡ, sấn lại chồng, cố níu lấy cánh tay rắn như sắt. Nhưng loáng một cái, ngọn gậy giơ lên thật cao, quật mạnh xuống, chạm phải thành giường, gãy các ra làm đôi. Một mẩu quay lông lóc như chong chóng, bắn lên gần trần, rồi rơi xuống ván gác.

Đó là một cảnh dữ dội.

- Tôi van cậu, để nội trong ba ngày Tết hôm nào tôi đi cũng được.

Biết là sự làm già bao giờ cũng hay hơn, ngài lắc đầu, co giật phất vợ xuống. Bà ngã ngồi trên hai chiếc guốc lúc ấy ngổn ngang.

- Phải đi ngay! Tao không hoãn một phút! Đồ thân lừa chỉ ưa nặng.

Bà nhăn nhó, khóc:

- Để đến mai, mồng một Tết, tôi đi vậy, bây giờ tôi còn phải làm cơm cúng.

- Đã bảo không cần mà. Người ta đi trước Tết, chứ ai để đến tết rồi mới đi! Đứng ngay dậy!

Ngài giật phất cái cột màn. Thì thành linh:

- Ối hàng phố ơi!

Bà vừa kêu, vừa túm lấy chồng, thở ỳ ạch.

Nhưng khỏe như con vâm, đưa khuỷu ra, ngài gạt vợ ngã lăn, và nắm chặt lấy hai cổ tay. Bà oằn oại, song yếu quá. Bà dùng hai cẳng để chống. Nhưng cả cái sức nặng của tấm thân vạm vỡ đè trên

ngực bà, bà phải cố cựa cạy để thở. Vây mà ngài tát. Ngài tát dồn năm sáu cái, và hỏi tội:

- Mà có đi hay không?

Bà tối tăm mặt mũi, hỗn hển thách:

- Đây, cậu cứ đánh chết tôi đi.

Tức thì, những quả thui kinh hồn vào mặt, vào ngực và vào sườn, làm bà kêu thất thanh. Nhưng mặc kệ, ngài vẫn hỏi có một tội:

- Mà có đi hay không?

Bà kêu cha, kêu mẹ, kêu cả Trời nữa. Nhưng ai thừa? Ví thử cha mẹ hay cả Trời nữa có đứng đấy thực, cũng dõ dẫm vào mà gỡ.

\*  
\*      \*

Việc gì cũng vậy, đánh đau thì phải chữa. Cho nên chẳng mấy chốc, bà kêu cuống quýt:

- Vâng! Vâng! Tôi lạy cậu! Tôi xin đi.

Ngài hung hăng, lôi phất vợ dậy, hăm hăm nhìn.

Bà ngồi lả, chống tay đằng sau, đầu tóc rũ rượi, thở.

- Nếu mà định đi thật, thì đi mà lau mặt.

Sợ quá, bà chấp hai tay vái cuống queo:

- Vâng, vâng, tôi xin đi.

- Đi ngay!

- Vâng, vâng! Tôi lạy cậu.

Nói xong, bà lê đến ngồi ở ghế.

Ngài nhìn ra hiên, chạy lấy chiếc khăn mặt, đưa vợ:

- Đây, lau mặt đi! áo quần, phấn sáp có sẵn cả rồi, còn khó khăn gì nữa.

Đoạn ngài vớ cái bọc, cởi dây, mở giấy ra trước mặt bà và nói:

- Không biết tao hết hơi nói người ta mới cho mượn những thứ này à? Mau, chậm rồi.

Bà khóc sụt sùi, cầm cái lược, giữ mái tóc ra và vừa sụt xoa, vừa chải. Ngài vẫn còn hung hăng:

- Rẽ như lối chị Tham ấy.

Giật nảy mình, bà vội chải, vội rẽ, vội uốn éo cho làn tóc lật lên, cong xuống cho thật nện, rồi vừa lau nước mắt, bà vừa lấy các thứ ở bọc để xoa phấn trắng, đánh phấn hồng, và kẻ môi son cho thắm.

Trong khi ấy, ngài đứng coi, mỗi chốc lại giở đồng hồ ra xem và giục.

Trang điểm xong, bà thở dài, cố gượng đau để đứng dậy, lấy cái quần xa tanh trắng và cái áo nhung màu may kiểu mới vẫn còn gấp gọn ghề trên bàn. Bà vận những thứ ấy vào, rồi bôi đầm nước hoa.

Đến bây giờ, dưới ánh đèn điện sáng trắng, bà thành ra một bông hồng nồn nà, thơm tho, khêu gợi.

Nhưng vẫn trừng trừng nhìn vợ, ngài gắt:

- Tươi tỉnh lên thì người ta mới cảm, chứ khó đâm đâm thế kia, thì nó tống cổ về!

Rồi ngài xuống gác. Bà đi theo. Ngài gói ít nhật trình cũ, buộc dây cẩn thận, rồi đưa bà.

- Cầm cái này mà đi cho người ta khỏi ngờ.

Và vẫn nghiêm chỉnh, ngài đe:

- Hễ nói dối tao mà trốn vào đâu thì đừng ăn cái Tết này thôi!

Bà nghiêng răng, thở dài, không đáp.

Ngài nhấc:

- Cái giống đàn bà xưa nay vẫn thế kia! Lúc đến thì đừng có lù lù đằng cổng trước, nghe chưa? Mà khi nào ông ấy cho về mới được về. Tao mà thấy ông ấy tỏ ý không bằng lòng thì chớ chết!

Nước mắt chạy quanh, bà bước chân ra gần đến cửa, quay lại, rít lên, nói:

- Thiếu gì cách lễ Tết mà cậu phải làm tôi nhục nhã như thế này!

Ngài trợn mắt:

- Câm ngay! Làm gì mà bô bô cái mồm lên thế. Đồ ngu như lợn. Cái gì thì mua được, chứ cái này mua được à?

Rồi ngài đứng nhìn chiếc xe kéo vợ đi khuất, mới quay lại, ra dáng yên lòng. Ngài yên lòng vì không phải thẹn với lương tâm mà chắc chắn rằng sẽ được ông ấy khen là biết ơn và tử tế.

*PTBNS số 61; 16-6-1940*



## Đào kép mới

Mới độ bảy giờ tối, ba ngọn đèn điện ở cửa rạp tuồng An Lạc đã bật lên. Cái trống dựng nghiêng ở chân tường đã bắt đầu rung những hồi inh ỏi.

Hiệu trống ấy, cứ một nhịp, kéo dài cho đến tận tám giờ, có khi tám giờ mười lăm, là lúc khai diễn.

Thỉnh thoảng, thằng bé con vừa nện tùng tùng, vừa uể oải giục:  
- Các ông các bà, lấy vé vào mà xem, gần đến giờ rồi.

Đó là nó mời mấy ông nhỏ, mấy bà vú em, được dịp vắng chủ, ra đẩy để "xã giao" với nhau.

Các ông, ông nào ông nấy tóc chải thật mượt, hoặc gài cái lược bằng dây thép uốn, bá vai nhau, vắt chân chéo khoeo, đứng ở trước cái bảng quảng cáo giấy vàng dán trên mặt liếp, để tập đánh vần quốc ngữ.

Các bà thì áo cánh cộc lụa mặc ra ngoài áo cánh cộc vải, kệ cho lũ trẻ đưa chạy tung tăng, đưa bò lổm ngổm, ngồi ở gần hàng nước, phàn nàn bà chủ nghiệt hoặc nói chuyện chồng bạc tình.

Rất ít người lấy vé vào coi hát.

Tiếng trống vẫn làm đình tai.

Trong cái buồng hẹp ngay cạnh cửa, có lỗ tò vò bé cỡn cỡn, trước cái bàn để sẵn ba bốn tập vé, bà chủ ngồi thừ mặt, vú vạch ra cho con bú.

Không còn gì buồn bằng cảnh ế hàng.

Trong rạp, từ bảy giờ rưỡi trở đi, ba chiếc quạt tây, buộc dúi vào một dây kéo, đã bắt đầu hoạt động. Ghế các hạng, lác đác đã có một vài người ngồi. Ngọn gió nhân tạo không phẩy được tới những dãy ghế cuối cùng, cao lêu đêu, dây ghế hạng năm xu mà người

ngồi, đếm được gần bốn chục. Trong khi chờ, khán giả cười to, nói lớn, nhổ bậy, hoặc cãi nhau.

Nhưng bỗng một hồi chuông rung mạnh. Đèn phía trong sân khấu bật lên, làm rõ những mảnh sơn bong trên lớp vải màn mỏng bao nhiêu, thì làm mờ cái phong cảnh vẽ đi bấy nhiêu.

Trống, kèn, nhị, thanh la, tung ra những tiếng gắt gỏng.

Bỗng một cái đầu bóng thò ra ngoài màn sân khấu, ngơ ngác nhìn. Một nhịp cười đồn ở hàng ghếбет. Một hồi chuông rung ngắn nữa. Chiếc màn từ từ rút kít cuốn lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Người ta suyt. Người ta hét im. Nhưng ở cuối rạp, vẫn cười to, nói lớn, vẫn nhổ bậy, cãi nhau.

Vai vua gầy gò, ngồi trên cao, trước cái phong sơn thủy, vượt bộ đuôi ngựa làm bức rèm môm, nhìn hai dãy bá quan, hát những câu không ai nghe rõ. Bá quan nghiêm chỉnh, thỉnh thoảng sờ nạm râu anh em ruột với râu của vua, mắt liếc ngang liếc dọc, ra vẻ trịnh trọng.

Rồi một anh nhỏ mồm, quần áo thâm, quỳ giữa sân khấu, bưng trên đầu cái đĩa bày bốn chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì bốn người đứng dậy, mỗi người cầm một chén, vạch râu, kê tay vào môm, hất cặn, rồi lại ngồi xuống.

Vua cười kha kha, phán:

- Giui! Giui quá đi mắc mà thôi!

Rồi cả bọn kếp hát đứng dậy, đi bài tẩu mã. Tiếng kèn đưa cao, giọng hát hùng hồn vang nhịp, ăn theo với điệu bộ múa may. ở hàng ghế dưới, tiếng ồn ào đã hơi dịu.

Bỗng anh nhỏ mồm ban nãy, ở trong buồng trò chạy ra, hớt hơ hớt hải. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn từng phèo. Tiếng vỗ tay ran như tràng pháo, để thưởng cho anh kếp hát pha trò đậm.

Ngã xong, anh kếp đứng phắt dậy, đứng thật ngay, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

- Chi mà bay giội giàng làm giậy, thằng kia?

- Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét!

- Ầi! Ầi!

Vua quát vạy, rồi với chiếc nệm gỗ, đập chan chát:

- Ải Ải! Nếu giậy, khổ dã châng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiến tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa mộc mai dâng khổ. Ớ này, bá quang!

- Dạ.

Rồi vua gò lưng, lắc đầu, lắc cổ, hét:

- Quang Phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trầm truyền cho giảng giỡ bá quang, xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!

Vừa dứt lời, hai anh kép mồm nhẩn thín, ngồi ngoài cùng, ban nãy trơ khấc không được đánh chén, vội đứng cả dậy, xắn áo thêu, xốc lại mũ, rồi múa may, uốn éo, làm bộ giương súng, cưỡi ngựa, vặn ô tô, nhẩy xe đạp. Người xem hát cười rầm rầm. Hai anh lại nhẩy xe đạp, vặn ô tô, cưỡi ngựa, giương súng một lượt nữa, đụng cả vào nhau, ngã nghiêng ngửa, cho đến tận lúc tiếng cười ngớt. Rồi trong rạp im phăng phắc. Một luồng gió, qua chỗ đi tiểu, đượm mùi cống, lọt vào cửa tò vò, làm cho cả rạp thấy thoang thoảng luồng không khí hăng hăng. Nhưng không ai để ý đến, người ta chăm chú nhìn và nghe hai anh kép đương phệnh phạo giỡ lối anh hùng rơm. Anh bên phải vươn cổ nói:

- Đã có tôi phò tá!

Anh bên trái, ngoác mồm tiếp:

- Lại có mỗ tá phò!

Rồi cả hai anh đồng thanh vừa hát vừa giơ tay:

- Xin Thánh thượng đừng lo.

Đoạn lại cùng vênh vào trở vào ngực mình:

- Đã có tôi... phò tá!

Dứt lời, hồi vỗ tay sao mà vang và lâu thế!

Thằng bé bán nước và lạc rang lách qua các chỗ ngồi để rao hàng. Trên sân khấu, vẫn diễn ra những điệu bộ và những câu pha trò nhảm nhí. Hai ba ông quần áo tây ngồi trên hạng nhất, thở dài, rồi đứng dậy ra về. Nhưng hàng cuối cùng mỗi lúc một thêm người, mà cũng chỉ đông ở hạng ấy.

Nhìn khu ghế nhất, ghế nhì, khách vắng tanh tanh, ông chủ gánh hát lo lắng.

Ở ngoài đường, bọn tìm cuộc vui buổi tối vẫn đi lại rầm rập. Nhưng mấy ai qua rạp An Lạc, nghe tiếng kèn, tiếng nhị, đã chịu liếc mắt vào trong, xem đào kép áo mũ râu ria, diễn những trò gì.

Mấy năm nay, ít người thích nghe hát tuồng cổ.

\*  
\*       \*

Gánh An Lạc dọn đi đâu mấy tháng, nay lại mới về, thuê ở chỗ cũ.

Ngay từ buổi sáng, ở cửa rạp, người qua đường vô ý đến đâu cũng phải trông thấy một cái cổng kết bằng lá dừa, gài thêm những cành nhãn cài hoa râm bụt. Trên cổng, hàng chục chiếc cờ Pháp, Nam bay tíu tít. Trên tường, một miếng vải trắng căng thẳng, có dán một dòng chữ trang kim:

Đào kép mới! Bản rạp chấn chỉnh! Đào kép mới!

Rồi đến năm giờ chiều, lúc mặt trời đã xế, trước nhà hát, bảy chiếc xe cao su đã chục sẵn cả ở vệ đường.

Một lát, bảy chiếc xe thông thả bước một tiến đi. Xe đầu, một cái biển dán giấy đỏ, có chữ viết lớn:

Đại diện tích hát mới! Lưu Lễ bình Phiên - Bản rạp mới chấn chỉnh! Đào kép mới!

Ngồi trong xe, một thằng bé con giơ thẳng hai cánh, nện vào mặt chiếc trống cái, và một thằng nữa, đánh thanh la, thỉnh thoảng phồng má, thổi bài kèn tây ra trận.

Xe thứ nhì, bốn tài tử, người kéo nhị ngồi phệt dưới sàn xe, hai người thổi kèn và sáo, lèn nhau trên đệm, và người đánh đàn ngồi chỗ mũi, giang hai cẳng để lấy thăng bằng.

Xe thứ ba, một cô tiểu thư mắt toét, mặt trắng, má đỏ, với một con bé tóc xoã. Hai người cùng áo gấm, giày Tàu.

Xe thứ tư, ba ông ngồi kẹp đuôi vào lưng nhau, một ông thượng ban, một ông trung ban, một ông hạ ban, cùng mũ cánh, áo thêu, ông thì mặt đỏ, ông thì râu dài, ông thì mũi hìn, tai bẹp.

Xe thứ năm, thứ sáu cũng vậy. Cũng những ông trông ra phết Thái sư.

Xe thứ bảy, thì một cô xấu, nhưng tân thời, mặt phấn má hồng, môi đỏ, rẽ lệch, chiếc áo căng lườn, trông tức anh ách, như một bài thơ thất luật.

Đoàn xe quảng cáo mười lăm vị đào kép mới, đi diễu hết phố này sang phố khác. Mặt trời chưa lặn. Ngọn cây đứng yên. Bóng râm mới lẩn được nửa đường bên trái. Bọn đào kép phải phơi dưới ánh nắng nóng như thiêu. Trên mặt phấn một vài người, mồ hôi lấm tấm, rồi ròn ròn nhỏ giọt. Họ lấy quạt che nắng và phẩy. Song, trời này mà họ cứ mũ áo ấy, đai măng ấy, để đi rong phố, thì dù họ có cố khéo giữ lấy bộ mặt tươi tỉnh, nhưng ai chẳng đoán được cái cảnh đáng thương của kiếp đào kép hát tuồng!

\*  
\*      \*

Tối hôm ấy, cũng mới độ bảy giờ, sáu ngọn đèn điện làm sáng trưng cả cửa rạp An Lạc. Thằng bé con lại khua trống rầm rầm.

Các ông bếp, các bà vú em vẫn xã giao, đi lại nhộn nhịp. Nhưng trước cái bảng giấy đỏ, đã có nhiều ông sang trọng đứng đọc, và qua cái lỗ hồng bán vé, thỉnh thoảng một vài cái tay trắng nuột thò vào xĩa tiền.

Độ tám giờ, trong rạp đã nhiều khách. Trên dãy ghế hạng nhất, có chừng hai chục người. Hạng nhì đông hơn. Hạng ba đông hơn nữa. Hạng năm xu càng đông hơn.

Người ta thử xem rạp An Lạc chán chĩnh. Người ta thử xem tài đào kép mới. Người ta thử xem tích hát mới.

Nhưng rồi người ta lắc đầu với nhau. Vẫn cái màn lỗ sơn cũ che sân khấu không được kín. Vẫn cái đầu bóng trước ngó ra. Và sau một hồi chuông rung, thì cái màn ấy cũng vẫn cút kít cuốn dần lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Sau một vài tiếng im, tiếng suyt, ở hàng ghế dài cuối cùng, cao lêu đêu, họ vẫn cười to, nói lớn, nhỏ bậy, cãi nhau.

Trước cái phong sơn thủy vớ, vai vua, mặt mũi phương phi, không đeo râu, ngồi trên ngai cao, mắt liếc bên phải bên trái, có vẻ oai vệ, để nhìn hai dãy bá quan, và hát những câu không ai nghe rõ.

Rồi một anh mồm trắng, quần áo đỏ, quỳ giữa sân khấu, bưng trên đầu cái đĩa bày sáu chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì cả sáu người đều nhấc chén, vạch râu, ngửa cổ ra để uống rượu bằng không khí. Anh mồm trắng cầm chiếc nậm gỗ, rưới vào chén một lượt rượu nữa. Bá quan lại uống một tuần nữa và kêu say. Lúc ấy, anh mồm trắng đứng dậy nhìn một vai quan đang lão đảo. Anh lướt tay vào nậm râu của hắn, rồi quệt vào mồm mình. Thế là anh say đỏ diện đỏ cuống, mắt trợn ngược lên, chệnh choạng, sờ soạng, ngã bên kia, giúi bên nọ, mãi mới vào được buồng trò.

Trời ơi! Người ta cười, người ta vỗ tay, tưởng đến vỡ rập.

Vua cười kha khả, phán:

- Giui! Giui quá đi mắc mà thôi!

Rồi bài tấu mã theo giọng kèn, hùng hồn vang nhịp.

Bỗng anh mồm trắng ban nãy, hốt hơ hốt hải chạy ra. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng cười lại vang động. Ngã xong, anh đứng phắt dậy, ngay như tượng gỗ, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

- Chi mà bay giội giàng làm giậy, thằng kia?

- Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét!

- Ầi! Ầi!

Vua quát vậy, rồi với chiếc nậm gỗ, đập chan chát:

- Ầi Ầi! Nếu giậy, khổ dã châng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiến tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa mộc mai dăng khổ. ớ này, bá quang!

- Dạ.

Vua hét:

- Quảng Phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trầm truyền cho giảng giỡ bá quang, xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!

Hai anh kếp ngồi ngoài, một anh mặt đen, râu đỏ, phun phè phè từ thái dương đến môi, một anh mặt trắng, râu vẽ bằng mực,

lạnh lẽo xấn áo, xốc mũ, múa may, uốn éo, làm bộ gương súng, cười ngửa, vặn ô-tô, nhảy xe đạp. Tiếng cười lại vang lừng.

Anh bên phải lắc đầu lắc cổ, nói:

- Đã có tôi phò tá!

Anh bên trái vươn cổ, phụng phạo tiếp:

- Lại có mỗ tá phò!

Rồi cả hai anh cùng giơ tay và cùng hát:

- Xin Thánh thượng đừng lo.

Đoạn lại cùng vênh váo trở vào ngực mình:

- Đã có tôi... phò tá!

Trên hàng ghế đầu, người ta nhăn mặt, bàn tán:

- Nhảm quá. Ta phải lừa rồi.

- Phải, họ nói láo, chứ chán chính cái cóc khô gì. Vấn đề bài trí ấy, có đào kép mới mà vẫn hát tích cũ, thì có khác trước tý nào?

Một người tinh mắt, mỉm cười, trở lên sân khấu nói:

- Các ngài thử nhìn kỹ xem bọn kép này là mới hay cũ. Cái anh lần trước ngồi kia, thì bây giờ bỏ bộ râu ra và ngồi đây. Cái anh ngồi bên này bây giờ vận mũ khác áo khác và vẽ mặt khác. Vả được độ một vài thằng kép khổ hoặc con đào ươn, mà đã nặng lên là mới, là chán chính, thì chúng mình chỉ mắc một lần là cùng!

Rồi cùng thất vọng, rủ nhau ra.

\*

\*      \*

Từ hôm sau trở đi, chiều nào cũng vậy, cỡ độ năm giờ, bọn đào kép ban An Lạc lại mũ măng, phấn sáp, râu ria, ngồi trơ tráo trên xe cao su, đi diễu qua các phố để phơi nắng cái đời hát tuồng còn ngắc ngoải.

Nhưng những người đã xem diễn qua một tối, họ đều chán ngán. Nghe tiếng trống kèn cổ động âm ỉ, họ cũng biết rằng gánh hát còn sống đó, song, chẳng ai muốn để ý xem tối nay, trong rạp, bọn vua quan trò hề ấy họ âm oẹ với nhau những trò gì!



## Phành phạch

Nghe thấy chiếc đồng hồ treo thong thả điểm mười tiếng, bà uể oải sờ trên đầu giường, ấn ngón tay cái vào núm quả lê bấm chuông, rồi lại uể oải đặt phịch cánh tay xuống. Trời ơi bức làm cho người ta mệt nhọc, chán nản và lười biếng.

Mấy hôm nay, nhờ trời, dân Việt Nam ta không phải phàn nàn rằng nước ta kém nực. Gớm ghê! Nóng đâu lại có nóng thế! Suốt ngày, ánh nắng rọi xuống, làm cho đất trắng xóa, nẻ kẽ, lá cây gục lả như sắp chết khát. Thỉnh thoảng, trận gió tây nổi lên, hất hơi lửa vào mặt. Buổi tối thì im gió, nên khí nóng cứ lẩn quất một nơi. Quạt đến rã cánh tay, chẳng qua chỉ đổi hơi bức chỗ này lấy hơi bức chỗ khác.

Bởi vậy, ai kia, chứ bà thì thấy khổ lắm. Bà bứt rứt, khó chịu, nhiều lúc muốn vứt phăng cả chân tay đi, tưởng chừng như thế thì đỡ vướng víu. Bà rửa mặt, lau mình cả ngày, mà da vẫn nóng hầm hập. Bà bới tóc ngồng lên tận đỉnh đầu, ngồi ngửa bụng ra, chống hai tay lại đằng sau mà thở. Nhiều lúc, ngó thấy trời xanh ngắt ngất, bà phịu cả đôi môi dày và ướt, cau có nói:

- Lạy bố, thế này thì đến chảy mỡ ra mất!

Buổi tối, bà không thích đi đến những nơi thoáng khí để hóng mát. Phải vạ mà đánh phấn, mà bôi môi, mà đóng áo dài vào! Nực lắm và phiền lắm! Vả trời này, chắc gì kiếm được một nơi có tí gió để đứng? Chi bằng nằm trong buồng, tắt đèn đi cho nó có vẻ dịu mát, mở tung hai cánh cửa chớp, rồi vịn quạt máy vù vù. Như thế, may bà còn chợp ngủ được tí nào chẳng. mấy hôm nay, bà lủng củng suốt đêm.

Vậy thì bà nằm đó. Nhưng thoát trông đồ ai dám bảo là một người. Nếu người ta chưa nom rõ cái mặt phị, cái cổ rụt, cái thân nung núc, và bốn chân tay ngắn chùn chùn, thì phải bảo là một



đồng hai ba cái chần bông cuộn lại với nhau, sắp đem cất đi. Thật thế, bà béo lắm, một cái béo rất hùng vĩ, ít ai có thể tưởng tượng được. Mùa hè, ai trông thấy bà mà không phát ngáy thì tôi không phải là người.

Bà bấm chuông để gọi con Đỏ con, vì đã mười giờ rồi.

Quả nhiên, con Đỏ con chưa dám ngủ. Nó thức để chờ bà gọi. Xong việc, nó mới được yên thân. Nó lừng lững lên, tay phe phẩy chiếc quạt giấy. Nó lên quạt hầu bà.

Bà cất cho nó việc ấy, thật là bà đủ lòng nhân đạo đối với một con bé ở mười hai, mười ba tuổi đầu. Phải, còn gì nhẹ nhàng cho bằng việc ngồi yên một chỗ, cầm chiếc quạt khẽ đưa đi đưa lại. Bà đã vì thương người mà nuôi cơm không cho nó là tốt. Chứ ngữ ấy, cơm chẳng biết thổi, nước chẳng biết gánh, quần áo chẳng biết giặt, nếu chẳng xin ở công không để kiếm miếng ăn, tất chỉ có đi ăn mày. Con Đỏ con, cả ngày, chỉ có việc bế anh, rồi làm phụ dưới bếp. Rồi đến khi anh ngủ, có chuông bà gọi, thì lên quạt hầu bà. Bà có khiến nó làm việc gì nặng nhọc quá sức nó nữa đâu?

Con Đỏ con mới được bà nuôi ngót một tháng, nên nó vẫn còn gầy còm lắm.

Nó đến mé tường, rút cái núm truyền điện để tắt quạt đi. Nó thuộc chỗ và làm thạo lắm. Bà dạy nó và bắt nó thử đi thử lại hai ba lượt cho quen tay. Bà lại dạy nó rằng gió quạt điện chí độc, lỡ ra ngủ quên ở trước quạt máy, có khi thành bán thân bất toại, chứ chẳng chơi đâu. Và bà cũng sợ để lâu thì hại quạt và tốn tiền điện.

Con Đỏ con cuộn dây quạt, đặt lên mặt bàn. Rồi nó khẽ nâng chiếc ghế đầu, đặt thật nhẹ xuống gạch, ngay bên giường bà nằm. Nó ngồi lên, và mở to chiếc quạt giấy, phẩy phành phạch vào phía bà.

Bà nằm sấp, chân co, chân duỗi, úp mặt xuống, nhắm mắt sẵn, thỉnh thoảng giục:

- Mạnh vào một tí.

Con Đỏ con ngồi thẳng lại như để lấy hết gân sức, để quạt phành phạch vào bà. Lưng áo lụa của bà phồng lên như cánh bướm. Nhưng nó thì nực lắm.

Trong buồng im phăng phắc. ánh đèn phố lẳng lặng chiếu qua hai chiếc cửa sổ có chấn song sắt. Người đi ngoài đường vãn dần. Sự tĩnh mịch của đêm khuya ru người ta vào cõi mộng.

Dần dần, con Đỏ thấy mỏi tay và buồn ngủ. Nó tựa lưng vào tường và quạt yếu đi. Lúc ấy, bà cũng đã thiu thiu.

Nhưng bỗng bà giật mạnh chân và giãy luôn mấy cái. Bà kêu:

- Trời, sao mà nóng khổ nóng sở thế này!

Con bé giật mình, sức tỉnh. Nó lấy hết gân sức để quạt phành phạch.

Bà xoay nằm ngửa, dang cả hai tay lẫn hai chân cho thoáng. áo và quần bà phành phạch, bay như sóng gợn.

Một lát, bà thở đều đều. Cánh tay con Đỏ con đưa đi đưa lại mỗi lúc một yếu. Nó gật giúi giúi. Mấy lần suýt ngã.

Bỗng đồng hồ nổi tiếng chuông. Trong lúc ngủ gà ngủ vịt, nó đếm một, hai ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một. Nó ngẩng đầu dậy, mở to mắt ra, nhìn bà. Nó thấy bụng bà phập phồng. Nó đổi tay để quạt cho mạnh. Nó nhìn cái tủ gương, ngọn đèn điện, chiếc quạt máy cho vui mắt, đỡ buồn ngủ.

Nhưng không buồn ngủ sao được? Ngồi luôn một chỗ và làm một việc trong lúc đêm khuya thanh vắng lại tối đèn, đổ ai mà không chán, không mệt, không buồn ngủ? Bởi thế, con Đỏ con như thấy chiếc quạt và đôi mi mắt nặng trĩu. Nó phe phẩy chậm, chậm dần... chậm dần. Rồi nó ngoẹo đầu, cánh tay lả xuống, không cử động nữa. Vậy mà nó vẫn mê thấy nó quạt luôn luôn.

Thấy tiếng bà gọi, nó choàng dậy, và phành phạch rõ mạnh. Mồ hôi nhễ nhại, đầm cả áo nó. Bà cựa. Bà nghiêng mình, quay mặt vào tường, nên thỉnh thoảng nó quạt trộm vào nó một cái.

Đồng hồ điểm mười hai tiếng. Con Đỏ con cựa mình, ngồi lại cho đỡ mỏi, rồi quạt phành phạch thật mạnh.

Nó mong mãi bà không cho nó đi ngủ.

Nhưng bà nực, bà không ngủ được. Bà chỉ chớp mắt được độ dăm phút là cùng. Vừa thấy ngọn quạt phẩy không đều tay, bà đã cựa, và giục:

- Mạnh lên, mày!

Con Đỏ con mỏi lắm rồi. Nó ê ẩm cả người. Nó cố mở mắt ra, mà hai mí cứ muốn cặp díu lấy nhau. Tay nó đổi tay kia, nhưng rút cục hai tay cùng rã rời. Nó cứ phải quạt mãi.

Nhưng rồi chẳng đủ sức để chống được giấc ngủ, nó gục đầu, đánh rơi tay, đánh rơi quạt. Nó ngủ...

Lúc ấy, đang được thiu thiu, bỗng bà thấy mồ hôi chảy ra, bà biết con ranh con đã ngủ. Bà ngóc dậy, quệt dòng nước dãi chảy ròng ròng xuống má, bà nhìn vào tận mắt nó. Rồi đưa tay ra, bà giúi cho nó một cái thực mạnh. Rồi lại nằm xuống. Con bé bàng hoàng, mở mắt, luống cuống. Nó cúi nhặt quạt, vội vàng phẩy phành phạch vào mặt bà. Bà cởi một khuy áo ngực ra để hưởng lấy gió mát.

Tiếng gà xa xa gáy theo nhau. Rồi một lát, đồng hồ đánh một tiếng. Nó vẫn phải quạt. Chưa xong việc, nó chưa được nghỉ tay. Nhưng nó buồn ngủ lắm rồi. Bởi vậy, mỗi khi nó thấy sắp ngủ, nó phải cố sức tự đánh thức nó, và quạt rõ mạnh: Phành phạch! Phành phạch!

Giọng mệt nhọc, bà khen:

- Ủ, con này giỏi.

Rồi bà cự mình, quay mặt lại nó. Bà đuổi cánh tay đến gần nó, để mỗi khi thấy nó uể oải, thì đập vào nó một cái.

Hình như khí trời đã bắt đầu dịu.

Nó quạt luôn luôn trong độ mười lăm phút thật mạnh và thật đều tay.

Bà mát, dễ chịu lắm. Nó mệt, khó chịu lắm. Bà mơ mơ màng màng. Lần này có lẽ bà ngủ được yên. Nó cũng mơ mơ màng màng. Lần này nó không thể thức hơn được nữa. Quả nhiên bà ngáy hơi to. Nó không biết bà ngủ, song, tự nhiên tay nó đưa thông thả dần, rồi như chiếc đồng hồ hết dây, tay nó không phe phẩy nữa.

Bà ngủ say, quên cả nức, đánh một giấc đến sáng.

Nó cũng thiếp đi... Đầu gục, hai cánh tay dờ ra, nó ngủ ngời trên ghế cho đến khi ánh nắng gay gắt bắt đầu rọi vào buồng.

*PTBNS số 48; 1-12-1939*

## Tôi cũng không hiểu tại làm sao (I)

Lên khỏi bậc thềm và qua hàng hiên nhìn vào, Sinh thấy cảnh "chúa vắng nhà" hiện ra trong các buồng giấy.

Phải, bao giờ ông Sếp không có mặt tại sở, thì suốt cả, từ ông Phán sắp về hưu cho chí bác loong toong tập sự, ai nấy tự do tán gẫu cùng nhau, mặc kệ những ai có việc phải gấp ngó ở ngoài hè chờ đợi.

Sinh thì không ưa cái lối làm việc giả dối như thế. Nhất là đối với ông Sếp hay hục hặc này. Từ ngày được bổ đi làm tới nay, bao giờ anh cũng nghĩ tới bốn phận trước hết. Anh không sợ ông Sếp bằng dư luận. Mà không sợ dư luận bằng lương tâm. Anh muốn tự trọng, không chịu để người trên nói động đến mình. Người trên đã không thể trách mắng anh về một lẽ gì, hẳn anh không phải lấy lòng và xu nịnh ai nữa. Anh muốn làm việc một cách thẳng thắn, tự do.

Bởi vậy, ông Sếp ở cạnh anh, hay đi vắng, anh coi cũng thế thôi. Cho nên, thấy các bạn đồng nghiệp cậm cụi - có lẽ là vờ - khi có mặt người trên, và trây lười khi khác, anh vẫn bí ngấm là họ thiếu nhân cách. Anh cho là những cái quắt quéo này nó để ra cái quắt quéo khác. Nó là nguyên nhân những sự luồn lệt, ton hót, bôi gio trát trấu vào thanh danh của cả một đoàn thể.

Sinh đi thẳng vào buồng mình. Đồng hồ đã chỉ bảy giờ hai mươi năm. Anh cởi áo, khoác vào lưng ghế, và tìm sổ sách giấy má hôm trước làm dở.

Mọi ngày, cũng lúc này, bàn máy chữ buồng cạnh đã bắt đầu lách tách, có khi rào rào như mưa. Thế mà bây giờ chỉ những tiếng chuyện, tiếng cười nôn nao, loạn cả óc, làm anh khó lòng làm việc bình tĩnh được.

Liếc mắt nhìn xung quanh, anh thấy chỗ này, Tâm và Sức ngồi cả lên bàn, khoa chân múa tay, nói chuyện với tham Trí. Chỗ kia,

Ban mặc áo cộc cặp cái điều vào hai đùi, sắp hút thuốc; Chính thì lom khom chằm diêm, và Bắc thì chỉ rình thổi tắt.

Thấy các bạn đồng nghiệp đùa nhảm, Sinh mỉm cười, quay đi. Bỗng thành linh anh nghe thấy đánh bốp. Rõ là tiếng bàn tay tát vào má. Anh đoán ngay là bác loong toong Thảo xưa nay vẫn hay có thói đánh người, vừa ra oai với một anh dân nào vô phúc. Anh toan để ý nhìn, thì chính Thảo đã nói rất to, giọng gắt gỏng:

- Muốn ở tù thì nheo nhéo cái mồm lên, các quan còn đang bận. Chưa đến giờ!

Ngay lúc đó, đồng hồ buông một tiếng. Bảy giờ rưỡi. Nhưng hiệu báo ấy không có nghĩa gì đối với trong sở khi vắng mặt ông Sếp.

Bỗng cửa buồng mở phanh ra, rồi lại tự đóng. Nghĩa vào. Đó là một bạn đồng nghiệp của Sinh, cùng làm một buồng giấy.

Cũng vì luôn luôn ngồi gần nhau và tuổi sần sần ngang nhau, nên Sinh thân với Nghĩa hơn với các bạn khác.

Thoạt vào, Nghĩa đã vui vẻ nói ngay:

- Có lẽ đến tám chín giờ nó mới ra sở, tội gì không hưởng lấy vài phút tự do? Này Sinh, bảo cái đã...

Sinh nhếch mép, cười lấy lòng bạn, nhưng tay vẫn cầm bút. Anh hỏi:

- Anh bảo gì?

- Hôm qua nhật trình đăng Tàu Nhật đánh nhau thế nào?

Sinh cười, không đáp, hỏi lảng:

- Cái giấy tôi đánh máy dở, loong toong có để bên ấy không?

- Thôi, đốt cái chằm chỉ của anh đi. Này, cuối tháng này, "mó" lương xong, vào cổ phần với đảng này để xuống xóm nhé. Con Nhật nó vẫn hỏi thăm đấy.

Sinh vẫn cúi viết, không đáp. Nghĩa chạy lại, giằng bút ra, nói:

- Tôi không bắt anh ăn cắp được dăm phút hay sao!

Rồi chồm mồm sang buồng bên cạnh, Nghĩa kêu:

- Ồi làng nước ơi! Sao mà nó điên dại đến thế. Có ai bắt thằng Sinh nói chuyện được không?

Nghĩa cười sằng sặc. Một ông già cúi gằm mặt để đưa nhỡn tuyến lên trên đôi kính trắng, nói:

- Ông Sinh còn trẻ, chưa lịch duyệt việc đời.

Sinh vẫn mỉm cười. Anh không muốn mất lòng ai, nhưng cũng không muốn để ai ngăn trở công việc mình. Anh nói khẽ với Nghĩa:

- Cho tôi làm xong việc này đã.

Nghĩa bĩu môi:

- Việc nhà nước, cần gì hấp tấp. Vả bao giờ hết được? Anh chỉ biết làm việc như một con bò, không dám nghỉ một phút. Thì nhân nó không có đây, hãy nghe người ta nói câu chuyện này đã nào.

Sinh cười:

- Thì cứ nói đi, tôi vừa làm vừa nghe cũng được mà.

- Không, hãy bỏ bút xuống đã.

Rồi Nghĩa trở tay sang buông cạnh:

- Kìa, anh trông, bô Hạnh ngủ gật kìa, chừng đêm qua bô đã bù khú với cô hai đến sáng. Chứa ăn cắp thì giờ là bô Hạnh đấy.

Sinh thở dài:

- Mình không làm việc, họ kêu chết.

- Ai? Anh bảo họ là ai?

- Là những người đứng chờ ta ngoài kia chứ ai?

- Kệ xác chúng nó! Chúng nó cần ta, chứ ta cần chúng nó à?

Sinh dở đùa dở thật, đáp:

- Nói thế này, anh đừng giận nhé, chúng nó sẽ bảo chúng ta là...

Sinh ngừng, nhìn bạn. Nghĩa tiếp ngay:

- Là ăn cắp là cùng chứ gì!

Sinh phá lên cười. Nghĩa bĩu môi:

- Anh tính ở đời này, thiếu gì thằng ăn cắp. Mà triệt sao được tính ăn cắp của người ta. Anh chẳng thấy bao nhiêu thằng to đầu mà vẫn công nhiên ăn cắp à? Mà suy ra cho cùng, nếu không có những việc có thể ăn cắp được, thì người ta còn vẽ ra những sự công ích công lợi để làm gì? Về khả quan của xã hội hiện thời, chẳng là do những tư tưởng muốn ăn cắp mà ra hay sao?

Nói đoạn, Nghĩa về bàn giấy mình, và tiếp:

- Thôi được, anh chẳng ăn cắp thì tôi ăn cắp vậy.

Sinh nhìn theo bạn. Hai người yên lặng, không ai nói chuyện nữa.

Bổng Nghĩa giơ hai tay lên, ngáp, bảo Sinh:

- Tao cũng muốn bắt chước mày, đạo đức một lát, nhưng Sếp đi vắng mà cứ làm việc, thật tao không yên với lương tâm. Hôm nay tao dậy trưa, vội đi làm, chưa kịp ăn sáng. Sinh, mày có ăn bánh tây chả, tao mua cho.

Sinh lắc đầu:

- Ăn rồi.

- Thế tao ăn một mình cầm nuốt nước dãi nhé!

Sinh gật đầu, rồi lại cúi xuống, loay hoay làm tính cộng.

Nghĩa sai loong toong đi mua thức ăn, rồi mở to quyển sổ, và để lọ mực ở trước mặt. Anh cầm bút, như người đang dở bận việc vậy.

Một lát, bánh tây mua về, Nghĩa cắn một miếng, rồi cất vào ngăn kéo. Vừa thong thả nhai, anh vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, nghĩ ngợi.

Lúc ấy, Sinh mải việc, không để ý đến những tiếng động quanh mình.

Bỗng một tiếng nói làm Sinh ngẩng đầu lên.

Ông Sếp lù lù đứng trước bàn giấy Nghĩa.

Sinh trông thấy, biết ngay rằng Nghĩa bị bắt chộp trong lúc đang ăn. Ông Sếp, cả hai vế đùi, hai cánh tay, lẫn mặt, đỏ ngầu ngầu, hất hàm hỏi Nghĩa:

- Ông nói cho tôi biết, ông đã làm những gì từ sáng đến giờ?

Nghĩa lúng túng, tay cầm bút, trở vào quyển sổ. Ông Sếp gật đầu:

- Ông nói dối tôi. Ông đang ăn gì?

Nghĩa mặt tái xanh, chối:

- Không, tôi có ăn gì đâu?

Ông Sếp càng tức, trừng trừng nhìn Nghĩa:

- Sao ông lại nói dối tôi. Ông ăn cái gì giấu ở ngăn kéo đó?

Nghĩa lắc đầu, làm bộ ngờ ngác, rút ngăn bàn ra, đáp:

- Không, đây ông xem, có gì đâu?

Ông Sếp cúi nhìn, quả không có gì thực. Ông càng giận. Sinh rất khó chịu. Anh thấy ông Sếp quá sắc mắc, lại thấy bạn cứ chối hoài. Hẳn là chính mắt ông ta đã bắt được Nghĩa đang nhai, nên



mới dám hỏi thế. Và chỉ nghe giọng Nghĩa nói lúng búng, cũng có thể đoán được trong miệng chưa nuốt trôi miếng bánh.

- Ông có ăn, tôi không nói sai.

Nghĩa vẫn cãi:

- Tôi không ăn gì cả.

Ông Sếp trợn mắt:

- Có thực ông không ăn không?

- Phải, tôi không ăn.

Ông Sếp ôn tồn nói:

- Vậy ông há mồm ra tôi xem.

Sinh rùng mình, liếc nhìn bạn. Nghĩa không há, nhưng rất lúng túng. Ông Sếp lại giục:

- Ông bảo ông không ăn, thì ông cứ há mồm ra... Há!... Ông có há hay không?

Nghĩa không thể làm thế nào được, đành phải mở rộng hai hàm. Ông Sếp nhìn thẳng vào miệng Nghĩa... Ông ta nhún vai, bĩu môi. Rồi không nói thêm gì, ông ta chấp tay sau lưng, lẳng lặng đi ra. Ông đã quẳng sự khinh bỉ thấm thía vào mặt người có lỗi.

Sinh cảm tức lạ lùng. Anh nhịn thở dài, để cảm mặt xuống mảnh giấy. Anh giận bạn đã để cho người ta làm nhục. Rồi càng nghĩ ngấm ngấm, anh càng thấy chán nản, lấm lét hăng máu, anh run bắn người lên.

Ở mấy buồng cạnh, Sinh liếc mắt, thấy ai nấy cũng làm việc rất hăng hái. Tiếng máy chữ, tiếng chuông, tiếng gắt gõ, tiếng gót giày tây chạy, làm tôn vẻ uy nghi của ông Sếp muốn uy nghi.

Trước mặt mình, Sinh lại thấy Nghĩa không lúc nào rời tay cái quần bút. Anh thở dài. Cái cột tính cộng anh làm từ sáng đến giờ chưa xong một nửa.

\*

\*      \*

Đúng mười một giờ bốn năm. Sinh khoác áo, đứng dậy. Anh đến cạnh Nghĩa, để tay vào vai bạn, nói dịu dàng:



- Đến giờ rồi, đi về, anh!

Nghĩa ngẩng cái mặt buồn thiu, sợ sệt, nói:

- Anh cứ đi trước. Tôi sợ nó còn gọi gì tôi chẳng.

Sinh cương quyết:

- Đến giờ thì ta về cần gì!

- Nhưng tôi nên ở lại.

Sinh cười thương hại:

- Các buồng kia, họ về cả rồi.

Nghĩa ngó cổ nhìn, rồi rút rè với lấy cái áo. Anh khoác vào mình, gài khuy, rồi hỏi khẽ người loong toong:

- Ông ấy đâu?

- Bấm về đã lâu rồi ạ.

Nghĩa yên tâm, cùng Sinh lững thững ra cửa. Đôi bạn xuống mấy bậc thêm. Máy người phu xe mời vồn vã, kính cẩn:

- Mời quan lên xe ạ.

Sinh xua tay, bảo Nghĩa:

- Đi bộ, tôi muốn hỏi anh cái này.

Khi ra cổng, đến ngoài phố, Sinh thở dài, trách:

- Gớm, ban nãy anh quá lắm. Anh đã ăn thì anh chối làm gì. Nó giết được anh hay sao!

Nghĩa cười, không đáp. Sinh tiếp:

- Rồi đến khi nó bắt anh há mồm, sao anh không nhận là có ăn, lại cứ há ra? Tôi thấy ê chề quá! Nào cái mồm há ra nó có đẹp để gì, nhất là trong đó lại có miếng bánh tây to, nhoét những nước dãi. Tôi trông thương tâm quá.

Nghĩa thở dài. Sinh nhăn nhó:

- Thì giá anh không há đã làm sao? Mà tôi không hiểu anh nghĩ thế nào anh lại há mồm ra cho nó xem thế?

Nghĩa cảm động, long lanh nhìn bạn như chợt hiểu cái phút đê tiện. Rồi hai dòng nước mắt chảy ra, anh run run, đáp:

- Ừ nhỉ, thật tôi cũng không hiểu tại làm sao tôi lại há ra như thế!

## Tôi cũng không hiểu tại làm sao (II)

Buổi trưa hôm ấy, ăn cơm xong, đi nằm, Sinh trần trọc mãi không ngủ được. Lúc nào trong óc anh cũng hiện ra một cái miệng đầy những bánh tây nhoét nước dãi, há hốc thật rộng để cãi rằng mình không ăn gì. Anh cựa bên nọ, cựa bên kia, rồi lại nằm ngửa, vất tay lên trán mà thở dài.

Vợ anh mỗi khi thấy anh có nỗi buồn ngấm ngấm, thì cũng không dám hỏi. Vì biết rằng không những anh không nói, mà còn gắt nữa. Nên cũng như mọi bận, chị đi đứng khẽ khàng, và dặn con chớ đùa nghịch.

Nhưng rồi Sinh cũng ngủ được, mà ngủ một giấc, thiếp đi đến tận hai giờ rưỡi. Lúc đồng hồ điểm một tiếng chuông, anh giật mình vùng dậy, vội vàng mặc quần áo và thuê xe kéo đến sở.

Rành anh đến muộn ít ra là năm phút. Anh lo ngại. Nhưng nổi tức giận còn chứa chất trong lòng, làm anh quá chán nản về cái kiếp cạo giấy làm thuê, nên anh đâm ra có tư tưởng liêu lĩnh, không cần gì cả.

Bước chân vào buồng giấy, anh ngược mắt nhìn đồng hồ. Cái kim lớn đã trở cạnh con số tám.

Nghĩa lờm anh, rồi vẫn cặm cụi vào tờ giấy trên mặt bàn, mách nhỏ:

- Nó vừa mới đến đây tìm anh đấy.

Sinh hơi trống ngực. Nhưng anh lạnh lùng ngay. Anh mỉm cười, ngồi phịch xuống, duỗi thẳng hai cẳng, ưỡn người vào lưng ghế, không làm việc vội. Với một người Sếp dám khinh bỉ, làm nhục người dưới quyền, anh không thể vui lòng mà tận tâm về công việc được. Nay ông ta đã biết anh đến chậm, hẳn ông ta sẽ trách mắng anh. Nhưng nếu ông ta nói nặng lời, quyết anh không chịu. Anh sẽ

cứng cỏi mà đối phó lại. Sinh nghĩ vậy. Bao nỗi hờn giận lại làm sôi cả mạch máu. Thì từ đằng xa, lộp cộp tiếng giày ông Sếp đến.

Sinh chờ sẵn để trả lời câu cự trên nét mặt cay nghiệt của ông Sếp. Ông này tới Sinh, tay cầm quyển sổ chi thu mà anh làm tính cộng suốt cả buổi sáng.

Oai vệ, ông Sếp đặt quyển sổ trước mặt Sinh, và nói dần từng tiếng:

- Mời ông thử lại cái tính này.

Đoạn ông quay lưng đi ra, không dả động gì đến chuyện Sinh đến chậm.

Nghĩa liếc mắt nhìn Sinh, lè lưỡi, lắc đầu, rồi mỉm cười.

Sinh cầm bút chì, trở theo từng chữ trên cột con số, miệng lầm nhảm tính. Anh quả thấy có cộng sai thực. Chắc rằng buổi sáng, vì óc lúc nào cũng luẩn quẩn bực mình, nên anh đãng tâm mà làm sai.

Chữa xong, Sinh gọi loong toong đưa sổ để đem sang buồng ông Sếp.

Nhưng độ mười phút sau, ông Sếp lại đến, mà lần này thì nét mặt đã hầm hầm. Ông hắt hàm hỏi Sinh:

- Ông có chữa hay không thế?

- Thưa có.

- Ông để ý một lượt nữa xem.

Nói xong, vẻ lạnh lùng, ông Sếp ra. Sinh cau mặt nhìn hàng tính cộng. Mọi khi, anh có làm hỏng việc gì bao giờ đâu. Sao hôm nay có một cái tính không dài lắm, anh làm đến hai lần, vẫn không đúng.

Anh cố đặt hết cả tâm trí theo ngọn bút chì nhọn hoắt. Anh cộng rất thông thả và nói to để tính cho cẩn thận hơn. Cuối cùng, khi thử xong, anh mỉm cười. Anh mừng vì đã tìm ra mấy chỗ cộng sai.

Lần này thì quyết không sao lầm lẫn được nữa. Anh đưa loong toong quyển sổ mà anh chắc rằng hoàn toàn.

Nhưng cũng chỉ độ năm phút sau thôi, ông Sếp đã đến trước mặt anh. Ông hầm hầm hơn, đặt mạnh bản tính xuống bàn, và không thềm nói, ông quay lưng ra.

Không hiểu ông này muốn gì, Sinh đứng dậy chạy theo, hỏi bằng một giọng cũng đầy tức giận:

- Ông muốn bảo tôi làm gì?

- Ông muốn biết thì xin ông cộng lại.

- Cộng lượt thứ ba?

- Phải, vì ông làm đúng lắm! Ông muốn nhạo tôi. Ông đến trễ, tôi đã ngủ đi. Vậy mà tôi bảo ông làm lại cái tính, ông không làm.

- Tôi có làm.

- Ông đừng cãi, nếu ông có làm, tôi không phải mất thì giờ về ông như thế này.

- Không phải tôi lừa chữa mà tôi nói dối ông. Tôi không cần nói dối ông, bởi vì tôi xét ra là vô ích. Ông xem, mọi khi, tôi có phải để ông trách tôi nửa lời không? Có điều hôm nay tôi làm không chu đáo, vì óc tôi không được bình tĩnh.

Giọng mỉa mai, ông Sếp hỏi:

- Ông ồm, ông ồm nặng?

Gật đầu một cách quả quyết, Sinh đáp:

- Phải, tôi ồm.

Ông Sếp nhún vai:

- Đó là cái cơ mà tôi nghe đã rất quen tai, khi tôi thấy một người đến sở chậm hoặc làm một việc gì hỏng. Nếu thực ông ồm, tôi cho ông đi lấy giấy đốc tờ mà nghỉ. Ông sẽ được yên mà ở nhà.

Nói đoạn, ông Sếp đặt bàn tay đỏ ửng và múp những thịt vào trán Sinh. Sinh biết rằng trán mình cũng mát như trán người khỏe mạnh. Nhưng đã vậy, anh nhất định xin nghỉ, cho ông Sếp biết tay. Anh bèn nói:

- Vâng, tôi xin đi lấy chứng chỉ của thầy thuốc.

Sinh cắp mũ, rầm rộ đến nhà thương. Bởi anh được ông bác sĩ thiện cảm, nên khi anh nói bịa ra một vài bệnh khó khám, thì anh được ông này biên ngay mấy dòng chữ cho anh nghỉ hai hôm.

Thấy mình thắng ông Sếp, Sinh sung sướng hết sức. Anh nắm tờ giấy của thầy thuốc như ngọn khí giới để trả thù.

Đến sở, Sinh định tâm làm bộ rõ khỏe khoắn để đưa ông Sếp tờ giấy nhận thực rằng mình ồm.

Lúc ấy, ông Sếp thấy Sinh về, bèn đứng ở hè, nhìn anh bằng đôi mắt vọ, rồi cười và nhạo:

- Tôi thấy bộ dạng ông ốm yếu, tôi rất phàn nàn. Thế nào? Ông được nghỉ mấy hôm?

Sinh không đáp, mở rộng giấy đốc tờ ra cho ông Sếp coi. Ông này tái mặt. Ngực Sinh dậy lên một hồi trống khải hoàn. Nhưng ông Sếp nói:

- Tôi tưởng ông được nghỉ một tháng?

Bực mình, Sinh đáp:

- Nếu hết hai ngày mà chưa khỏi, thì có lẽ tôi nghỉ một tháng thật.

Trừng mắt nhìn Sinh, ông Sếp nói:

- Ông nghỉ hẳn sáu tháng, tôi cũng không cần. Tôi có mất tiền nuôi ông đâu. Ông làm việc cho công chúng, thì ông phải thật thà với công chúng.

Thấy hai tiếng "thật thà" chứa chất đầy những ý nghĩa mỉa mai, Sinh nói:

- Về việc này, chỉ có ông bác sĩ mới thật thà hay không mà thôi.

- Ông bướng lắm - ông Sếp gắt - Ông cứ làm đơn xin nghỉ hẳn sáu tháng, tôi sẽ tư cho ông được vừa lòng.

Cương quyết, Sinh đáp:

- Vâng, tôi xin nghỉ sáu tháng.

Lặng một lát, ông Sếp lại nói:

- Thà ông xin nghỉ hẳn một năm, có phải đỡ phiền cho ông và đỡ phiền cho cả Nhà nước khỏi phải tốn tiền trả lương ông không.

Chẳng nghĩ ngợi gì, Sinh đáp phắt:

- Vâng, tôi xin nghỉ một năm.

Ông Sếp cười chua chát, đầu gật gù:

- Vậy thì tốt, ông làm đơn ngay đi. Tôi cho ông nghỉ ngay từ bây giờ.

- Vâng!

- Tôi chờ ông ở đây.

Lập tức, Sinh ngồi vào bàn, lấy giấy thảo đơn xin nghỉ. Trong khi ấy, ông Sếp vắt tay ra sau, đi đi lại lại, thỉnh thoảng liếc nhìn anh thư ký bướng bỉnh.

Cả mấy buồng giấy đều im phăng phắc. Một làn không khí nặng trĩu. Ai nấy đều cúi gằm mặt xuống bàn, nhưng cùng lắng tai nghe.

Sinh viết rất chóng. Lúc xong, anh đứng dậy, vênh vào lại gần ông Sếp và nói:

- Đây, nhờ ông làm ơn cho tôi.

Ông Sếp đọc xong lá đơn, rồi bỗng ông khoanh tay trước ngực, nhìn Sinh và hỏi:

- Ông đã cương quyết nghỉ một năm không lương. Nhưng tôi hãy hỏi, liệu sang năm, ông xin ra làm, ông có chắc được bổ một cách dễ dãi hay không? Mà trong khi ông chờ, ông sẽ làm gì để sinh nhai?

Sinh vụt bối rối. Ông Sếp nói tiếp:

- Vậy bây giờ có hai cách, một là ông cứ để tôi cho ông được nghỉ, hai là ông xin lỗi tôi, vì ông đã bướng bỉnh với tôi. Ông chọn ngay lấy một cách. Tôi chờ ông trả lời đây.

Tự nhiên, trên mặt Sinh hiện ra một vẻ không ngờ, cái vẻ tai tái. Rồi anh nhúu đôi lông mi, mắt đăm đăm nhìn phía xa, ra chiều nghĩ ngợi. Một lát, thở dài, anh đứng thẳng người lại, chấp tay, tùm tùm gượng cười, và ấp úng nói khẽ:

- Thưa ông... tôi xin lỗi ông.

\*

\*      \*

Lúc ở sở ra về, Nghĩa và Sinh lưỡng thưởng cùng đi. Hai người đều ngậm ngùi, chán nản.

Rồi đến chỗ vắng, Nghĩa lắc đầu, an ủi bạn:

- Cái kiếp chúng mình như thế. Nô lệ thì còn đâu có nhân cách mà giữ. Chúng mình nên đành chịu, chứ biết làm thế nào.

- Nhưng lắm lúc tức lắm! Mà hiện nay tôi rất hối hận đã không cứ liều mà đưa đơn nghỉ phăng cho nó khỏi khinh mình.

- Ủ, tôi tưởng anh quả quyết lắm, chứ không ngờ lại xin lỗi nó. Vậy lúc ấy anh nghĩ thế nào mà lại làm như thế?

Sinh nhìn nét mặt thật thà của bạn. Anh cảm động, thở dài, đáp bằng một giọng rất tự nhiên, nhưng xiết bao ai oán náo nùng:

- Khốn nạn, thật chính bây giờ tôi cũng không hiểu tại làm sao lúc ấy tôi lại có phút đê tiện đến như thế!

*Truyện ngắn chọn lọc tập II,  
Nxb. Hội Nhà văn, 1985*

## Chiếc quan tài

Chiếc quan tài ấy đặt trên tám phản, giữa một túp nhà xiêu. Một người đàn bà, quần áo nâu bạc, ngồi phệt ở bên, úp mặt vào cánh tay khoanh cạnh ván thiên, thỉnh thoảng hé vuông vải nhỏ mới, ghé ra ngoài xỉ mũi xuống nước. Gần đó, một thằng bé con, chỉ mặc một manh áo rách, thò cái gậy tre vừa dẫn, nghịch với những tấm bọt sủi trên mặt lướt bùn.

Bỗng bốn người đóng khố, lực lưỡng, đẩy chiếc mảng chuối áp đến hè, rồi cùng nhau vào, khóa chân để rửa, nói mấy câu, và đứng lên phản, bắt tay vào cổ ván.

Họ còng lưng, ưỡn ngực, để khênh cho thẳng bằng. Song, họ không thấy nhọc nhằn, vì chiếc áo quan ấy nhẹ quá. Nó bằng gỗ tạp, lỗ chỗ những vết mọt đen, mỏng vừa một đốt ngón tay. Họ chép miệng, phàn nàn với nhau, thương hại anh Cu xấu số, khổ cho đến lúc chết, chết ngay vào độ trời làm vỡ đường.

Mảng chuối chở chiếc quan tài lênh bênh theo tay bốn người đẩy ra cổng. Chị Cu trùm khăn lên mặt, khóc thảm thiết. Cứ cả quần áo thế, chị lội bì bõm, đi sau chồng.

Giá không có mảnh vải trắng che mặt, đổ người lạ nào bảo chị là người nhà người chết. Và giá không có tiếng khóc, đổ ai đoán là ngoài đường có đám ma. Thằng Cu thì chẳng biết gì. Nó thấy người ta ghé lưng, bảo nó ôm cổ để cõng. Nó ngơ ngác làm theo, hình như thích chí vì được đi lợi.

Bốn người đẩy mảng, dò từng bước. Đi dưới nước đã chậm, thế mà đường lại trơn. Những bọt nước tóe bắn lên, làm tắt cả hương. Mấy cây nến cắm trên khúc chuối, bị gió, không sao cháy được. Người ta đã nhiều lần thấp lại cả hương lẫn nến, nhưng vẫn tắt như thường.



Xung quanh, làn nước đỏ mênh mông, từ sáng đến bây giờ, mỗi lúc lên một cao. Chị Cu gào mãi nên rất cổ. Chị phải thôi khóc. Và cố bấm đầu ngón chân xuống đất, cho khỏi ngã.

Mực nước chỗ thấp thì đến bẹn, chỗ cao thì đến thắt lưng hoặc đến ngực. Cả làng chỉ còn có mỗi một nơi cao nhất, là khu giữa vườn nhà ông Lý, may quá, chưa bị ngập. Cho nên ngay từ khi anh Cu ngập cái sau cùng, chị Cu phải kiếm coi trầu lên xin với chủ đất, để nhờ chỗ chôn chồng. Ông Lý thương hại, vui lòng nhận lời, lại khuyên chị nên đưa ngay anh Cu "ra đồng" kéo chỉ một giờ nữa, vườn ông cũng tràn nốt. Thật thế, cả làng, hiện nay chỉ có khu vườn ấy là hở. Còn thì từ ngoài đồng cho đến khắp các xóm, chỗ nào cũng những nước là nước. Nói đúng ra, giữa đồng cũng còn vài ba cái gò là còn nổi lên. Nhưng những đường ra đấy, từ khi mới có tin vỡ đê, tuần đã chặt tre rập ngang lối, vít kín cả lại rồi. Chỉ còn một lỗ con con chui khe lũy, người ta vẫn đánh trâu qua để thả cho nó bơi đến các gò, đứng nắng và ăn bèo Nhật Bản, thì lối ấy nhỏ quá. Vả trừ trâu ra, ai dám bơi qua những nơi ruộng sâu đến một con sào.

Chiếc mảng lênh bênh độ một lát, thì quàng vào ngõ xóm Trung. Tuy đường hẹp, nhưng lối đi cao dần. Nước đến thắt lưng, sau đến bẹn, rồi sau đến đầu gối. Rồi sau cùng, mảng chuối chịt lại, mắc cạn, không đi được nữa.

Người ta ghé tay bê áo quan. Chị Cu vác vồ cuốc lên vai, đi theo. Nước rẽ qua những cẳng chân đen thui, kêu rào rào, tóe bọt trắng sang hai bên.

Chị Cu giục mọi người mau tay lên, vì chị lo ngại quá.

Quả nhiên, mới từ nãy đến giờ, nước đã lảng gần khắp vườn nhà ông Lý. Chỗ đất vừa đào cách đây độ một giờ đã có những dòng nước ngồng ngoèo bò theo nơi thấp, và rỉ vào, ngập đến lưng huyết.

Bốn người rảo cẳng, rồi đặt quan tài xuống. Họ nhảy vào hố, hai tay bốc nước, thoăn thoắt tát ra. Nhưng vô ích. Nước ra bao nhiêu, lại vào bấy nhiêu. Mà nước vào lại mạnh hơn nước ra. Tát cũng không kịp.

Bốn người thất vọng, bảo nhau khênh bốn góc cỗ ván. Hai người tiến, hai người lui, rồi cùng đứng ngay ngắn ở hai đầu huyết. Họ cúi lưng, đưa thấp dần dần tay xuống. Chiếc quan tài hạ từ từ. Cảnh đau đớn làm chị Cu đứt từng khúc ruột. Chị muốn khóc cho hết nước mắt, gào cho hết hơi, để được chôn theo chồng. Nhưng

bồng chiếc quan tài đứng sững lại, không xuống được nữa. Nước ở dưới đội nổi lên. Tiếng khóc im bật.

Bọn người nhìn nhau lo sợ. Lúng túng. Làm thế nào? Bàn tán hồi lâu, hai người nhảy xuống, đứng ở hai đầu áo quan để lấy sức nặng, thì nó mới chìm được. Nhưng nước vào huyết đã nhiều, nên khi người ta vừa nhảy xuống, nước ở dưới dềnh lên, tràn qua ván thiên. Quan tài như chiếc thuyền đáy phẳng, nó bập bênh. Hai người mất thăng bằng, ngã khuỵu, thụt cả xuống huyết.

Cách ấy không được. ỳ ộp, mỗi người nói ra một kế. Chỉ làm sao thắng nổi có mỗi một tí nước, mới chôn được dễ dàng. Chị Cu tưởng tượng đến chồng bị ngâm sũng, chị thút thít, kể lể, thương con người đến chết còn vất vả.

Chẳng mấy chốc, chiếc quan tài vì nhẹ, lại tự nhô lên đến gần mặt đất. Cả huyết đầy những nước mất rồi. Bây giờ mới là lúc khó khăn. Họ vẫn luẩn quẩn bàn bạc.

Sau hết, ba người phải lấy lưới cước, hếch kẻ ván cho nước ô vào thực nhiều và cùng nhau đứng về một đầu cho sức nặng đủ dằn được xuống đất. Một người lấy vồ chêm vào thành huyết, ghì chặt lấy. Một người cước đất, và chị Cu khuân vôi vàng, vứt xuống hố. Thấy thầy chồng đầu cao đầu thấp, chị đau đớn lắm. Nhưng biết làm thế nào?

Họ lèn đất vào thành huyết và áo quan, rồi quẳng những tảng to lên trên. Cho đất đủ sức dìm một đầu quan tài, họ lại đứng sang đầu bên kia. Và cũng làm như trước. Họ thở ì ạch, khó nhọc như một cuộc vật lộn. Khi cổ ván đã bị chèn chặt hai đầu, họ bèn rủ nhau lên, để hết sức đào đất cho nhanh chóng mà quẳng xuống. Nhưng họ vừa bước chân khỏi, cổ áo quan đã bênh lên theo. Song, được cái nó không nổi cao quá. Biết rằng sức phấn đấu có công hiệu, họ huỳnh huých làm một lúc nữa thật mau. Chiếc quan tài lần này chịu nằm gí xuống tận đáy huyết.

Bây giờ họ đã đỡ vất vả. Chỉ còn việc đắp đất lên cho thành nấm mà thôi. ầy thế mà khi ngôi mả đắp vừa xong, nước đã láng vào khắp vườn, không còn hở một chỗ nào nữa.

Những con giun đất màu đen to bằng ngón tay út nổi lênh bênh, dập dềnh theo đà sóng, trôi với đám bọt rác.

\*

\*      \*

Một giờ, lại một giờ. Mực nước lên cao dần, cao trông thấy.

Xung quanh mả anh Cu, có những lá tre khô bám vào. Rồi có bèo Nhật Bản. Rồi có cả bọt rác nữa. Thứ này bám vào chốc lát, rồi bị sóng lôi đi. Thứ kia ôm lấy nhau, nhảy nhót, chạm óc ách vào nắm đất mới đắp. Nước dập dờn liếm mãi vào khe những mảng đất, làm cho nó mủn ra. Rồi nó lở thành những cục con con, lả tả rơi từng tỹ một.

Độ nửa ngày, nước tràn qua mặt mả.

Gió hiu hiu. Bụi tre cát kết như nghiêng răng. Những lá vàng rào rào bay xuống, chạy trên mặt nước như thuyền buồm thuận chiều. Lúc nào sóng cũng dập dờn làm ải đất mả đắp đổi. Hòn to không mấy chốc thành hòn nhỏ. Hòn nhỏ không mấy chốc bị cuốn đi. Nấm mồ bị vệt dần. Rồi nó không cao hơn mặt vườn nữa. Rồi chẳng bao lâu, tự nhiên, ở dưới, nhô lên một tầng đất mới.

Tầng đất này cũng mỗi lúc một tỹ, bị sóng đánh, bị ải, và bị cuốn đi. Rồi hết lượt này đến lượt khác, đất ở dưới cứ nhô lên và cứ bị cuốn đi từng hòn nhỏ cho đến hết. Rồi sau hết, ục một tiếng, cả chiếc quan tài tự nhiên nổi bênh lên. Nó nghiêng đi, hất tảng đất cuối cùng trên mặt ván trơn bùn như mỡ. Tảng đất rơi tồm xuống nước. Cổ áo quan tròn trành, rồi đứng yên trên huyết như chiếc thuyền bị cạn.

Chiếc quan tài nổi theo mực nước lên cao dần. Sóng bập bênh cứ vỗ mãi vào thành nó như cố đẩy nó đi. Rồi sau, nó không bị vướng gì nữa. Nó quay đầu, lừ lừ theo chiều gió và chiều nước, lênh đênh, lúc trôi ngang, lúc trôi dọc.

Độ nửa ngày, chiếc quan tài đã tự đến góc vườn, cạnh bờ lạch. Đến đây, nước phía ngoài chảy xiết, hút nó bật ngang vào rặng tre. Nó mắc ở đó. Rồi một bè ngổ bám cạnh nó. Rồi một cụm bèo bám cạnh nó. Rồi cả một mảng vừa ngổ, vừa dừa, vừa bèo. Cả tảng bị nước đẩy ra lạch, nhưng không nổi.

Chiều gió đổi làm nhích dần mọi vật, mỗi lúc một tỹ. Nhưng cổ ván gặp cành giông tự nhiên, rúc đầu vào bụi. Rồi lái ngang, hẩy mảng bèo ra cho nó chui qua khe rặng tre và theo dòng lạch trôi nhanh như mũi tên. Rồi một mình chiếc quan tài cựa quậy, như cũng muốn tìm lối ra chỗ rộng. Nhưng nó nặng nề, nên hết xoay dọc lại xoay ngang. Nó tiến rất chậm chạp, vì thỉnh thoảng có giông tre cản lại.

Nắng gay gắt làm cho khô đất nứt trên mặt cỏ ván và cong vênh một phần nắp lên. Cả người nằm trong, trương phềnh ra, cũng hình như không chịu được chỗ quá chật hẹp.

Chiếc quan tài như con thuyền không chủ, bập bênh, lách theo lũy tre. Lúc nó dừng lại. Lúc nó nhích đi. Lúc nó giúi nghiêng, lại bật vào bụi. Rồi sau hết, nó tới một chỗ có khe rộng. Tự nhiên, nó lao một cái, thịch hai cạnh vào tre hai bên, rồi đâm thẳng ra giữa lạch chảy xiết. Đến đây, nó quay mấy vòng, rồi lừ lừ, nó trôi dọc theo dòng nước...

*Tiểu thuyết thứ bảy số 180; 1937.*

## Đồng hào có ma

Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. Thuyết ấy sai. Trăm lần sai! Nghìn lần sai! Vì tôi thấy sự thực, ở đời này, bao nhiêu những anh béo, khỏe, đều là những anh thích ăn bẩn cả. Thì đấy, các ngài cứ hãy nhìn ông huyện Hình, hẳn các ngài phải chịu ngay rằng tôi không nói đùa.

Chà! Chà! Béo ời là béo! Béo đến nỗi giá có thằng dân nào vô ý, buột mồm ra nói một câu sáo rằng: "Nhờ bóng quan lớn", là ông tưởng ngay nó nói xỏ ông. Tức thì, mặt bàn là một, mặt nó là hai, bị vả đôm đốp. Mà rồi thằng khốn nạn ấy, ông truy cho đến kỳ cùng, không còn có thể làm ăn mở mày mở mặt ra được. Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội "làm rối cuộc trị an". Thế là việc công việc tư, ông đều được trọn vẹn. Vì không những ông được hả giận, lại còn được tiếng măn cán là khác nữa.

Nhưng có sao từ ngày xuất chính tới nay, hai mươi năm trời rồi, ông vẫn còn lệt đệt tri huyện mãi. Cái đó không quan hệ. Các bạn học cùng ông, họ đều thăng đường quan cả, vẫn thường phàn nàn hoạn lộ quá chậm chạp của ông. Trước mặt họ, nghe câu nói thành thực ấy, ông chấp tay, cúi đầu, làm ra vẻ buồn rầu. Nhưng lúc quay lưng đi, ông bĩu môi, chửi thầm một câu, bụng bảo dạ:

- Làm bố chánh có vắn xỉ ra mà ăn!

Lý lịch của ông huyện Hình cũng xấu thật. Bởi vì ngôi huyện nào, ông cũng bị dân kiện. Mà quan trên xét ra ông lại trể nải việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính: đánh bạc và chơi gái.

Năm nay, ông đã ngoại tứ tuần. Ông vẫn lấy cái tuổi của ông để lên mặt tiền bối, khinh những ông huyện trẻ khác, nếu tụi này

dám chỉ coi ông là bậc ngang hàng. Ông liền khoe thằng Cả nhà ông đã hai mươi năm, rồi ông cặp ngón tay trỏ và ngón tay cái với nhau, vê vê trên mép. Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu. Ông để râu, cho khác hẳn với tụi huyện trẻ nhãi. Nguyên cái da mặt ông nhỏ, mà có lẽ vì ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá, đến nổi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nổi năm bốn mươi tuổi, mà mặt ông nó cứ nhăn thín như thường. Ông bực mình, bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dao, để ông nuôi râu. Thì sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hai cái dấu chua nghĩa (...).

Buổi hầu sáng hôm ấy.

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Nó hót hơ hót hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bờ ngõ, không biết quan ngồi buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó, và hỏi:

- Đi đâu?

Con mẹ biết ngay rằng đó là cậu lính lệ. Và như hiểu rõ phép vào quan, nó giúi đưa cậu lệ hai hào đã cầm sẵn ở trong tay, rồi nói nhỏ:

- Nhờ cậu bẩm quan cho tôi vào hầu.

Cậu lệ tuy đã cầm tiền, nhưng làm như ta không để ý đến việc nhỏ nhen ấy, bèn vừa thò tay, vừa nói to:

- Đưa xem đơn, việc gì?

Rồi trong khi nhà Nuôi kể lể, thì cậu lệ đánh vắn để đọc lá đơn. Đoạn cậu lắc đầu, nhăn mặt bảo:

- Vào kia, nhờ bác nho Quý bác ấy làm hộ cho. Đơn này không được.

Con mẹ tái mặt, hỏi:

- Không được thế nào, thưa cậu?

Cậu lệ giơ hai tay ra giảng:

- Nghĩa là nếu nhà chị muốn việc chóng xong, nghe chưa?

- Thưa cậu, cậu cứ vào trình quan hộ. Chả nói giấu gì cậu, nhà tôi bị mất trộm hết sạch cả đồ đạc lẫn tiền nong. Sáng nay, vay mãi mới được đồng hai bạc, để đi trình quan, cậu làm ơn thương hộ cho.

Cậu lệ nhìn nét mặt nằn nì của nhà Nuôi, song vẫn thản nhiên:

- Tôi bảo nhà chị không nghe thì tôi mặc kệ. Tôi thấy nhà chị ăn mặc thế này, lại bị lúc vận hạn đen đui, tôi lại chẳng động lòng hay sao? Nhưng ở đây, cái lệ nó thế. Tôi tử tế, nên bảo trước. Nếu nhà chị không theo, thì quan quở, chớ có trách tôi đấy.

Muốn chứng thực lời nói của mình, mẹ Nuôi cởi nút dải yếm ra, rồi xĩa năm đồng hào đôi còn lại lên gan bàn tay, và nói:

- Đây này, chẳng tin, cậu đếm mà xem, chỉ còn vừa vắn tiền trình thôi.

Cậu lệ lắc đầu. Con mẹ vừa buộc lại tiền, vừa nhăn nhó, van lơn:

- Lạy cậu, thương cháu, cho cháu được nhờ. Cậu cứ vào bấm quan hộ. Hễ quan bắt làm lại đơn, thì cháu xin ra nhờ bác nhỏ Quý ngay.

Bỗng một tiếng chuông gọi. Cậu lệ dạ giật một tiếng, rồi ù té chạy. Con mẹ Nuôi nhìn theo, biết rằng buồng quan ngồi ở chỗ ấy. Nó đánh liều tiến đến, vừa tiến, vừa lo. Nó bước chân lên thêm, trống ngực bắt đầu nổi mạnh. Nó đã trông thấy quan. Nó lại sợ nữa. Vì lo sợ quá, nên quên đứt rằng chính nó đi trình việc mất trộm. Nó lại tưởng như nó là đứa trộm vậy. Nó rón rén, đứng nép vào cạnh cửa, thập thò, ghé vào trong, và lắng tai nghe. Nó thấy quan đang dặn cậu lệ xuống bảo nhà bếp ninh cho thật dừ cái chân giò.

Và đến khi cậu lệ dạ tiếng cuối cùng và đi vào sân sau, mé cửa trong, thì nó hiểu ngay rằng đã mất toi hai hào cho thằng xỏ lá nó chẳng bấm cho mình một tiếng nào.

Bỗng hai con gà tây béo sù quàng quạc kêu ở sân trước. Nó thốt giật nảy mình. Quan đang ngồi, choàng một cái, ngài đứng dậy, chạy vội ra hiên, đứng ngay cạnh nhà Nuôi, và gọi vẳng:

- Có đứa nào đấy, lừa hai con gà vào cho tao!

Tức thì, người ta chạy tán loạn để xua gà, và nhà Nuôi thì chấp hai tay, quỳ ngay xuống gạch, và nâng ngang đầu cái lá đơn.

Khi đôi gà đã chạy về, quan bèn nhìn con mẹ và bảo:

- Vào đây.

Nó mừng quá, lóp ngóp đứng dậy, vội vã theo vào trong buồng giấy.



Nó đứng ở cạnh bàn, run lên bần bật. Nó liếc nhìn quan. Ngài oai vệ quá. Nó lại sợ hơn nữa. Nhưng dù run hay sợ, nó cũng không quên được việc vi thiềng quan.

Nhưng tiền trình diện quan, nó lại buộc vào trong dải yếm. Nó cởi ra mới lấy được.

Nó mới lúi húi rút cái nút buộc ra. Nó sợ quan chờ lâu, nên phải vội vàng. Mà vì vội vàng, lại lo quan gắt, nên nó lóng cồng. Cái nút vừa xổ ra, thì loảng xoảng, cả món tiền rơi tệt cả xuống gạch.

Năm đồng hào đôi nảy lên mấy cái, và từng ấy tiếng kêu làm nó giật mình. Tự nhiên, nó choáng cả người và hoa cả mắt. Nó cúi nhìn chỗ nhiều hào rơi nhất, ngay bên cạnh nó. Đồng thì chui nằm ẹp gần chân nó, đồng thì xoay tít mấy vòng, đồng thì bắn ra góc buồng. Mấy đồng nữa thì thi nhau lăn ra tận chỗ xa.

Nó không thấy quan nói gì, nên cũng hơi tĩnh tâm. Nó bèn cúi xuống để nhặt tiền. Một đồng, hai đồng. Đồng thứ ba nghiêng ở mé tường. Nó tìm đồng thứ tư. Mãi nó mới thấy ở tận gần chân bàn giấy của quan. Nó tìm đồng thứ năm. Quái, nó tìm mãi, mà không thấy đâu cả.

Nó phải có năm hào đôi. Năm hào đôi mới thành đồng bạc được. Vừa ban nãy, nó giở ra cho cậu lệ xem, và lại buộc cẩn thận vào dải yếm. Không lẽ đồng hào ấy có ma, đã biến đi đâu mất chóng thế được. Vậy chỉ quanh quẩn ở trong buồng này mà thôi. Nhưng nó đã tìm kỹ lắm rồi. Mà trình đơn tám hào, tất nó bị quan chửi. Không biết làm thế nào được, nó tần ngần chấp hai tay, vái:

- Lạy quan lớn ạ.

Rồi nó lúi lúi bước ra cửa. Rồi nó đi về...

Ông huyện Hình cứ ngồi yên sau bàn giấy để nhìn theo con mẹ khốn nạn. Rồi khi thấy nó đã đi khuất, ông mới đưa mắt xuống chân, dịch chiếc giày ra một tý. Và vẫn tự nhiên như không, ông cúi xuống thò tay, nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giày bám vào, rồi bỏ tọt vào túi.

*Truyện ngắn chọn lọc tập II*  
*Nxb. Hội nhà văn, 1985*



## Ngậm cười

Làng tôi bây giờ sở dĩ được yên ổn, là nhờ lòng can đảm, nghĩa hiệp của anh cu Bản, đã liều mình khám phá ra cái tổ trộm cướp ở cánh rừng Thông.

Sáu tháng về trước, luôn một dạo, những lúc đêm khuya, tĩnh mịch, không có trăng, ít người dám đưa mắt ra ngoài sân tối mịt. Nghe ngọn gió rít qua khe liếp cũng đủ trợn! Hễ có tiếng chó rồ lên sủa khan ở xóm bờ sông, là ngay từ đứa bé lên hai cũng biết giật mình. Nó khóc thét lên, ôm chầm lấy mẹ... Mẹ nó vỗ, xoa, ru khe khẽ để lắng tai nghe. Rồi nếu một hồi tù và dậy lên, thì ông già vịn to ngọn đèn hoa kỳ, ngồi nhồm dậy, húng hắng ho, hoặc hút thuốc Lào, cho đỡ vẻ lặng lẽ.

Nhưng bỗng vắng nghe ở đâu kêu cướp, rồi trống đánh liên thanh, tiếng khóc như ri, tù và rúc, chó sủa lạc tiếng, liên liên nhau từ làng này đến làng khác, dài hàng mấy cây số, thì người cứng bóng vía đến đâu cũng phải lạnh run lên, đánh thức cả nhau dậy, ngồi đến suốt sáng.

Mười tối thì đến bốn năm tối kinh khủng như thế. Mà bọn cướp rất tài, ban ngày chúng khéo lẫn lút trong cánh rừng Thông. Các nhà chuyên trách mấy lần cho lính vào sục cũng không bắt được.

\*

\*       \*

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ chiều. Chị cu Bản đương ngồi nhặt rau trong bếp, thì chồng về. Nét mặt hăm hở, anh nói:

- Nay u nó, quan đã cắt tôi rồi.

Chị ngơ ngác:

- Cắt gì?

- Cắt đi bắt tổ cướp rừng Thông?

Xám ngắt mặt, chị gắt:

- Quan bắt thầy nó vào chỗ chết mà cũng nghe à?

Anh cu vênh mặt, kiêu căng, đáp:

- Chỉ nói đại! Việc gì mà chết. Chính tôi tình nguyện với quan để xin đi!

Chị cu oà lên khóc:

- Thầy nó nỡ bỏ mẹ con tôi chết đói hay sao? Khổ quá! Tôi biết trồng cây vào ai được? Thầy nó đừng đi!

Ba đứa bé, ngơ ngác nhìn cha mẹ, cũng oà lên khóc.

Anh cu cảm động, an ủi vợ:

- U nó cứ yên lòng. Thế nào sáng mai tôi cũng về. Nếu tôi không ra tay, rồi quân cướp cứ những nhiều mãi, vùng này còn ai làm ăn gì được!

- Đành vậy, nhưng lỡ ra...

- Thì cũng đành chứ sao? Tôi làm việc ích cho mọi người mà u nó cũng cứ ngăn cản.

- Làm ích cho nhà giàu, chứ những hạng như mình thì lo gì bị cướp? Tôi chỉ sợ lỡ ra, thì một nách ba con mọn, tôi biết làm thế nào?

- U mày đừng dở hơi! Việc gì mà lo xa như thế? Tôi sẽ được thưởng. Quan hứa rồi. Nếu thành công, ta không phải vất vả như thế này nữa.

- Thôi, tôi van thầy nó đừng đại dột. Tôi không để cho thầy nó đi đâu.

Anh cu quắc mắt, nói:

- Việc quan nào phải việc trẻ con! U nó không được nói thế.

Chị cu lại oà lên khóc, túm chặt lấy áo chồng. Anh cu giằng ra, mắng:

- U nó không được giữ. Quan và lính chờ tôi ngoài đình kia. Để tôi đi, kéo chậm.

- Không! Không đi! Thầy nó hãy ăn cơm đã, vội gì.

- Không cần. Đã có cơm của quan. Tôi phải đi ngay bây giờ mới kịp.

Nói đoạn anh cu nhất định dứt áo ra đi. Anh ôm ba con vào lòng, xoa đầu, dặn dò mấy câu, rồi ra cổng. Chị cu bế con, khóc lóc theo chồng. Nhưng vẫn thản nhiên, anh cu coi nhẹ nghĩa vợ chồng, tình cha con. Đến đầu làng, anh rỏ tai nói với khán thủ kéo chị cu trở lại.

\*  
\*       \*

Sự thành công của anh cu Bản đã làm cho vợ anh goá chồng! Đêm hôm đó, nhờ anh can đảm, quân cướp lũ lượt bị giải lên huyện. Nhưng anh cu Bản bị bỏ mạng. Thương thay!

Từ bấy giờ, trên đầu chị một tấm khăn tang, kẻ nách chị ba mụn con mọn. Đoạn trường lắm lúc nghĩ mà buồn tênh...

Cả làng ai cũng ái ngại cho chị cu Bản và ngậm ngùi thương hại con người trọng nghĩa mà khinh thân.

Bọn nhà giàu được ăn no ngủ yên. Họ mổ gà mổ chó ăn mừng. Họ khen quan huyện tốt với dân, biết hy sinh một người để cứu nhiều người. Họ xui chị cu Bản bế cả ba đứa con lên kêu quan phụ mẫu thương đến tình cảnh nheo nhóc của chị mà cho một món tiền bồi thường.

Quan huyện rất tử tế. Ngài nói:

- Nhà chị không phải kêu, bốn phận ta là phải bấm lên quan trên xét đến người có công. Cứ về mà chờ đợi ít lâu. Rồi chị sẽ không phải phàn nàn về sự ân thưởng đích đáng của chồng chị.

\*  
\*       \*

Ôm tấm mong mỗi, chị Cu Bản vui vẻ về nhà, kể chuyện cho mọi người nghe. Ai cũng có bụng mừng thay cho chị.

Thường khi làm ăn vất vả, được bữa nay, lo bữa mai, chị lại nhớ thương chồng. Nhưng chị lấy ngay cái hy vọng ra để tự an ủi. Nếu được thưởng, chị dùng món tiền để sinh lợi, thì chắc được đủ ăn suốt đời.

Năm hôm, mười hôm. Cái trò mong vẫn hay thấy lâu. Chứ chị biết đâu lá đơn của chị còn phải qua tòa này sở nọ, có khi nó đi chậm và hay nghỉ như ông cụ già.

Rồi nửa tháng, lại một tháng. Chị cu Bản càng ngày càng quần bách. Cơm chẳng đủ nuôi con. Nhà dột, không ai gọi hộ. Sân rêu, cỏ mọc, chị chẳng có lúc nào sữa sang. Mấy đứa bé bêu rếch. Nhưng biết làm thế nào? Nếu chị ở nhà trông nom chúng, thì ai đi làm lụng kiếm miếng cho mà ăn? Giá chúng lớn, độ lên bảy lên tám cả, thì chị đã cho một đứa đi ở, để đỡ phải nuôi. Khốn nhưng thằng lớn mới lên năm tuổi.

Rồi nữa, một tháng, hai tháng. Người ta thấy chị cu Bản rách rưới. Không ai không phàn nàn cho chị. Mặt mũi chị hốc hác, đen đui, xấu xa. Người ta hỏi thăm, chị đều trả lời:

- Nay mai, tôi sẽ có món tiền thưởng.

Thưởng. Cái đó không thể không có. Chắc lắm rồi. Quan đã hứa thế. Nhưng hôm nay chị chưa có gì cả. Chị nóng ruột. Khổ. Nhưng, nhất định chị chờ cái tương lai.

Ở ngoài, họ đồn chán lên đấy. Có người mong chị được thưởng một nghìn bạc. Có người đoán chị được lương ăn suốt đời. Có người ở xa, lại nói dựng đứng ngay rằng đã gặp chị lên tỉnh lĩnh hai nghìn ở kho Bạc.

Nhưng sự thực chưa có thế. Sự thực thì chị cu Bản vẫn tự an ủi bằng cái hy vọng những khi đầu tắt mặt tối, và khóc thầm những lúc nhà vắng đêm khuya. Chị nhớ lại hôm chồng hăm hở đưa quan lính vào chỗ tổ cướp. Chị nhớ lại lúc trông thấy xác chồng nằm co ro trên vũng máu để tự nhiên chị thành góa bụa, với ba mụn con thơ. Chị đau đớn. Nhưng chợt chị nghĩ đến lời quan huyện hứa, quả quyết sẽ được bồi thường về công của chồng chị. Trời ơi, bao giờ nhỉ? Bao giờ cái đói, cái rách, cái khốn quẩn nó tha cho chị mà đừng dọa nạt chị nhỉ? Bỗng chị nhìn lên vách. Thấy bóng chiếc khăn ngang, chị cảm động, thút thít khóc.

\*

\* \*

Một hôm, chị cu Bản hăm hở chạy sang nhà tôi. Tôi không thấy tay chị cầm chiếc rá. Mặt chị cũng không nhăn nhó như mọi khi. Chị giơ tờ giấy có dấu son đỏ lòe, nhờ tôi xem hộ, và hỏi:

- Ông lý đưa tôi tờ sức, nói rằng quan bảo tôi đi lĩnh thưởng phải không?

Tôi mừng thầm cho chị. Chị lại hỏi:

- Có phải không? Bao nhiêu, hở cậu?

Xem xong, tôi nhìn chị, rồi khẽ đáp:

- Phải, thưởng, anh ấy được truy tặng cửu phẩm bá hộ, chị ạ.

- Chứ không phải tiền à?

- Không!

Bỗng chị cu Bản xám mặt lại. Chị run bắn lên, rồi meo mào khóc. Chị giật lấy tờ giấy, chạy ù ra cổng, quên đứt rằng đáng lẽ chị phải vui vẻ cho chồng chị ở chín tuổi được ngậm cười.

*Tiểu thuyết thứ bảy số 188; 1938.*

## Thịt người chết

Vì mới chết lần này là lần đầu, nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.

Thực vậy, nếu chết ở tỉnh, thì ai lấu, nên chọn vào đêm thứ sáu. Như thế, vợ con có vừa vặn thì giờ để cáo phó lên báo. Và đến chủ nhật, cất đám, có đủ các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu đi đưa đông. ở nhà quê, nếu chết vì tai nạn, người không ngoan bao giờ cũng tránh những ngày chủ nhật hoặc ngày lễ, thì sự khám xét, tống táng mới mong chóng được.

Nhưng khốn nỗi, xưa nay, không ai chết đến lần thứ hai để được bài học kinh nghiệm về cách chết. Vì vậy, vẫn có nhiều người chết một cách ngờ nghệch.

Nhất là anh Xích, một anh dân quê vô học, nên càng ngu dại nữa. Anh đã vô lý mà chết đuối ngay vào đêm thứ bảy vừa rồi.

Nguyên cha anh, ông Cửu, thầu của làng cái đầm sen ngay giáp lũy tre. Đến mùa này hoa nở, ông phải làm chòi nhỏ ở giữa đầm, hai bố con cất lượt nhau ra ngủ đó để canh.

Chiều hôm ấy, anh Xích ra đánh chén ở đình, say bí tỉ. Đến xẩm tối, anh vừa về đến nhà, đã bị ông Cửu giục mang chiếu và gối ra chòi.

Anh lao đao đi. Rồi không hiểu sao, sáng sớm hôm sau, không thấy về. Và đến độ tám giờ, xác anh đã nổi lên, trôi lênh bênh vào gần bờ.

Người ta đoán nhiều cớ về cái chết này. Nhưng tựu trung, chỉ hai thuyết có thể hợp lý được:

Một là anh Xích vì say quá, loạn choạng chở thúng, bị ngã vào chỗ sâu.

Hai là đương đêm anh ngủ mê, vô ý cựa, đến nỗi lăn tòm xuống nước.

Chứ những tiếng đồn anh tự tử vì việc gia đình, hoặc bị kẻ thù đánh chết đều không thể tin được.

Hương lý tò mò, hỏi dò hai bên hàng xóm nhà ông Cứu, xem hôm trước hai cha con có to tiếng gì với nhau không. Họ cố ý nhận xét rất kỹ lưỡng cái thân người xấu số. Nhưng không ai tìm ra được một chứng cứ gì khả nghi. Và khi được tin dữ dội con ông Cứu bị nạn, cả làng ra tận bờ đầm xem. Ai cũng phàn nàn, thương tiếc người con trai tử tế, hiền lành. Và trông cái xác chết còng queo ngâm dưới nước, đổ ai cầm lòng cho được.

Bà Cứu tru lăn tẻo lộn, mấy lần toan nhảy tùm xuống ôm lấy con. Nhưng bà bị người ta giữ lại. Trong lúc như điên như cuồng, bà chửi cả ông lý trưởng không cho bà vớt anh Xích lên, để đặt trên bờ. Bởi vì bà mếu máo và chấp tay lay lay để mọi người và nói:

- Nó đau lòng lắm, các ông các bà ơi!

Nhưng người ta khuyên:

- Để quan về khám, làm biên bản xong, bà muốn làm ma to cỡ lớn thế nào mặc bà. Chứ bây giờ, bà đừng nên đụng đến anh ấy. Ngộ để anh ấy lên bờ, rồi mình mấy xây xước chẳng hạn, thì quan nào cho chôn? Vả chết đuối, sao nằm trên bờ được?

Bà Cứu không tin, gắt:

- Không cho chôn thì quan giữ làm gì?

- Giữ để chờ đốc tờ về khám. Như thế, lại lâu ra.

Bà nghe hiểu, xỉ mũi, lau nước mắt, và ngồi xỏm cạnh cái quan tài rỗng không, dưới bóng cây, đành lòng chờ đợi.

Bà mong được phép chôn con như con mong mẹ về chợ. Người nhà bà lên huyện trình quan ngay từ sáng, nhưng đến bây giờ, không hiểu tại sao, chưa thấy về. Đường lên huyện không xa, chẳng rõ vì sao lại có sự chậm chạp thế này được.

Nhưng một giờ. Lại hai giờ. Lại ba giờ.

Bà Cứu không còn sức và nước mắt để chờ, để khóc nữa. Bà hết đứng lại đi loanh quanh, không dám trông chỗ con nằm.

Rồi bà ngồi xỏm xuống đất, gục mặt vào đầu gối để nghe ngóng. Bà đợi một hiệu còi ô tô của quan. Những lúc có tiếng xay lúa ù ù, bà khấp khởi lắng tai, và thở dài vì mừng hụt.

\*

\*      \*

Mặt trời chói lọi, rọi tia lửa xuống đất.

Thầy anh Xích bắt đầu đổi khác. Chân tay co quắp hơn. Tóc lỏa tỏa như món rẽ bèo Nhật Bản.

Gió hiu hiu. Làn sóng dập dờn liếm vào thân anh kêu óc ách. Anh rập rình như nằm trên giường lò xo.

Rồi tự nhiên, cái xác lật ngửa lên. Con người trước kia hiền lành là thế, nay biến thành con bò thui: bụng phình to, má phình to, mặt phình to. Đôi mắt híp lại, như bị kéo dài ra tận mang tai. Tứ chi dúm dỏ. Ai trông thấy bộ dạng nhả nhỏ, dọa nạt của người chết, mà khỏi rợn tóc gáy được?

Từ lúc ấy, người thân thích đến thăm thưa dần. Rồi sau hết, không ai dám lại gần đấy nữa. Những khách đi đường, vì vô ý hoặc bất đắc dĩ phải qua, đều che nón, ngậm miệng, và đến chỗ xa, rùng mình một cái mới nhỏ toẹt.

Ông Cửu ở nhà để chờ quan về khám, cũng chẳng kém nóng ruột. Ông như chết một nửa người mà vẫn phải tiếp khách đến hỏi thăm mỗi lúc một đông. Ông chỉ muốn được yên, để nằm nhoài ra mà kêu gào, vật vã cho hả nỗi phụ tử tình thâm. Ông lại lo lắng, không hiểu vợ ông ngồi ngoài bờ đầm, có ai canh giữ cẩn thận, hay lại chẳng nén nổi lòng thương, mà liều mình quá, thì ông thêm một nỗi ân hận nữa suốt đời.

Họ hàng chạy đến mỗi người giúp một việc. Người bày ở dưới nhà ngang một bàn thờ cón con, lấp láy có đôi nến trắng. Người lược may đồ khâm liệm và xé khăn cho lũ em.

Rồi đến khi được biết rằng là ngày chủ nhật, cả buổi hầu sáng, quan không ra công đường, vì đêm trước ngài nháy đăm trên tỉnh, ba bốn giờ sáng mới về, và đến chiều, cổng huyện đóng, vì là ngày nghỉ; thì ở nhà ông Cửu trợn mắt, kêu rú lên một tiếng, và ở cạnh lũy tre, bà Cửu ngã vật xuống đất, ngất đi đến năm phút đồng hồ.

Cả làng phải chờ.

Họ hàng sắp sửa việc ma chay xong, ai nấy về nhà, để chờ sáng hôm sau lại đến làm giúp. Người không thân thích lại bắt đầu công việc như cũ, chờ lúc kèn trống nổi lên thì đưa anh Xích ra đồng.



Ông Cứu cho người vục bà Cứu về. Hai vợ chồng già nằm chết gí ở hai giường, chờ cuộc khám xét của quan phụ mẫu. Tử thi chờ chôn, mỗi lúc một trương to, dập dềnh cạnh cái quan tài ngoác miệng chờ việc. Cảnh vật im ả như cũng chờ để nghe ngóng tin. ánh nắng cứ lảng lạng rọi xuống. Cây cối mệt nhọc, càng gục lả.

Nhưng giữa nơi yên lặng, chìm đắm trong sự buồn thảm ấy, có một chỗ đầy vẻ hoạt động. Ngay ở quãng tử thi mà người đồng loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần, thì những loài vật khác giống tỏ vẻ âu yếm, thiết tha lạ lùng. Dưới nước, lũ cá mương vui vẻ, nô giỡn với nhau, chui vào kẽ vách, lỗ tai, đớp thật nhanh, rồi chạy nhào biến mất. Rồi lại đớp. Rồi lại chạy. Trên không, vo ve đàn ruồi nhặng, rủ nhau đậu đen kịt vào mặt mũi, chân tay, mãi miết hút chất đồ ăn bổ. Thỉnh thoảng, chiếc lá tre vàng vắn vèo từ trên đâm bổ xuống, làm động cuộc kiếm ăn đang bình yên, thì vù một tiếng, lũ ruồi nhặng bay tản đi. Nhưng khoảnh khắc, lại bâu vào, làm thành những quầng đen trên tấm xác xám ngoét.

Rồi buổi chiều, một mùi nồng nồng, hăng hăng đã bay thoang thoang đến được chỗ xa xa. Trên ngọn tre, xào xạc tiếng cánh bay, con quạ đen cố quắp hai chân vào một cành éo lả, vẩy đuôi để giữ thăng bằng cho vững chãi, rồi chao đôi mắt thèm thuồng xuống mồi. Rồi một con nữa cụp cánh, đậu ở cành cây khác, lên tiếng khàn khàn gọi nhau. Chẳng mấy chốc, hai ba con nữa bay lại.

Một con vô cánh, bay sà xuống trước, đứng lên bụng thây người để thám hiểm. Thấy được bình yên, cả lũ theo nhau, mổ rả từng nơi một.

Như thế, anh Xích vô tình là ân nhân của đàn cá, ruồi, nhặng, quạ. Chân tay vẫn co quắp như dọa, mặt mũi vẫn nhăn nhó như nhát, nhưng anh vẫn bị rả, bị hút, bị đớp như thường.

Thịt người chết, ai hay cũng là món đồ ăn quý hóa.

\*

\*      \*

Cho đến tận chín giờ sáng hôm sau, còi ô tô đằng xa bỗng thét vang.

Đàn quạ hết vía, vừa bay vừa kêu xa xa. Lũ ruồi nhặng, hốt hoảng, vội trốn cho xa. Đàn cá mương thấy nguy, lộn nhào mỗi con chui vào một xó.

Thì lúc ấy, trên bờ đầm, quan huyện tư pháp là một, cụ lục sự là hai, cậu lính lệ là ba, cùng trình trọng làm việc, và cùng trình trọng khạc nhổ. Cậu lệ cầm gậy, lật đi lật lại tử thi. Quan và nha ghé mắt xem xét từng ly từng tí và biên chép. Hương lý, vợ chồng ông Cửu, cùng họ hàng, người làng, ai nấy khoanh tay im lặng, nuốt đờm, nhìn chăm chặp vào xác chết. Người thở dài. Người lau nước mắt.

Khám nghiệm xong, quan truyền lính đuổi cả người tò mò ra xa. Và trước cảnh thương tâm, ngài ôn tồn hỏi ông Cửu:

- Cái đầm này mỗi năm anh kiếm lợi cả cá lẫn hoa có được đến dăm trăm không?

Thấy quan hỏi câu phiếm, không dính dáng gì đến vụ chết đuối, ông Cửu đành phải đáp:

- Dạ.

- Anh cấy hai mươi mấy mẫu?

- Lạy quan lớn, hai mươi hai mẫu.

Quan gật gù:

- Thôi được, để cho anh biết rằng tôi rõ gia tư nhà anh lắm. Còn việc khám xét hôm nay, thì tôi không thể cho chôn ngay được. Vì tôi xét trong người tên Xích, có nhiều vết khả nghi. Tôi phải bẩm tỉnh xin đốc tờ về khám cho cẩn thận.

Ông Cửu như sét đánh, run cầm cập, nhăn nhó kêu:

- Lạy quan lớn...

Ông huyện lắc đầu:

- Nó bị bức tử. Phải có đốc tờ mổ xẻ xác nó ra mới rõ được.

Bỗng một tiếng tru lên, bà Cửu ôm mặt, lạnh lạnh khóc:

- Ôi con ôi!

Tiếng khóc của người mẹ trước thi hài đứa con chết đuối đã thương, làm ai cũng phải cảm động. Nhưng trái lại, nó không làm chuyển nét mặt của quan tư pháp. Đến đây, ông là đại biểu cho Pháp Luật. Ông đã từ người bằng thịt bằng xương biến thành pho tượng bằng sắt đá lạnh lùng.

Vậy đã là sắt là đá, tất không thể cảm được những tiếng khóc ẻo lả của người mẹ mất con, hoặc những tiếng kêu nài mềm yếu của người cha oan uổng. Cảm được sắt đá, duy chỉ có một vật. Vật ấy cố nhiên phải rắn, tuy chẳng được rắn bằng sắt, cũng phải rắn hơn đá. Mà vật rắn ấy, nhà ông Cửu không thiếu. Nó làm bằng loài bạc.

Thấy ông huyện lặng nhìn tử thi đương xông lên một mùi khắm lăm lăm, ông Cửu nảo ruột nói:

- Xin rước quan về nhà nghỉ cho đỡ nắng.

Ông huyện chẳng biết vô tình hay cố ý, lấy tay xua ruồi, và khạc nhổ, rồi đáp:

- Ừ, kéo ở đây tởm lắm. Nó đã trương to, mà ruồi, nhặng, cá, quạ cứ sấn vào. Lại còn phải phơi nắng, đợi thầy thuốc mổ xẻ nữa, thì biết bao giờ mới được chôn!

Rồi vừa đi, ngài vừa bảo ông lục sự.

- Đích là một án mạng, chứ không đúng như những lời trình trong giấy đây.

Ông Cửu tiến lên gần, nhỏ nhẻ thưa:

- Lạy quan lớn, còn vong hồn con con kia. Nếu có thể nào, con cam chịu tội trước cửa quan. Xin quan lớn cho phép con mai táng, con xin hậu tạ quan lớn.

Quan quay lại, nhìn ông Cửu bằng đôi mắt dịu dàng của một người có trái tim dễ cảm. Ngài hỏi:

- Anh định tạ tôi bao nhiêu?

- Lạy quan lớn, con xin khẩn một nén.

Quan cười:

- Anh phải biết cứ tiền dầu xăng khứ hồi ô tô tôi về đây cũng đáng một nén rồi.

Ông lục sự đi rảo cẳng lên, nói:

- Bẩm quan lớn, việc này to chứ chẳng phải vừa.

Rồi ông cau mặt, trách ông Cửu:

- Cơ nghiệp anh như thế, mà anh muốn chôn ngay con anh, anh không tạ ơn quan nổi một bách hay sao?

Rồi luôn mồm, ông thưa với ông huyện:

- Bẩm quan lớn, nghề dân ta họ vẫn ngu dại làm vậy, muốn chạy việc, lại cứ muốn không mất tiền.

Ông Cửu nhăn nhó, nói khẽ với ông lục:

- Nhờ cụ bẩm với quan hộ, một bách thì tôi không sao lo được. Tôi xin tạ một nửa.

Ông lục xua tay và trợn mắt, như ngăn cản một câu nói đại dột:

- Chết! Anh nói mới dễ nghe sao!

Rồi ghé tai ông Cửu, ông thầm thì:

- Đây, chỗ thân, đảng này cam đoan xin hộ cho bằng được. Nhưng ít ra anh cũng cứ lo lấy bát thập, còn thập nguyên, cho đảng này ăn với chứ?

Ông Cửu cũng thầm thì:

- Khốn nhưng hiện nay không có đủ.

- Thì hãy cứ hứa đi, mai kia lên tạ sau cũng được kia mà. Đảng này nhận cho. Chứ anh đang tâm để con anh thế được à?

Ông Cửu yên lặng, thở dài.

Quay về phía sau, ông thấy vợ ông đương lẫn lộn. Ông không thể cầm được nước mắt, vội vàng mặc cả mấy câu nữa, rồi bằng lòng khấn quan bảy mươi đồng.

\*

\*      \*

Và một giờ sau, lũ ruồi, lũ nhặng, lũ cá, lũ quạ, tiếc ngần ngợ.

Chúng có biết đâu rằng quan huyện tư pháp đã tranh mất món mồi ngon của chúng.

*Truyện ngắn chọn lọc - Tập II*  
*NXB. Hội Nhà văn, 1985.*

## Sáu mạng người

Thôi, cái quan bằng lòng vậy, để bận khác tôi bảo chúng nó đến cho. Cái quan cứ ngủ lại đây, sáng mai hãy về, kéo đêm đã khuya rồi, từ đây lên châu, đi đã xa, lại qua nhiều rừng, tôi không yên tâm đâu mà.

Nghe lý trưởng Tưởng thành thực nằn nì, nói bằng giọng kéo dài và ngô nghê như thế, ông châu Phiên lấy đồng hồ ra coi rồi nhìn ra ngoài. Rừng, núi và trời lẫn lộn màu đen. Ông hơi nản lòng. Nhưng thử xem còn hy vọng gì nữa không, một lần nữa, ông làm ra dáng giận dữ, vỗ vai lý trưởng và nói theo lối người Thổ.

- Này, cái quan không bằng lòng thầy lý đâu nhé. Thầy lý không biết làm việc. Thầy lý nói dối quan. Thầy lý hứa nếu quan đến xem hội thì thầy lý gọi cho quan những cô gì cô gì kia mà. Thế mà chẳng cô nào đến cả. Để đêm khuya thế này, quan phải về không. Ở vùng xuôi, những lý dịch đối với các quan tốt hơn kia. Nếu làng mời quan ngủ lại mà không gọi được cô nào ra hầu chuyện, thì thầy lý hoặc thầy chánh phải đem người nhà thay vào kia đấy.

Nói đoạn, ông châu yên một lát, để thì giờ cho lý trưởng Tưởng hiểu thấu cái phong tục đẹp đẽ dưới trung châu, và ngầm nghĩ cái bổn phận chu đáo của nhà chức dịch đối với quan phụ mẫu. Rồi ông tươi cười, hỏi nửa đùa nửa thật:

- Quan nghe nói thầy lý có em gái mà?

Lý trưởng lắc đầu, đáp rất tự nhiên:

- Cho nó ra tiếp cái quan cũng không làm sao, nhưng rồi sợ nó quen đi, quan ạ.

Biết rằng không còn nước non gì, ông châu Phiên bảo thẳng ngựa, nhất định về.

Đường lên châu lý khúc khuỷu, qua những cánh rừng rậm, nhiều đoạn chênh vênh trên khe sâu thẳm. Song, ông tin ở con ngựa ô của ông rất khôn và rất thuộc lối, và ở hai tên lính cơ lực lưỡng, can đảm, lại có đem cả súng lẫn đạn đi theo hầu. Tuy lần này về Bản Sing, ông chỉ có mục đích xem hội, nhưng ông cũng định tối đến, theo tục lệ, ông sẽ nô đùa với bọn con gái dậy thì lũ lượt kéo nhau ra đường giỡn hát bên ngọn đuốc.

\*  
\*      \*

Lúc bấy giờ, độ mười giờ đêm, ba thầy trò đã bắt đầu phải chui qua cánh rừng rậm. Lối đi ban nãy còn hơi lờ mờ rõ, bây giờ thì thật đen như mực. Không ai có thể trông thấy gì, dù đã quen làm những việc lén lút. Người ta có một cảm giác khó chịu là bị quây vào giữa một cái màn rừng rợn, chật hẹp, mà tai, mắt, chân tay hoạt động một cách sợ sệt, song vô công hiệu.

Ba con ngựa bổ móng vào những phiến đá, kêu lộp cộp. Thịnh thoảng, một chiếc lá khô rơi, xào xạc, đọng bốn năm bận vào cành. Và xa xa, tiếng tí tách của một dòng nước uể oải chảy từ kẽ đá ra. Ông châu, một tay nắm cương, một tay vịu yên, gò người về đằng trước và nhấp nhồm theo nhịp kiệu.

Những cuộc đi đêm vất vả, ông đã từng trải nhiều bận, nên đã quen. Làm chức tri châu, ông tránh sao được nơi rừng xanh núi đỏ, nước độc, ma thiêng. Song, ông chỉ cố đợi vài tháng nữa, đến kỳ thăng thưởng cuối năm, ông sẽ vận động thăng tri phủ và xoay về một huyện nào tôn tốt ở trung châu. Lúc bấy giờ, ông mới có thể nghĩ đến chuyện làm giàu và sung sướng được. Chứ ở đây, tiếng là quan cai trị, mà quanh năm, ông chẳng sơ múi gì. Dân sự họ sợ uy quyền lý trưởng hoặc chánh tổng người địa phương hơn là quan phụ mẫu. Vả ở vào một nơi giáp biên thủy, công việc canh phòng còn khó nhọc và nguy hiểm gấp bội lần.

Rong ruổi trong khoảng tịch mịch, ông châu Phiên bỗng nhớ đến cái chức vụ tịch mịch của mình. Một hơi lạnh thoảng qua, làm ông rùng mình. Ông móc túi, lấy điếu thuốc lá và bật bùi nhùi để hút.

Bỗng ngựa ông đứng dừng lại. Rồi lưng ông bị đầu con ngựa sau húc phải. Ông giật nảy mình, tự nhiên ghê rợn, như có cái gì nó báo trước cho ông một điềm chẳng lành. Trong người ông nóng ran. Ông vội vàng lắng tai và giơ tay trong khoảng tối đen, làm hiệu cho lính, và khẽ nói:

- Đứng lại.

Ba con ngựa cùng dừng bước, thở, vẩy đuôi xoàn xoạt, và giậm chân xuống đường đất rắn các để đuổi muỗi.

Quan quay lại, hỏi lính:

- Có người?

Tức thì hai ngọn súng đã chĩa ngang ra đằng trước.

Mọi người yên lặng để nghe ngóng và chờ đợi. Tiếng xôn xao mỗi lúc một gần. Ông châu ra lệnh khẽ:

- Nạp đạn sẵn.

Gót chân nện xuống đất nghe rõ dần. Một người lính nói thầm:

- Họ nói tiếng Thổ hay tiếng khách? Đông đấy.

Ông châu ngăn:

- Thôi, im. Xuống ngựa cả, mau!

Rồi ông hỏi to:

- Ai, đi đâu?

Những tiếng xôn xao ở xa tức khắc im bật. Thấy khác ý, ông châu ngờ vực. Trong bóng tối, ông nhận ra năm sáu cái bóng đen kịt.

Một người lính hỏi lại:

- Ai? Đi đâu? Lấy cả thẻ ra để quan khám!

Lời vừa dứt thì không hiểu làm sao, bọn người đằng trước chạy tán loạn.

Đoán là việc nguy hiểm, ông châu hăng hái, hét:

- Bắn!

Đoành! Ngọn lửa sáng lòe, tiếng vang inh vào các khe núi, kêu vọng dài ra. Tức khắc, một cái bóng đen ngã vật xuống, giãy đành đạch, rên rĩ.

Hai người lính càng phấn chấn, đem hết sức lực, chạy đuổi bọn người gian.



Lại một tiếng đoành, rồi tiếng đoành nữa.

Ông châu nắm chặt lưng ba con ngựa, trống ngực đã bót rộn, ông lên tiếng hỏi:

- Thế nào?

- Bẩm trúng ạ.

Thấy người ngã đầu tiên còn phì phì thở ngay gần đó, ông châu bấm búi nhùi. Đá lửa bật ra những tia sáng lóe, rọi rõ lối đi. Ông tiến mấy bước, rồi dón dập hỏi:

- Bọn mày mấy đứa?

- Đau lắm, tôi làm gì mà bắn tôi?

Chẳng để vào tai những tiếng nói thảm thiết vô ích, ông lại hỏi. Tiếng trả lời:

- Sáu đứa.

Ông nói to, bảo lính:

- Tất cả là sáu đứa!

Ngay lúc ấy, một tiếng súng lại nổ to, vang động cả bốn phía. Rồi tiếng reo:

- Ngã rồi.

Mừng rỡ, ông châu hô:

- Còn hai nữa. Bắt cho kỳ được!

Rồi cúi xuống, ông toan hỏi thêm. Song, người khốn nạn đã ằng ặc giã, rồi nằm im lìm.

Trời tối quá, nên cuộc săn người rất gian nan. Bởi vậy, trong sáu kẻ gian, bốn người chẳng may bị đạn thì chịu gục xuống, còn hai người lẩn lút được. Lính đã hết sức tìm sục mọi nơi, song, không tài nào thấy được. Thực ra, họ trốn không khó gì. Chỉ cần cho người đuổi không trông thấy hút được, là họ nép vào bụi rậm nào đó, thế là thoát. Họ nằm đó cho thật yên. Bởi vậy, hai người lính đã mất công chui rúc cho đến tận tang tảng sáng.

Như khi tầng lá xanh đen đã hơi nổi ra ngoài nền trời màu sữa, thì ông châu bắt đầu hơi ngạc nhiên. Cách người chết nằm không xa, có những đồng gò to lù lù. Muốn khỏi ngỡ, ông buộc ngựa vào cành cây, đến tận nơi, nhìn cho kỹ.



Bỗng ông nhủ người, run lên, mặt tái mét. Đó là những bó thuốc lá, mà sáu người này có lẽ chỉ là bọn buôn thuốc.

Lương tâm ai chẳng có? Dù làm quan cũng vậy. Thỉnh thoảng, người ta có đôi phút vụt thấy lương tâm hiện ra, mỗi khi biết rằng mình làm bậy. Bởi vậy, ông châu Phiền hối hận việc đã giết oan bốn mạng lương dân.

Nhưng biết làm thế nào bây giờ?

Ông châu vốn là người có óc thực tế. Hạng người này ít thiên về tình cảm. Nên khi một việc lỡ xảy ra, họ không xoa xuýt, than tiếc, mà phải cương quyết tính ngay đến cách đối phó sau này. Vì vậy, trong giây phút, ông lạnh trí, nghĩ ngay được cách làm thế nào để tránh lỗi với quan trên.

Thì ông làm thế này.

Ông đến tận nơi từng người bị đạn để tra hỏi. Khi biết đích bọn đó chỉ là người Thổ đi kiếm thuốc lá để sáng sớm mai bán tại chợ Bản Sinh, ông bèn đốt thẻ của họ đi, và bắt lính trói chặt lại, cho khỏi có người nào còn sức lê đi và trốn thoát. Như vậy, ông có thể kệ họ nằm rên rỉ một mình, không phải bận về canh gác nữa.

Đoạn ông cùng hai tên lính cơ, chia nhau đi các ngả để sục nốt hai người hiện đương trốn.

Ông cao đoán lắm, bảo lính:

- Chúng nó chưa ra khỏi cánh rừng này. Chúng mày cứ trông kỹ vào những chỗ rậm rạp. Tao sẽ thưởng to cho thằng nào có công.

Lúc ấy đã sáng rõ. Ba thầy trò vừa lảng tai, vừa trở mắt, dò từng bước để tìm tòi. Không một bụi rậm nào họ không khua ngọn súng vào. Không một khe đá nào họ không lách lưỡi lê vào. May thay, trời không phụ kẻ có công bao giờ. Chẳng bao lâu, chính ông châu tóm được một người nằm ẹp như con nhái bén dưới một gốc cây đổ. Và một tên lính vô được người nữa, đương cầm cổ chạy bán sống bán chết trong khóm lau cao.

Bắt sống được hai người cuối cùng, mà hai người này không có thẻ, ông châu mới thực mừng. Ông sai trói gô họ vào gốc cây.

Rồi ông làm gì?

Rồi... đoành! đoành! Ông chia cho mỗi người một phát đạn, không hơn không kém, để họ đỡ tị với bạn. Rồi... còn ba người

đương ngắc ngoải, ông cũng sinh phúc cho thêm mỗi người một phát, để họ được thoát khổ, mà rũ nhau cả một lượt về suối vàng.

Rồi... khi đã làm cỏ đủ sáu mạng người, ông sai cởi dây trói ra, và phi ngựa về châu. Ông làm tờ khấn bẩm với quan trên, kể công là đã đi tuần đêm, và ba thầy trò đã giết nổi một toán những sáu đứa... giặc khách.

Và như thế, ông yên trí rằng về công trạng trị an oanh liệt này, ông sẽ được đặc cách thăng tri phủ hạng nhì...

*Truyện ngắn chọn lọc - Tập II*  
*Nxb. Hội nhà văn - 1985*

## Con ngựa già

Hơn hai mươi năm về trước, đã có thời kỳ tôi ở huyện Yên Mỹ. Hồi ấy, tôi mới độ chín mười tuổi.

Vì ngoài phố ít ao, và giếng gánh nước ở xa, nên nhân dân, ai tắm giặt, phải vào nhờ ao trong huyện cho tiện. Lối từ cổng đến ao, đi sau tư thất của quan phụ mẫu, nên mỗi khi tôi vắt bộ quần áo sạch lên vai, và cầm chiếc gáo sắt tây ở tay để đi tắm, là tôi lại đứng trước chuồng ngựa, ngắm nghía ngựa rất lâu.

Ông huyện nuôi ba con ngựa, một con hồng, một con bạch, và một con ô.

Trong ba con ấy, hai con kể trên không có gì đáng chú ý. Nhưng còn con ngựa ô, bao giờ tôi cũng phải nhìn nó bằng đôi mắt kính phục. Nó cao lớn, trông bề ngoài cũng biết là sắc mắc, bất kham. Nhất là tôi được nghe rất nhiều chuyện về nó.

Con ngựa ô ấy, ông huyện, hồi ở Yên Dũng, đã mua lại của ông phó công sứ Bắc Giang, sắp về Tây. Vì lẽ đó, nó cũng có tên là ngựa tây. Và cũng vì là ngựa tây nên nó không hiền lành như ngựa ta. Nó dữ, khỏe mạnh và hung hăng lắm.

Đã có lần nó cắn anh bồi ngựa một miếng vào tay, máu chảy lênh láng, khi anh ta đang tắm cho nó. Anh bồi đã là tay giỏi ngựa, vậy mà một đôi khi phải chịu nó. Nó có một tính lạ, hễ thấy người đem đồ lại gần để đóng xe, là nó hí lên rầm rĩ, và đá vung vít. Có bận, ba bốn người lính lực lưỡng mới đóng nổi nó vào xe; một người giữ chặt dây hàm thiếc, cho nó khỏi quay lại cắn, hai người bẻ khuỷu hai chân trước, để hễ nó đá bằng hai chân sau, thì nó ngã. Lúc ấy, nó mới chịu. Nhưng động thấy đôi càng xe làm trĩu dây da quàng lưng, là nó phi liên. Vì vậy, người ta phải đóng đồ rõ nhanh, và ai ngồi xe, phải lên ngồi sẵn sàng cả trên đệm. Vì nó mà đã chạy, thì có trời ghìm nổi!

Lần đầu tiên, anh bồi chưa biết tính nó như thế, nên để nó đánh đổ xe, gãy tan mất một bánh. Lại lần nữa, nó đã cứ xe không, thẳng đường, tể một mạch cho đến tận bến đò, xéo vung vít cả vào người ở chợ, rồi kéo thẳng xe xuống sông. Lại một lần nữa, anh bồi lúng túng, chưa kịp nắm chặt cương, nó đã cuốc. Bà huyện ngồi trên, kêu la rầm rĩ. Nhưng may, khi đến cổng, vì nó quành non quá, đầu càng xe vập vào bờ tường, bà huyện ngã lộn nhào ra đường trước, sây sát cả mặt mũi. Song, nếu không thế, nó chạy chưa biết đến đâu, và chắc gây nên tai nạn còn lớn hơn nhiều.

Khi con ngựa ô chạy đã xâm xấp mồ hôi, thì nó càng hăng. Nó tể nhanh và dai sức lắm. Có lần nó đã phi ngang xe lửa từ ga Đình Dù đến Phú Thuy. Rồi vì tàu phải đỗ ở Phú Thuy, nên nó chạy vượt lên. Người bồi nói rằng hôm ấy, hành khách xe lửa, ai cũng phải thò đầu ra cửa để xem cuộc chạy thi của sức máy móc và sức giống vật.

Không những con ngựa ấy khỏe mà thôi, nó lại khôn nữa. Ai lại gần nó thì nó hục hặc, cắn đá, nhưng đến ông huyện đứng cạnh, thì nó hiền lành như con bò. Tha hồ ông vuốt ve, thò tay vành răng nó ra, hai tai nó vẫn cứ cúp ra đằng trước một cách ngoan ngoãn.

Lính huyện còn ca tụng mãi cái việc nó cứu chủ. Một đêm, ông huyện cưỡi nó đi tuần. Xảy gặp một toán đông người, có khí giới. Không biết chúng là bọn cướp, hay chúng thù ông huyện, biết ông đến chỗ ấy, nên đón đường định hại. Chúng ồ ra, chặn lối đi. Bị tai nạn bất thần, ông huyện cuống quít. Nhưng con ngựa ô đã vung vít, giải vây được, và cắm đầu tể một mạch về nhà.

Lại một lần nữa, trong mùa nước to, lý trưởng làng Lục Điền phi báo ông huyện khúc đê sạt bốn mươi trượng, ông huyện cưỡi con ngựa ô đến chỗ xung yếu thì được độ năm phút, ô tô ông sứ đến. Ông sứ cho là ông huyện chăm chỉ, lấy làm bằng lòng lắm. Giá dùng con ngựa hồng hay bạch, tất ông đến sau ông sứ, và sẽ bị quả trách là lười biếng việc quan.

Bởi thế, duy chỉ có ông huyện là quý con ngựa ô, còn cả nhà coi nó như kẻ thù, vì ghét nó quá. Bà huyện bảo đem bán quách nó đi, để tránh những sự nguy hiểm. Người bồi động đến gần nó, là quát trước ít ra là năm chiếc roi gân bò vào mặt nó, để thị uy. Ai có việc phải đến gần nó, cũng trống ngực thình thình, cố mau chóng để tránh cho xa cái hàm răng và cẳng chân ghê gớm của nó.

Những điều tôi kể trên kia, là tôi nghe người bồi ngựa nói lại. Nhưng chính mắt tôi đã trông thấy con ngựa ô ấy chạy nhiều lần. Mỗi khi ở ngoài đường, có hồi nhạc rung đều, là tôi phải bỏ cả sách vở hoặc bát đĩa, tức tốc ra đứng ở hè nhà, để dùm miệng lại mà vừa nhìn, vừa sợ. Con ngựa chạy như bẫm, như bổ. Cát đường bụi mù. Tôi hồi hộp, nhảy lên chồm chồm mà reo:

- Ngựa ô của quan!

Mà chẳng những một mình tôi mới lố bịch như thế. Hàng trăm trẻ con khác còn lố bịch hơn tôi. Chúng chạy theo. Và khi con ngựa đã vào đến sân, chúng thập thò ở ngoài cổng huyện, ngó vào, nhìn con vật thờ ỉ ạch mà bàn tán về nó đến trăm chuyện!

\*  
\*       \*

Nhưng mấy năm nay, con ngựa ấy già, sức lực nó yếu đi. Nó kém hung hăng và bớt cần, đá. Song, mỗi khi đi tắm, tôi không thể nào không đứng trước chuồng nó mà ngắm nghía nó bằng đôi mắt kính phục.

Thế rồi một hôm, tôi thấy đồn con ngựa ô ốm.

Tôi đi qua chuồng thấy nó lử thử, nằm duỗi bốn cẳng một cách uể oải. Thúng thóc và bó lá tre để ở phía trong, vẫn còn nguyên. Vài hôm sau, một ông thú y người An Nam ở tỉnh về huyện. Người bồi ngựa nói rằng:

- Quan cho mời quan Đốc về chữa, nhưng quan Đốc bảo nó già và phải bệnh đau ruột, không thể chữa được.

- Thế nó chết à?

Người bồi gật đầu:

- Tại mấy năm trước nó khỏe và làm nhiều quá, nên về già, động ốm là nặng. Quan Đốc bảo đến đốc tờ tây cũng không thể cứu được. Mà có khỏi, nó không thể kéo xe và cưỡi được nữa!

- Con ngựa ấy chết thì hoài nhỉ!

- Chết thì chôn!

Người bồi thản nhiên nói thế. Còn tôi, khi nghe thấy tiếng "chôn", tôi lại chỉ mong cho con ngựa ô ấy chết thực, để được xem

đám ma ngựa nó ra làm sao. Thực vậy, tôi tưởng tượng đến một cái hòm kéch xù là quan tài, trong có xác con ngựa. Rồi vì nặng, nên tất phải đến ba bốn mươi người khênh trên vai mới nổi. Theo sau áo quan, chắc người bồi dắt con ngựa hồng và con ngựa bạch đi theo để đưa ma.

Nhưng sự thực không phải thế.

Sáng hôm sau, khi ông thú y về, bỗng tôi thấy ở cổng huyện một lũ người lôi một cái gì nặng nề, có lũ trẻ phố đứng xem xúm xít. Tôi liền chạy ra, thì ra lính trong huyện với con ngựa ô.

Người ta lôi nó đi chôn.

Thế là đám ma ngựa.

Con ngựa ô bị trói bốn cẳng làm một, đầu thường có mười người kéo. Cổ nó cũng buộc vào một dây, năm người lôi. Nó nặng lắm. Mười lăm người co hết sức, dơ ta rõ đều, mà nhúc nhích được rất chậm. Tôi len vào chỗ trẻ con, đứng lại gần để nhìn, thì bỗng tôi nhủn cả người. Con ngựa ô vẫn chưa chết. Hai mắt nó còn mở, và có lẽ bị đau đớn, nên nó mở to ra, lộ cả lòng trắng ở xung quanh. Nó thở phì phò, và thỉnh thoảng còn cố cựa quậy để chống lại việc bị chôn sống.

Nhưng hề nó ngóc cổ, hay co chân, là lập tức bị những ngọn gậy thẳng cánh giáng xuống.

Người ta hết sức lôi xềnh xệch con ngựa dần dần đến được bãi cỏ cách huyện độ năm mươi thước tây. ở đấy, đã có một cái hố mới đào. Người ta kéo nó xuống hố.

Nhưng cái mả ấy đào ngắn và hẹp. Khi con ngựa nằm, thì cẳng nó duỗi thẳng, và cổ nó vươn dài. Người ta thử cố ấn cả xuống huyết; nhưng không được. Đầu nó vẫn ghéch trên mặt bãi, bốn chân nó vẫn lêu đêu chổng lên trời.

- Đào rộng thêm ra.

Một người lính bảo thế. Nhưng người khác tặc lưỡi, đáp:

- Làm gì có mai có cuộc ở đây. ấn mẹ đầu nó xuống.

- Phải đấy.

Tức thì, người ta lấy chảo buộc chặt đầu con vật và lôi gò trở lại. Cổ nó như bị gập đôi, và người ta cố nhét cả cho vừa vào huyết. Con ngựa đau, thở hừ hừ, lưỡi thè ra ngoài miệng.

Nhưng bỗng người ta lại nói:

- Đấy, đã bảo mà, đi mượn mai đào rộng ra. Lưỡi thế nào được. Còn chân nó vẫn ở trên kia kia.

Anh bồi nhìn xung quanh, thấy một người có con dao rựa, vội reo lên:

- Được rồi!

Dứt lời, anh giật lấy dao và giơ thẳng cánh, chặt đôm đốp vào đầu gối con vật. Nó đau quá, giãy lên. Nhưng độ mười phút, bốn cẳng nó lủng lẳng, rồi cụt dần. Xương trắng và thịt đỏ chồi ra.

Song, bọn lính được một trò cười nôn ruột. Chắc lúc ấy, con ngựa tưởng có thể chạy trốn sự đau đớn, nên nó dùng hết sức tàn để bầm bằm bốn cẳng cụt. Nó bầm nhanh biến, như lúc nó phi nước đại. Tiếng cười và vỗ tay giòn tan. Bọn lính pha trò:

- Ái chà, đến tỉnh rồi đấy!

Họ lại cười âm ỉ. Con ngựa chạy không như thế, trước rất khỏe và nhanh, sau yếu và chậm dần, và sau hết, muốn chừng kiệt lực, nó không cử động nữa. Tôi chăm chăm nhìn trò ngộ nghĩnh. Khi không được cười nữa, người ta lại bổ lưỡi dao vào mặt nó để nhắc nó chạy đi. Quả nhiên, nó lại lấp bấp bốn cẳng trên không, và tiếng cười lại nổi lên rầm rĩ.

Tôi cười, nhảy lên mà cười, vỗ tay mà cười. Vui quá! Rồi mỗi khi con ngựa mệt, nằm im, lại có người cho một nhát dao mạnh vào thân nó, để cho nó lại khua bằng bốn chân cụt.

Mãi đến một giờ sau, khi trò ấy nhắc đi nhắc lại đến năm sáu lượt, không được người ta hoan nghênh nhiệt liệt nữa, bọn lính mới quẳng bốn đẫn chân xuống hố, và bắt đầu lấp đất lên. Lúc ấy, mắt con ngựa vẫn còn mở trừng trừng, và bụng nó vẫn còn phập phồng thở...

*1938 PTBNS số 61; 16-6-1940*

## Tinh thần thể dục

Có lính huyện mang trát quan về làng:

Quan tri huyện huyện X.X. Sức hương lý xã Ngũ Vọng tuân cử.

Nay thừa lệnh Tỉnh đường, ngày 19 Mars này, tức 29 tháng Giêng An Nam, tại sân vận động huyện có cuộc đá bóng thi, nhiều chiến tướng đá rất hay, mọi nhẽ.

Vậy sức các thầy phải thông báo cho dân làng biết và phải thân dẫn đủ một trăm người, đứng 12 giờ trưa đến xem, không được khiếm diện.

Những người đã cắt đi dự cuộc khánh thành sân thể dục tháng trước, thì lần này được miễn.

Ai có mặt tại sân vận động cũng phải ăn mặc tử tế, đi đứng nghiêm chỉnh, và phải vỗ tay luôn luôn, vì hôm ấy có nhiều quan khách.

Làng Ngũ Vọng lại phải có năm lá cờ, sẵn sàng từ 10 giờ sáng.

Việc này tuy là việc thể dục, nhưng các thầy không được coi thường, nếu không tuân lệnh sẽ bị cữu.

Nay sức

Lê Thăng

\*

\*

\*

Anh Mịch nhăn nhó, nói:

- Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông Nghị, kéo ông ấy đánh chết.



Ông lý cau mặt, lắc đầu, giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm dậm:

- Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đình, thì lần này đến lượt mày rồi.

- Cẩn cỏ con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông Nghị ghét con, cả nhà con khổ.

- Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à?

- Đối với ông Nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con con chết đói.

- Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm, đứa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.

- Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

- Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gõ cổ lại, đừng kêu.

\*

\*      \*

Bác Phó gái, dịu dàng, đặt cành cau lên bàn, ngồi xồm ở xó cửa, gãi tai, nói với ông lý:

- Lạy thầy, nhà con thì chưa cất con, mấy lại sợ thầy mắng chửi, nên không dám đến kêu. Lạy thầy, quyền phép trong tay thầy, thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng vội.

- Ô, việc quan không phải như chuyện đàn bà của các chị!

- Thì lạy thầy, thế này, làng ta thì đông, thầy cắt ai không được. Tại nhà con ốm yếu, nên xin thầy hoãn cho đến lượt sau.

- Ốm gần chết cũng phải đi. Lệnh quan như thế. Ai cũng lấy có ốm yếu mà không đi, thì người ta đá bóng cho chó xem à?

- Thưa thầy, giá nhà con khỏe khoắn, thì nhà con chả dám kêu. Nhưng, thưa thầy, từ đây lên huyện, những chín cây lô mếch, sợ nhà con đi nắng thì cảm, rồi phải lại thì oan gia.

- Đây không biết, mà đây cũng không nghe đâu. Vợ chồng thu xếp với nhau thế nào, đây mặc kệ!

- Thưa, hay con nghỉ buổi chợ để đi thay nhà con có được không ạ?

- Không! Phải là đàn ông kia? Chứ nữ nhân ngoại tộc, ai kể.

Người đàn bà thở dài:

- Thế thì con biết làm thế nào được!

\*

\*      \*

Bà cụ phó Bính, mắt kèm nhèm, vừa nói, vừa cười rất vô duyên:

- Thì lòng thành, ông lý cứ nhận đi cho cháu. Cháu hôm ấy không bận đi ăn cưới thì cháu cũng xin vâng. Cháu đã thuê thằng Sang đi thay cho cháu cũng thế. Ông ngờ đi là được.

- Thế ngộ quan biết, có chết tôi không!

- Quan đếm đủ đầu người là xong, chứ ai xem thẻ mà ông sợ.

- Tôi nhận lễ của con bà mà tôi lo lắng. Việc quan nào phải việc chơi.

- Thì cũng như ông làm phúc ấy mà lì.

- Nhưng thằng Sang có khăn áo tử tế, hay lại ăn mặc như thằng ăn mày ấy.

- Ông không phải lo việc ấy. Nó đã dám mượn được đủ cả rồi. Cháu mặc cả và đã khoán đủ với nó như thế.

Ông lý nhăn mặt, nhặt ba hào, bỏ túi:

- Làm việc mà cứ gặp phải những người như con bà, thì tôi đến chết mất.

- Thì ông không cho phép cháu ở nhà, cháu phải thuê người khác đi thay cũng thế chứ gì.

- Thế đến gà gáy hôm 29, bà phải bảo thằng Sang chực sẵn ở đình, tôi dẫn đi.

- Ấy, ông cho nó cơm nước thông thả đã chứ. Đá bóng ít ra ba bốn giờ chiều mới bắt đầu kia mà. Tôi tưởng mười hai giờ ở nhà đi cũng vừa. Buổi sáng, tôi còn mượn nó cuốc mảnh vườn.

- Ba bốn giờ chiều mới bắt đầu, nhưng quan bắt đến huyện từ 12 giờ trưa. Để ngài điểm. Mà quan sức mười hai giờ, thì mình phải đến từ 11 giờ cho sớm sửa. Vả lại, tôi còn phải mang cò lên lúc 10 giờ, thì chả đi từ năm sáu giờ thì đi vào lúc nào? Cho nên, mọi người phải chờ tôi ở đình từ gà gáy.

- Thế thì sớm quá.

Ông Lý gắt:

- Tôi không lười thôi. Bà không bằng lòng thế, thì tôi cứ bắt đích danh con bà. Mặc kệ!

Bà phó sợ hãi:

- Không, lệnh ông thì thế nào tôi chả phải nghe. Là tôi nói chuyện thế đấy chứ.

- Máy lị bao nhiêu người đều phải thế, chứ riêng gì bà. Bà bảo thằng Sang nắm cơm từ chiều hôm trước, chứ sáng hôm ấy dậy mới thối thì không kịp đâu.

- Vâng.

\*

\*      \*

Ngay từ sáng tờ mờ hôm 29, ở sân đình làng Ngũ Vọng, đã có tiếng ông lý quát tháo om sòm:

- Thiếu những mười tám thằng kia à? Tuần đâu, đến tận nhà chúng nó, lôi cổ chúng nó ra đây. Chứ đã hẹn đi lại còn định chuồn phỏm!

Sau tiếng dạ ran, những ngọn đuốc linh tinh kéo đi các ngã. Ông lý dặn theo, tiếng oang oang:

- Hề đưa nào lão, cứ đánh sặc tiết chúng nó ra, tội vạ ông chịu. Mẹ bố chúng nó! Việc quan thế này chết cha người ta không! Chúng bay gô cổ cả, giải cho được ra đây cho ông!

Lại một tiếng dạ nữa, giữa những tiếng chó rống dậy. Ngọn lửa đỏ như nổi lênh bênh trong biển sương mù.

Thì đại khái cái cảnh diễn ra như thế này:

Hai người tuần, một người cầm đuốc, một người cầm tay thước, đập cửa vào nhà thằng Cò. Sau khi tìm sục khắp gian ngoài, buồng trong, không thấy một ai, họ xuống bếp, chọc tay thước vào cốt gio và bồ trấu. Rồi họ lùng ra mé sau nhà. Cũng vô hiệu.

Nhưng bỗng có tiếng trẻ khóc thét lên, thì hai anh tuần mới khám phá ra chỗ người trốn: Thằng Cò nằm ẹp với con ở cạnh đồng rơm, phủ lên mình đầy rơm.

Nó bị lôi ra ngoài. Nó van lạy:

- Lạy các bác, các bác cho tôi ở nhà làm ăn.

- Sao anh đã hẹn với ông lý, lại không đi, để ông ấy chửi địa lên kia kìa.

- Tôi đi thì tôi mất cả ngày, mà mất buổi làm thì tôi với cháu nhịn đói.

- Tôi không biết!

- Mấy lị tôi không mượn đâu được quần áo.

- Không biết! Anh ra đình mà kêu với ông lý.

Thằng bé con nhắm nghiền mắt, ôm chặt lấy bố. Nó sợ quá, không khóc được nữa. Thằng Cò chưa kịp trả lời, đã bị lôi sênh sịch đi.

\*

\*      \*

Cuộc săn dù ráo riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải đi xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan, đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lánh nạn.

Khi thấy đã chậm giờ, ông lý trưởng nghiêng răng nói:

- Chúng nó ngu như lợn. Người ta cho xem đá bóng chứ ai làm gì mà cũng phải bắt. Rồi quan thấy không đủ số, lại chửi ông không tận tâm.

Rồi ông ra lệnh:

- Chín mươi tư thằng ở đây, xếp hàng năm lại, đi cho đều bước. Tuần chúng bay phải kèm chung quanh giúp tao. Đứa nào mà trốn về thì ông bảo.

Đoạn ông lo lắng, đi cuối cùng, mắt nhanh nhẹn để coi cẩn thận như coi tù binh.

- Mẹ bố chúng nó, cho đi xem đá bóng chứ ai giết chết mà phải trốn như trốn giặc!

*Tiểu thuyết thứ bảy, số 251; 1939*

## Hai cái bụng

Hôm nay thì nó lả đi rồi. Tai nó ù. Mắt nó loá. Nó nằm vật ở lề đường. Miệng nó há hốc ra mà thở.

Bởi vì, cũng như hôm qua, và cũng như hôm kia, hôm kia, nó đã đi lang thang hết chỗ này đến chỗ nọ, mà chẳng kiếm được tí cháo lưng hồ.

Nó?

Nó là sự đói khát, kinh tởm, kết thành hình.

Nó có cái sọ đếm được tóc. Không biết một thứ bệnh gì hương hỏa của cha mẹ đã làm cho cả da chỗ ấy nhăn thín, bóng lộn, đỏ đòng đọc như cái mụn đương loét, khiến tóc nó chỉ có thể mọc lơ thơ, như vàng cỏ trên tảng đá cằn.

Nó có một cái mặt - mẹ ơi! Không biết có gọi được là mặt không đấy! - Mặt gì mà mắt lại thế kia, và miệng lại vô dụng thế được. Phải, mắt đâu có thứ mắt xung quanh là một hình bầu dục, vẽ bằng vành thịt trơ đỏ lầy nhầy, lúc nào cũng ứa ra một dòng nước vàng và giữa thì lơ lơ một hột nhãn, thứ hột nhãn non choén, vàng ẽnh. Còn cái miệng nó thì dô ra như miệng khỉ, hai hàm răng to tướng, lúc nào cũng cầm cập hực hặc với nhau. Nhưng thế không phải để nhai, mà để run. Vì trời rét.

Những quần áo nó mang vào người chỉ có một mục đích là che cho thân nó không kín. Chắc là những thứ giẻ khươm mươi niên, người ta vứt đi, vì bợt quá. Nhưng nay nó buộc miếng nọ với miếng kia, díu mảnh này vào mảnh khác, và vì dùng lâu ngày, nên cũng dày thêm bằng tầng mồ hôi, quện với ghét, và bụi. Đố ai đếm nổi tất cả có bao nhiêu chỗ rách và những chỗ rách ấy hình gì. Đố họa sĩ nào pha đúng được màu quần áo ấy - và nếu có cởi những thứ ấy ra, đem treo lên cho công chúng đoán - đố ai dám nói đó là đồ mặc của người.

Vậy thì, với bộ quần áo xơ mướp ấy, nó biến thành một cái bù nhìn. Bù nhìn là cái khung có hai tay và hai chân làm bằng ống tre, thì nó cũng là cái khung có hai tay và hai chân chẳng to hơn mấy. Bù nhìn có bộ mặt chẳng thành hình, thì nó có bộ mặt cũng dùm đó, xấu xí như con ma dại.

Nhưng bù nhìn chỉ làm cho chim chóc phải sợ hãi, nhưng nó thì có thể làm cho người ta không dám đến gần. Vì đến gần nó, trông thấy nước da đen sạm, dãn đeo của nó, người ta tưởng như đó là cái thây ma chưa tiêu hết hiện về. Và cũng có mùi hôi thối xông lên. Và cũng có ruồi nhặng bám vào để hút chất bẩn.

Thật thế, một đồng rác, chưa đáng sợ, đáng tởm bằng nó. Vậy mà nó phải đi hết chỗ này đến chỗ nọ, để kiếm cái nhét vào dạ dày.

Để nó sống.

Vì nó chưa chết.

Nó đã đi ăn mày. Nhưng ai cũng đuổi nó quây quây. Người ta quen cho những người sạch sẽ, có nét mặt đáng thương, có quần áo còn dính đôi chút mỹ thuật. Người ta chỉ bố thí cho kẻ ăn xin "hạng nhất". Còn nó, nó đi đến đâu, người ta đóng cửa, người ta chửi, hoặc người ta mặc kệ cho chờ chán thì phải cút.

Cho nên nó phải làm lấy mà ăn. Nó đến các chợ, vét những tí bánh còn dính trên lá, và gặm những mẩu khoai vớt còn queo trên đất sạn. Nó lạy van đũa ăn xin khác bớt cho nó chút canh cặn cơm thừa.

Nhưng mấy hôm, chỉ có ngân ấy thứ tọng vào bụng, nó sống làm sao được? Nó phải ăn đến thịt nó. Bởi thế, nó gầy hơn, nó còm hơn, nó đét lại, không đủ sức lê nổi tấm thân đã mòn. Bởi thế, chân tay nó lúc nào cũng run rẩy như cây sậy, mắt nó gương to tướng, nhưng vẫn lơ đờ. Nó không bệnh tật gì, song nó ngây ngô như người ốm.

Hôm nay thì nó lả đi rồi. Tai nó ù. Mắt nó loá. Nó nằm vật ở lề đường. Miệng nó há hốc ra vì đói.

Nó chỉ thèm được ăn.

\*

\*      \*

Bà ấy thì đến một tháng nay, cứ phải uống thuốc mãi.

Đầu tiên, ông đốc tờ tây đi ô tô đến nhà, đem đủ các thứ đồ dùng để nghe ngực, thử máu. Rồi ông bóp trán, kê cái đơn, mua mất ngót một chục đồng bạc thuốc.

Nhưng uống thuốc, mà bà ấy vẫn thấy thế, bà bỏ dở không dùng.

Có người mách một bác sĩ người Nam chữa bệnh giỏi lắm. Bà ấy cho mời liền. Và cũng như bận trước, thuốc không công hiệu.

Bà cho là thuốc tây không hợp với tạng bà. Thuốc tây chỉ tài về khoa cấp cứu. Chứ bà phải dùng thuốc bắc. Thuốc bắc, tuy hiệu nghiệm chậm, nhưng khi đã ngấm vào trong tạng phủ người ta, thì nó chắc chắn lắm. Nó hợp với bà hơn.

Bà bèn mời một ông lang ta. Quả nhiên, ông lang cũng đồng ý với bà, bảo rằng thuốc tây chữa người Nam không được. Vì nó chỉ làm để cho người Tây dùng. Vả lại, đốc tờ chỉ hay dọa dẫm, động một tí là lao, là đau dạ dày, là thương hàn, là đến một nghìn thứ bệnh nguy hiểm khác.

Ông lang rón hai ngón trên cổ tay bà, trầm ngâm. Ông lim dim đôi mắt. Rồi lúc tóm trúng bệnh, ông lấy bút giấy kê đơn lập tức. Ông hẹn uống một chén, bà sẽ thấy khác ngay. Uống đến ba chén, bà không còn một tí gì khó chịu trong người nữa. Lúc đó, chỉ cần dầm thang thuốc bổ, là bà lại khỏe mạnh như thường.

Bà cho người lên hiệu bào chế cân thuốc. Bà yên trí thuốc có nhiều vị đắt tất là hay. Bà chẳng tiếc tiền, bỏ ra hơn năm đồng, đổi lấy một bát nước sánh như mật.

Nhưng nghe ngóng một hôm tròn, bà chẳng thấy bệnh chuyển. Vẫn thế.

Kiên tâm, bà lại cân chén nữa. Và chén nữa. Nhưng bà lắc đầu, chịu không thể tin được mấy ông lang ta chỉ khuyếch khoác cái mồm.

Rồi bà mời đến ông thầy khách. Thầy khoe nhà thầy đã ba đời làm thuốc ở bên An Nam. Thầy nói tiếng An Nam sõi như người An Nam, tuy thầy đã già và tứ đại đồng đường. Nhìn bộ râu bạc dài dưới cằm thầy, con bệnh tin nhiệm ngay. Vậy mà thầy cần làm khách hàng tin nhiệm hơn, nên hết gièm pha thuốc tây, đến chê bai



các ông lang An Nam. Thầy rằng không ai biết gì hết. Duy thầy mới khiến nổi bệnh này.

Thầy cũng xem mạch, và xem cẩn thận lắm. Thầy hỏi vặn từng tí, và sau hết, bảo bà cho người nhà theo về hiệu lấy thuốc. Thầy cam đoan bà uống thuốc này không phí tiền.

Nhưng chán chưa! Thuốc ấy cũng chẳng ăn thua gì cả.

Lạ quá. Bệnh gì lại có bệnh thuốc không trị nổi bao giờ!

Bà ấy có bệnh gì?

Không biết.

Vì mấy ông thầy thuốc không ông nào nói rõ.

Nguyên là bà ấy béo quá - Gớm! Béo đâu có béo lạ béo lung thế! - Béo đến nổi hai má chảy ra, cổ rụt lại. Béo đến nổi bụng sệ xuống. Béo đến nổi trông phát ngấy lên!

Mà bà ấy lại giàu nữa mới rầy rà chứ! Nhà, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. Ruộng, bà ấy có hàng trăm mẫu ở nhà quê. Tiền, cạnh tường buông ngủ, cái két khổng lồ, lúc nào cũng chứa hàng tập giấy trăm lớn.

Bà ấy có đủ điều kiện để sung sướng.

Nhưng chỉ có một tí xiu mà trời chẳng chiều cho ai được hoàn toàn. Là bà ấy yếu dạ lắm.

Bà ấy chỉ phiền về mỗi chỗ ấy.

Thế mà hôm cuối tháng trước, một bà bạn mời bà ấy đến ăn cỗ cưới con gái. Bà ấy đã tính chối từ, song lại sợ bị trách.

Cho nên bà ấy phải dằn lòng đến ngồi vào mâm cơm.

Bà bạn gấp tiếp, ép ăn những bóng, những mực, những long tu, những vây cá, và đến trăm thứ khác nữa.

Nể bạn, bà ấy ngắc lên đến cổ. Và lo quá, vì biết rằng xong bữa cỗ này, rồi thế nào cũng có chuyện lôi thôi to đây.

Quả nhiên, từ hôm ấy đến nay, bà ấy cứ thấy bình bịch cái bụng, lúc nào cũng đầy đầy, không tiêu, khó chịu quá.

Khổ thật! Thuốc thang chịu, uống đến thế mà bà ấy không đói cho!

Bà ấy chỉ thêm ăn được.

## Sáng, chị phu mả

Rửa xong bát đĩa, Sáng cầm đèn hoa kỳ vào buồng, đặt trên mặt hòm, rồi mở màn, bảo mẹ:

- Bu ở nhà, con đi đàng này một tý nhé.

Bà già như đã đoán được ý con, cửa mình nằm quay mặt ra ngoài, rên rĩ, nói:

- Thôi, con ạ, không thuốc thang gì nữa đâu. Đừng đi vay mượn, rồi lại mắc nợ. Bu đã qua cầu ấy, bu sợ lắm.

Sáng thở dài, sờ lên đầu mẹ, rồi nhăn nhó, nói:

- Thế này mà bu cứ không chịu uống thuốc. Bu sốt nặng hơn ban trưa đây mà.

- Tại bu đắp nhiều chăn đấy. Cứ để vậy, rồi khỏi. Bu không muốn để nợ cho con đâu.

- Bu đừng tiếc tiền. Hôm kia, hôm kia, bu uống luôn hai chén, nên đã gần khỏi. Giá bu cứ để con đi xoay xỏa, lấy tiền cân hai chén nữa, thì chắc hôm nay cất cơn rồi.

Mẹ Sáng cảm động, lắc đầu, nắm lấy tay con:

- Bu thấy tình cảnh nhà thế này, bu chả muốn thuốc thang tí nào cả. Uống chén nào vào mồm, đeo nợ chén ấy, thì uống làm gì.

- Nợ thì rồi giả, chứ có ăn không uống không của ai mà bu ngại. Vả lại con giật tạm của các chị ấy, chứ có vay của ông cai Nhã đâu.

- Mày nói dối. Bu lại không rõ tất cả các phu phen làm ở mả này hay sao. Ai thừa tiêu cho mày giật mượn được. Thầy mày ngày xưa làm ở đây hơn hai mươi năm, thật là ăn tiêu vắt cổ chày ra nước, thế mà lúc bị sập lò chết đi, còn để lại món nợ, giả mãi mới hết.

Sáng thở dài, đáp:

- Bu để yên con nói cho mà nghe. Có phải con hỏi mượn một người đâu, mà bu chắc rằng không có. Con vay mỗi chỗ một tí, cho nên dễ, bu ạ.

- Thế rồi lấy gì mà giả?

- Rồi kỳ lương này, con trang trải thế nào cũng xong. Bu cứ yên tâm.

Bà già lắc đầu, thương hại con, hỏn hển thở:

- Tao bảo mày cứ không nghe. Vừa trưa hôm nay, tao thấy mày bàn nhau với chị Nhân là vay ông cai Nhã kia mà. Nợ ai, chứ nợ lão ấy thì khổ đấy, con ạ.

- Con biết rồi. Con đã bảo con không vay ông ấy đâu mà.

- Nhưng mà cũng không được vay đâu cả. Liệu mà nghỉ ngơi, rồi đi ngủ, sáng mai còn đi làm.

Rồi bà than thở một mình:

- Hai hôm nay, gạo đã phải đi vay rồi, bây giờ lại còn cắt thuốc cho mẹ. Nhục quá, nghèo ời là nghèo!

Bỗng hai dòng lệ ứa ra, làm ngập đuôi mắt, rồi từ từ chảy xuống mang tai, bà nằm quay vào trong, thở những hơi dài thống thiết.

Sáng buồn rầu, nói:

- Bu cứ uống thử thêm hai chén nữa. Bởi vì, nếu tiếc tiền, rồi sốt nặng hơn, thì làm thế nào!

Mẹ Sáng đập tay gắt:

- Đấy, tao kệ mày. Mày khó bảo quá!

- Được, bu cứ kệ con.

Nói đoạn, Sáng thu dọn trong nhà, hạ các liếp cửa xuống, vắn nhỏ đèn lại, rồi lách ra đường.

\*

\*      \*

Cũng giờ ấy, cai Nhã chờ cho các ký lục trên nhà giấy về hết, mới vào báo cho chủ Nhì biết tin mừng:

- Thừa ông, tối hôm nay, xoi cơm xong, ông có bận việc gì không?

- Không, anh muốn gì?

Nhã ghé gần lại, ti hí đôi mắt lơn, nói nhỏ:

- Cái con bé xưa nay ông vẫn ước ao, tối nay, tôi sẽ dắt vào cho ông.

Ông chủ tươi cười, vuốt vãnh bộ râu ngược lên, rồi khoanh tay trên bàn, hất hàm hỏi:

- Con bé nào thế nhỉ?

- Con bé tên là Sáng, vẫn ngồi bên cạnh bà già ở đầu phía tay trái nhà máy ấy mà. Chả có lần ông khen nó đẹp là gì.

Ông chủ chột nghĩ ra, gật gật, đáp:

- Phải, tôi nhớ ra rồi, cái con bé có bộ ngực to bằng ngân này ấy chứ gì?

Hai thầy trò nhìn nhau, cười híp mắt. Nhã nói:

- Chính đấy, tôi vẫn bảo nó là vì ông nhân từ, thương đến ngày xưa cha nó chết về công việc của sở, nên mới ban ơn cho nó vào làm.

- Thế rồi sao?

- Tôi xem ý nó, thì nó không như những đứa khác. Nghĩa là nó không nhí nhảnh, dễ dãi đâu.

- Thế bây giờ?

- Bây giờ là tôi làm ơn cho nó.

- Anh làm ơn cho nó?

- Phải, vì mẹ nó ốm.

- Sao?

- Để tôi nói hầu ông nghe. Ban nãy nó tìm tôi, hỏi vay tôi mấy đồng bạc mua thuốc cho mẹ. Xin ông biết rằng lần này là lần đầu mà nó nhờ tôi về tiền nong.

- Thế nó phong lưu à?

- Không, ông tính làm phu đủ ăn là may lắm, chứ còn thừa thãi sao được. Giá nó không vì mẹ ốm, phải tiêu bất thường và vay loanh quanh bạn hữu không được, thì chưa khi nào nó chịu nói với tôi.

- Đó là sự thực, hay nó tìm dịp đến gần anh?

- Tôi mong đó là nó nói dối, thì cách hành động của tôi mới có kết quả. Nhưng, thưa ông, mẹ nó ốm thực.

- Thế anh bảo nó thế nào?

- Tôi bảo nó là tôi không có sẵn, nhưng tôi có thể đưa nó đến mượn tiền ông. Nó sợ ông, không dám đi, nhưng tôi đã cắt nghĩa cho nó nghe rồi.

Ông chủ cười, khen:

- Tốt lắm.

- Phải, dịp tốt đến cho ông trong khi bà về Hà Nội. Tối nay, tôi sẽ lên đây. Nhưng điều cần nhất, là ông nên xử trí cho khéo, kéo con bé ấy tai quái và liều lĩnh lắm.

- Không ngại.

- Tôi nên dẫn trước ông thế, vì con Sáng này không như những con trước tôi dắt đến cho ông đâu.

- Được rồi. Tôi cảm ơn anh.

\*

\*      \*

Khoảng hơn tám giờ tối, Sáng lo lắng, theo cai Nhã đi trên con đường bờ quanh sườn đồi, lên nhà chủ. Chị chẳng biết việc vay tiền chủ có kết quả gì không. Chị liều mà nghe lời Nhã, theo vào chủ để vay tiền. Chị chỉ mong mẹ chị có thuốc uống. Chị biết Nhã vẫn dắt gái đến cho chủ, thì rồi đây, thế nào chị cũng bị mang tiếng. Song, chị chỉ cốt lương tâm biết mà thôi.

Đến cổng, Nhã tặc lưỡi, nói:

- Nghề thế, chị nghe chưa, mình đi làm thì phải chiều ý chủ. Tôi thấy chị cứ khùng khỉnh với người trên, như thế không nên.

- Thì cụ bảo cháu làm thế nào?

- Ô, cái đó chị nghĩ thì ra chứ. Giá như chị năng đi lại với chủ, có phải lần này chị chả phải nhờ đến tôi mới vay được chủ hay không.

Sáng hiểu ý, không đáp. Chị nhìn xuống chân đồi, chỗ tối om, có những mái nhà tranh xám, là xóm thợ thuyền.

Tới thêm, Nhã bảo:

- Chị chờ đây, tôi vào nói trước đã.

Sáng đứng lại, thở mạnh một cái:

- Chào! Mệt! Giá cù lên một mình nói hộ cháu cũng được, cháu đỡ phải leo dốc.

Sáng đứng một mình, ngắm cái nhà cao lồng lộng. Chị lay trời cho chủ bằng lòng cho chị vay lương. Một lát, Nhã vui vẻ ra, vậy Sáng:

- Được rồi. Chủ bảo chị vào mà ký nhận lấy tiền.

Sáng mừng rỡ, trống ngực nổi mạnh:

- Thế cù vào với cháu chứ?

- Không cần!

Sáng ngần ngại, rồi nói:

- Cù chờ cháu ở đây nhé.

Cai Nhã tròn đôi mắt trắng dã, gất:

- Có mau lên không, bắt ông ấy chờ à?

\*

\*      \*

Sáng vừa vào, ông chủ đã làm ngay như mọi bận. Ông đến cửa, vặn khóa, bỏ thìa vào túi, và nhả nở cười, ôm thốc lấy người con gái. Không nết tẻ gì cả. Bởi vì ông yên trí là hạng này chỉ là những vật cho ông tiêu khiển khi vắng vợ. Họ với ông cách nhau một trời một vực, thì nói chuyện làm gì cho mất thì giờ. Ông là chủ kia mà, cần gì phải tán tỉnh lôi thôi.

Nhưng lần này khác. Bỗng ông bị cưỡng kịch liệt.

Sáng quần quai trong cánh tay ông, kêu to:

- Ô hay, ông này mới hay chứ! Tôi vay ông tiền mua thuốc cho bu tôi, sao ông lại làm thế này?

Ông chủ không hiểu tiếng, nên mặc kệ. Hai bắp tay ông nổi lên, ông hết sức ghì chặt lấy Sáng, và ghé môi vào má chị. Sáng càng giãy giụa. Chị giận, mặt đỏ bừng bừng. Chị hết sức chống cự

lại con quỷ dâm dục. Rồi biết mình yếu hơn, chị nắm được râu ông ta, rút mạnh, và kêu to hơn, rồi găm lên:

- Ôi giờ ôi! Ông buông tôi ra!

Nhưng đầu tóc chị xổ ra rũ rượi. Mà ông chủ vẫn nói những điều bằng giọng dỗ dành. Người ông ta nóng ran, mồ hôi mướt ra. Và vì thế, hai cánh tay trơn như phết mỡ.

Sáng thở hồng hộc. Máu hăng chị sôi lên sùng sục. Chị quào mặt ông chủ, và luồn tuốt được đầu ra ngoài. Song, nhanh như chớp, ông chủ lại vô ngay được chị, làm chị ngã giúi xuống, bị cả sức nặng của cây thịt vạm vỡ nằm đè lên trên.

Biết thế nguy, Sáng hết sức lăn lộn một chập nữa. Chị đạp chân, cựa tay:

- Ông buông tôi ra! Ông đều lắm! Tôi tự tử bây giờ!

Song, cuộc vật lộn càng hăng hái. Gần đạt đến đích, ông chủ không tha.

Độ năm phút sau, khi hết hơi sức, và biết rằng không thể cưỡng hơn được nữa, chị mới quyết liệt. Chị đã không khỏe để trừ dâm thần, thì chị đành huỷ hoại thân chị để lánh nạn. Chị bèn giơ mười đầu ngón tay cấu mạnh vào cổ họng. Rồi nhắm nhó, chị nằm sóng soài, mệt lử.

Ông chủ thấy tấn tình kịch biến thành bi kịch, vội vàng buông người con gái khó bảo ra, và đứng dậy.

Sáng thở hổn hển rồi im lìm.

Ông ta vắt hai tay ra sau, lặng ngắm Sáng. Lúc bấy giờ, ông ta có thể làm gì Sáng cũng được. Song, ông ta đứng yên.

Có lẽ ông ta động tâm, ông ta lau mồ hôi trán, giật khục tay và thở dài.

Hình như lòng nhân đạo trở về với ông ta.

Ông ta lắc đầu, vẻ mặt hối hận, lấy hai tay lật Sáng lại. Một tiếng rên rĩ làm ông ta thương hại kẻ yếu hèn.

Trong buồng yên lặng.

Nghĩ ngợi một lát, chòng chọc nhìn Sáng, bỗng ông ta móc túi, lấy ví. Rồi lặng lẽ, ông ta mở ví, thọc bàn tay vào trong ngăn. Giờ ra ánh đèn, ông tìm và bóc tờ giấy bạc năm đồng.

Nhưng vừa lúc ấy, Sáng cựa một cái, rồi ngồi nhồm dậy, thở, hai tay tựa xuống gạch.

Chị không chết, mà cũng chẳng làm sao cả.

Ông chủ vẫn nhìn chị. Ông đã bớt sợ. Và do đó, bớt thương hại. Bàn tay ông ta vẫn để nguyên trong ngăn ví.

Trong khi ấy, Sáng không dám nhìn ông. Mặt tái xanh, chị quấn món tóc rối, nhặt chiếc khăn rơi, rồi vội vàng đứng dậy ra phía cửa sổ, trèo qua tường và nhảy phắt ra ngoài.

Và cũng trong khi ấy, ông chủ tươi tỉnh, rút bàn tay ra, gấp ví lại, và bỏ vào túi. Ông nhìn theo Sáng, nét mặt mừng rỡ.

Ông mừng rỡ, chẳng phải thấy Sáng vẫn lành mạnh như thường.

Ông mừng rỡ là vì đỡ mất toi món tiền suýt nữa vô cớ đền vết thương cho con bé búng bình.

*Tiểu thuyết thứ bảy số 263; 1939*



## Người vợ lẽ bạn tôi

Cái lần tôi đến thăm anh Quý ở Bắc Ninh, vào hồi sáu tháng trước đây, là lần tôi thấy anh ấy đối với tôi nhạt nhẽo và ngượng ngịu nhất.

Tôi không ngờ và cũng không để ý đến thái độ ấy. Vì hai chúng tôi thân với nhau từ thuở ẵm chõm. Có thể nói theo lối thiếu vệ sinh nhưng đây thì vị, là "con chấy cắn đôi".

Vì chúng tôi đã lâu mới gặp nhau, nên bao nhiêu chuyện để trong bụng bấy nay, tôi lôi hết ra để nói. Và cố nhiên, khi chuyện đã hết, tôi thấy đói. Tôi ngồi yên, ngáp vặt, đợi cơm trong buồng khách tranh tối tranh sáng. Bỗng anh Quý ngáp ngừng, rồi cười và bảo:

- Này, anh ạ, cái "trống cà rùng" hồi ấy, tôi mới cho về ở đây.

Nói xong, anh lại cười, bằng cái cười chứa thẹn. Mà tôi thì sực nhớ ra.

Nguyên từ ngày Quý đổi về Bắc Ninh, anh không đem vợ đi theo nữa. Anh thường phàn nàn ở bên quê lắm việc, mà cha mẹ thì già, nên vợ anh phải ở lại để trông nom cửa nhà và đồng áng.

Bởi vậy, nghề thế, được thả lỏng, anh đâm ra chơi bời. Và không hiểu tí toáy thế nào, mà cô đầu Huệ có mang với anh.

Hồi ấy, anh có cho tôi biết. Và trong thư, anh gọi Huệ là "Trống cà rùng".

Cho nên vừa nghe ba tiếng "Trống cà rùng", tôi vội nói:

- Thế à? Đã đẻ rồi kia à?

Quý thấy tôi không tỏ ý gì, cười rõ to, vui vẻ đáp:

- Ồ, đã hơn hai tháng nay.

- Con trai hay con gái?

- Con trai. Tôi mới cho mẹ con nó về đây hôm qua.

Rồi búi ngủ, anh tiếp:

- Bởi vì dưới ấy, nhà ở thiếu vệ sinh, mình trông thấy đứa bé mà không yên tâm chút nào. Gia dĩ, con mẹ chủ nó cứ dọa đuổi.

- Phải, làm cô đầu lại có con, thì ai người ta nuôi báo cô.

- Không phải thế. Từ ngày nó có mang, tôi vẫn phải cấp tiền. Nhưng mình thì tốn kém mà nó phải chịu rúc trong cái chái nhà ẩm thấp, tối tăm, cửa giả chả có. Nhất là từ ngày nó đẻ, tôi càng không đang tâm cho thằng bé con ở đây.

- Thế chị ấy đã biết tin này chưa?

Quý thở dài:

- Chưa. Nhưng tôi giấu sao nổi. Nhà tôi chẳng bằng lòng cũng chẳng được.

Nói đoạn, anh đứng dậy, rủ tôi:

- Anh vào mà xem mặt thằng bé. Nó giống tôi lắm.

Tôi theo Quý. Đến buồng ngủ, tôi nhìn vào trong giường, nhưng Quý cười, bảo:

- Huệ nó len lét, cả ngày chẳng dám lên nhà trên.

Qua sân xong, chúng tôi cúi đầu cho khỏi đụng mái bếp. Đứng trong nhà mà ngọn lửa lập lòe của mấy thanh củi cháy lom dom không đủ làm cho đỡ tối, tôi bị khói làm cay cả mắt, và rất khó thở.

Tôi dừng lại để nhận kỹ. Cạnh lò, người bếp đương thổi cơm, và tận góc phản ngả mâm, một người quần áo thâm đen ngòm, ngồi bế con. Quý đến gần, đánh diêm soi vào mặt thằng bé đang ngủ say. Tôi nhìn nó, nhân tiện liếc trộm vào mặt Huệ. Người đàn bà thấy có khách lạ, lại bị ánh sáng chiếu gần, thì bẽn lẽn, cúi gằm xuống, và cũng không dám nhếch mép để chào nữa. Vì chắc người ấy không rõ tôi là bạn hay họ với Quý, và biết chào là gì.

Không muốn đứng đó để Huệ thẹn lâu, tôi quay gót đi lên. Và bảo Quý:

- Trong bếp khói quá, thở rất độc. Anh nên cho thằng cháu lên nhà trên.

Quý chán nản đáp:

- Mặc kệ, bảo mãi chẳng nghe. Biết thế, tôi không cho về đây lại xong. Vì về đây, mà cứ cả ngày chúi xuống bếp, thì cũng thế.

Tôi nói nhỏ:

- Thì buổi đầu về nhà lạ, ai chả ngỡ ngàng?

- Anh bảo ngỡ ngàng với ai? Cả nhà chỉ có tôi với thằng Hương, với thằng bếp, còn thẹn thò quái gì nữa?

Viết đến đây, tôi cần ngoặc dấu chua nghĩa để nói rõ rằng thằng Hương là con trai anh Quý, đã lên năm, và người làm bếp là cháu họ xa của anh, theo anh gần mười năm nay để giúp việc thổi nấu. Anh rất tin cẩn hẳn, vì hẳn thật thà có một. Nội tiền nong, và thìa khóa hòm, tủ, anh vẫn giao cho hẳn giữ. Anh coi hẳn như cánh tay phải, như người nội tướng đảm đang vậy.

Tôi hỏi:

- Thằng Hương đối với Huệ ra làm sao?

- Nó bé, đã biết quái gì.

- Thế Huệ đối với nó?

Quý tự đắc đáp:

- Huệ sợ cả từ thằng bếp sợ đi!

Vừa lúc ấy, người bếp dọn cơm lên bàn, Quý cười, chỉ vào hẳn và nói:

- Chẳng tin, anh cứ hỏi nó mà xem.

Người bếp vui sướng, khoe:

- Thật đấy, thưa cậu. Cô ấy vâng cả với con. Con bảo mãi mà cô ấy vẫn cứ quen mồm. Cô ấy chả dám nhờ con làm việc gì cả. Lắm lúc con rồi, thấy cô ấy vừa bế em vừa đun nước pha sữa, con tranh làm hộ, nhưng cô ấy nhất định không nghe. Bất đắc dĩ, muốn bảo con làm việc gì, thì cô ấy đến tận nơi, khẽ nói: "Anh làm phúc chịu rầu hộ tôi việc này, việc nọ". Ăn cơm, cô ấy cũng mời con một cách lễ phép.

Tôi cười nói đùa:

- Phải, bởi vì anh là một nhân vật quan trọng trong nhà này.

Bữa ăn ấy, Huệ không dám ngồi với chúng tôi. Người đàn bà địa vị kém cõi ấy không rời ra khỏi xó bếp. Vì chắc chị ta tự xét chỉ xứng đáng với nơi thấp hèn ấy mà thôi.

\*

\*      \*

Cách đó hai tháng, một hôm tôi có việc phải qua Bắc Ninh. Nhân tiện, tôi vào thăm anh Quý.

Nhưng lúc ấy, cả Quý lẫn Huệ và người bếp cùng không có nhà. Tôi hỏi thằng Hương về em bé nó, thì nói nói:

- Vú em bế sang chơi nhà bên cạnh.

Tôi chờ trong chốc lát. Bỗng có chiếc xe đồ phịch trước cửa. Một người đàn bà mở ví tay lấy tiền trả xong, thoăn thoắt mở cửa bước vào. Tôi biết ngay là Huệ, vì còn nhớ mặt, dù lần trước mới thoáng trông trong bóng tối.

Huệ hôm nay không phải là Huệ hai tháng về trước. Huệ hôm nay hoàn toàn là một thiếu phụ tân thời, vợ ông phán trẻ.

Chị ta thấy tôi, cúi đầu xuống chào, và nói một cách bạo dạn:

- Bác mới sang chơi? Nhà em cũng sắp về.

Đoạn Huệ vào buồng ngủ. Tôi để ý, thấy tiếng loảng xoảng chum thìa khoá, và tiếng cánh cửa tủ kệ mở và đóng đánh sình. Đoạn Huệ gọi bằng tiếng lạnh lạnh:

- Vú em ơi!

Không thấy ai đáp, chị ta gọi:

- Hương! Vú em đâu?

- Thưa dì, vú ấy ở bên bà đốc ạ.

- Gọi vú ấy về đun nước bác xoi chứ? Con nhà, chẳng biết gì cả?

Rồi Huệ vui vẻ chạy ra nói với tôi:

- Thưa bác, chúng nó đoảng quá. Bác miễn trách cho. Cả thằng bếp nữa, đi tám năm trống canh chưa về!

Hôm ấy, thật tôi rất ngạc nhiên về sự thay đổi từ cử chỉ cho đến cách ăn nói của Huệ. Tôi không thấy tăm bóng người đàn bà sợ sệt, len lét ngồi dưới bếp nữa. Tôi chỉ thấy một người hóm hĩnh, cố khoe tài nội trợ. Người ấy mặc vú em không coi nhà, sai đầy tớ quạt than để là quần áo, và xuống bếp làm giúp đồ ăn. Rồi khi người bếp bưng cơm ra buồng khách, thấy tôi, anh ta ngó cổ vào trong nhà. Khi yên trí rằng không có ai, anh ta mới đứng cạnh tôi, thở dài, bĩu môi, thì thầm than thở:

- Động có khách lạ đến, là làm ra dáng chăm chỉ lắm. Còn lúc không, cả ngày chỉ nằm ăn vạ trên giường để nhổ vật. Đến nỗi con cũng không nuôi nổi, phải thuê vú em. Ấy thế mà còn đòi các, lắm

lúc mắng vú em như tát nước vào mặt. Thừa cậu, cậu con bây giờ ăn ở khác lắm, không được như trước nữa. Cậu con cả nghe cô ấy lắm, nhiều lần mắng cả anh Hương lẫn con. Ngày trước, nói đến cô ấy, cậu con vẫn gọi là nó, và dặn con nên trông nom cửa nhà cẩn thận, kéo cậu con không tin cô ấy đâu. Thế mà bây giờ đã giao thừa khoá tử cho rồi. Con tính nay mai cậu con đưa nốt lương tháng cho cô ấy chi tiêu nữa, là cửa nhà tan nát.

- Thế mợ phán đã biết cậu có vợ lẽ chưa?

- Cũng đã có người nói đến tai. Mà từ lúc cô ấy hỏi dò, biết mợ con hiền lành, thì lại càng giở ra nhiều cái nực cười. Cô ấy làm nũng cậu con, có ý giữ cậu con, chẳng muốn cho đi lại chơi bời với ai. Thỉnh thoảng, đối với con, cô ấy cũng không coi vào đâu. Tưởng chừng như cô ấy muốn coi con như hạng đầy tớ khác. Từ ngày cô ấy về, cậu con không tin cậu con như trước nữa. Mà con làm việc gì, có cô ấy xen vào, con thấy khó chịu lắm. Hình như cô ấy tức cả cái tự do của con vậy.

- Cô ấy thay đổi chóng lắm nhỉ.

- Vâng. Trước kia ai chẳng tưởng cô ấy chỉ cả ngày loanh quanh dưới bếp, sợ hãi từ con trở đi. Chứ có ngờ đâu. Nhưng độ một tuần, cô ấy đã mon men hay lên nhà trên. Rồi đi đứng, nói năng quen đi, không ngượng ngịu nữa. Và đã mấy lần có bạn đến, cô ấy tiếp, nhưng chỉ thì thầm với nhau trong buồng trong. Cô ấy có dám lộ mặt ra đến phố đâu. Mà động thấy có ai lạ vào nhà, là thụt cho mau xuống bếp. Nhưng dần dần, độ ngoài một tháng, thì khi vắng cậu con, cô ấy đã mời khách ngồi ở xa lông, nói năng, cười đùa râm râm. Song cô ấy sợ con mách, nên nói lớt, ngọt ngào lắm. Bây giờ thì bà ấy công nhiên mời khách ngồi ghế bành thả cửa, dù cậu con có nhà cũng vậy. Và thỉnh thoảng lại sĩ diện, quai mồm ra gọi "Bếp ơi!". Con hầu cậu con, chứ con việc gì phải làm đầy tớ đồ đi ấy. Con chẳng ra gì cũng là cháu cậu con. Con gọi cô ấy là cô đã là quá đáng. Vì con sợ cậu con mà nhận cô ấy là vợ lẽ, chứ bất quá cô ấy chỉ ngang hàng với con là cùng!

Bữa cơm hôm ấy, Huệ cùng ngồi ăn với chúng tôi. Nàng cử chỉ lễ phép, không dám nói chuyện, chỉ thỉnh thoảng săn sóc cơm nước, sai bảo người bếp một cách ngọt ngào mà thôi.

\*

\* \*

Nhưng hôm nay thì không thế nữa.

Hôm nay, vì anh Quý viết giấy mời tôi về Bắc Ninh để anh hỏi ý kiến về chuyện gia đình, nên tôi đến thăm anh.

Anh nhờ tôi nuôi thằng Hương để dạy dỗ nó, nói thác rằng nó mền tôi, chỉ đòi được ở với tôi. Nhưng tôi biết thừa là thằng bé khốn nạn đã nhiều lần bị vợ lẽ của cha đánh đập tàn nhẫn.

Khi tôi hỏi sao người bếp không ở với anh nữa, thì Quý còn tức giận, đáp:

- Anh tính, bạc ác đến nó là cùng. Nó đi theo tôi từng ấy năm. Trước kia tôi giao cả tiền nong cho nó, mà có một lần, nó nỡ ăn cắp của tôi.

- Anh bắt được?

- Bà cụ nhà tôi, à, bà để ra Huệ ấy mà, rình bắt được. Chứ tôi tin nó quá, nên không ngờ.

Lúc ấy, Huệ ở nhà trong, chạy ra, nói xen vào:

- Vâng, nó lấy cửa nhà tôi hai chục, giấu trong hòm. Thì ra trước kia, giá nhà tôi có bị nó rút ruột rút gan bao nhiêu cũng không biết.

Quý nhìn vợ, cười nhạt, rồi nói với tôi:

- Cho nên tôi phải giao tiền nong cho nhà tôi giữ. Mình thì bận, còn có lúc nào để mắt đến hết mọi việc được.

Huệ nói:

- Rồi, thưa bác, muốn chừng biết từ nay không thể xơ múi gì nữa, nó mới chán cảnh, và cứ sinh sự với tôi. ấy, đi ăn đi ở mà cứ hỗn với chủ nhà, thì bác tính còn trời đất nào nữa. Tôi mới bảo nhà tôi đánh cho một trận và tống đi.

Thấy Huệ nói giọng lên bộ quá, tôi hiểu tất cả ẩn tình. Đây tởn trung thành bị đuổi, con rút ruột phải xa lìa, không rõ Quý có hiểu hiện gia đình anh đương bị một cuộc ngoại xâm ghê gớm hay không? Nhưng vẫn không thấy tình thế nghiêm trọng, anh còn khoe thêm rất tự đắc:

- Bây giờ tôi nuôi thằng bé này, cũng như thằng bếp trước, vì nó là người làng nhà tôi đây. Nó ngoan lắm.

Tôi cười nhạt, không trả lời.

Tôi muốn nói cho Quý rõ về thực trạng gia đình anh. Muốn chừng Huệ hiểu ý. Cho nên, khi ăn cơm xong, như mọi lần, tôi rủ Quý đi chơi phố. Song, thoáng thấy Huệ đưa mắt cho chồng, thì Quý ra ý ngần ngừ, khó chịu. Nhưng đồng thời, người thiếu phụ kêu khó ở, vào buồng nằm.

Quý theo Huệ vào một lát, rồi lúc ra, anh cố tươi cười để lấy lòng tôi, và nói:

- Nhà tôi nó mệt, anh cho đến khi khác.

\*  
\*      \*

Tôi biết Quý không còn khi nào để có thể đi chơi với tôi. Vì cả đến cái tự do của anh cũng bị cô vợ lẽ chiếm nốt. Hẳn từ nay, tự nhiên hoàn toàn anh bị tước quyền làm chủ nhân ông.

Thì ra ở đời, mỗi khi nước nọ xâm chiếm nước kia, cuộc chinh phục về mặt kinh tế, về mặt chính trị, cũng đi dần dần từng bước nguy hiểm như vậy.

Tôi đã thấy bao nhiêu ca thế rồi.

*PTBNS số 48; 1-12-1939*

## Công dụng của cái miệng

Mẹ chồng chị cu Sứt chết vừa nãy. Tin ấy chẳng mấy chốc bay đi khắp làng.

Ở nhà quê, có việc gì con con xảy ra mà người ta không biết ngay tức khắc? Huống hồ mẹ chị cu Sứt ốm liệt giường liệt chiếu đến dăm hôm nay và cấm khẩu từ lúc gà gáy.

Cho nên, cần gì phải đăng cáo phó trên báo, các cụ, các quan, các ông, các bà cùng thân bằng cố hữu mới biết?

Thật vậy, trên từ "các cụ" lý trưởng, thư ký, giữa đến "các quan viên" hàng xã, rồi đến "các ông các bà" hàng xóm, dưới đến "thân bằng cố hữu" cùng đình của anh Cu ngày xưa, chỉ trong một loáng, miệng nọ truyền sang miệng kia, ai nghe tin đau đớn cũng điềm nhiên và cho là có thêm một chuyện mới để gặp người quen thì nói.

Rồi họ tỏ cảm tình với người quá cố.

"Thân bằng cố hữu" thì bảo nhau để sửa soạn:

- Này, có liệu trốn đi không, kéo chị ấy đến nói khó nhờ khênh đòn lại nể, mất công mà chẳng được gì.

"Các ông" thì phê bình:

- Già mà nghèo, không có tiền uống thuốc, thì chỉ ốm một trận xoàng cũng đủ nghèo.

"Các bà" thì dài lời hơn. Đại khái:

- Ồi giời ôi thế à? Thế thì bà ngồi đây nhé, để tôi chạy ù lại đằng ấy, giao hẹn với chị cu Sứt là mẹ chị ấy còn vay của tôi năm đấu gạo độ trong năm đấy.

Hoặc:

- Ngày xưa, ông ấy (tức là chồng người chết) có phúng ông tôi ba hào thật, nhưng lúc ông ấy chết, bà tôi đã phúng lại những ba hào với một canh cau, cau dạo ấy đắt. Thế mà khi bà tôi mất đi, bà



ấy làm ăn còn khá, tôi chả thấy bà ấy phúng lại cái gì, thì việc gì bây giờ tôi phải phúng giả nợ.

"Các quan" thì nhìn nhau, lắc đầu một cách nhặt nhẻo:

- Nhà nào chứ nhà ấy thì suông, còn có cóc khô gì mà mời chúng ta nữa.

"Các cụ" thì tức lắm. Cụ lý bảo cụ ký:

- Mẹ kiếp, không khéo cụ lại mất giấy mực khai báo toi. Làm thư ký mà từ đầu năm, trong làng chỉ rặt những đám chết thế này thì lấy gì mà hút. Thật là quá quắt, cụ nhỉ?

\*

\* \*

Nước ta là nước văn hiến. Ai cũng bảo thế. Bởi vậy, những việc Quan, Hôn, Tang, Tế, đều phải làm theo lễ nghi. Trong nhà, lỡ ra có người chết, đổ ai không mở sách ra tra, hoặc hỏi han người quen việc, xem phải làm những gì.

- Chẳng may bà cháu nằm xuống, nhờ bác bảo hộ tôi nên thế nào.

Chị cu, nước mắt chạy quanh, rẽ hàng rào râu bụt, hỏi bác đi Tư câu ấy. Bác đi nghĩ một lát, rồi đáp:

- Thôi thì tùy gia phong kiệm, mà tử đắc táng vi vinh. Nhà bác chẳng có gì, thì kiếm bộ áo cho tốt, rồi ngày mai, rước cụ ra đồng.

- Vâng, nhưng mà tôi ăn mặc ra làm sao.

- Thì cứ phải xỏ gấu chứ, bởi vì ông cụ về trước bà cụ kia mà.

- Thế còn các cháu?

- Thằng cu phải xô gai để chống gậy thay bác giai, và cũng phải trở ba năm đấy.

Chạnh nhớ chồng và nghĩ đến cảnh goá bụa, chị cu sụt sịt. Bác đi ngăn:

- Ấy, chớ, phải may xong áo, lập xong bàn thờ mới được khóc. Bây giờ trong nhà cứ phải im phăng phắc như lúc bà cụ hãy còn mới được.

\*

\* \*

Người quan tâm đến cái chết của mẹ chồng chị cu Sút, thì ngoài bác đi Tư ra, cố nhiên là còn có cụ thư ký.

Nghe tin bà ta chết, cụ thở vắn thở dài, găt gỏng vợ con ôm tởi. Song, cụ chưa thất vọng hẳn.

Cụ chiêu một hớp nước sôi nóng, thở phì một cái, khói thuốc phiện loãng phi thẳng ra miệng. Cụ tháo diện tẩu, và, trong khi chờ cho nguội để nạo, cụ vén quần lên, gãi đùi sồn sột.

- Ở hay, nó đi đã về chưa, mà?

Cụ hỏi vậy. Nhưng không ai trả lời.

Nóng ruột, cụ lấy cái giẻ để dẹt tay, rồi vừa ngược mắt lên xà nhà để nghĩ ngợi, vừa cầm móc để nạo. Tiếng xái sào sạo long, rồi đến tiếng sắt quèn quẹt ở phía trong tẩu đã nhẵn thín. Cụ dốc miệng tẩu vào chén, gõ vào diện côm cộp, rồi lại đánh. Cụ nạo, nạo mãi, nạo quèn quẹt, dễ thường đến chảy máu tẩu.

Cụ lập bàn tĩnh lúc này khí thất thường. Mọi ngày, cụ vẫn xơi thuốc vào lúc cơm xong.

Nhưng hôm nay, cụ cần hút ngay buổi sáng. Một là để khuây khoả sự buồn bực về chức vụ: Độ này, sinh chả có, giá thú chả có, chỉ độc một số tử "chó chết". Hai là còn mấy điều xái của khách thuốc thết cụ chánh tổng tối qua, có lẽ vẫn còn dùng được, cụ hút đi cho đỡ phí của. Ba là cụ để cho chị cu Sút đến trình khai tử cho mẹ chồng, cụ lấy sự ăn tiêu xa xỉ ra làm chứng, để bảo ngọt chị phải biện cái lễ xứng đáng.

Bỗng anh người nhà về, nói:

- Thừa cụ, đích là chết rồi.

- Mà thấy tiếng khóc chưa?

- Chưa.

- Sao mà biết là chết?

- Con hỏi thăm.

- Thăm ai?

- Ngay chị cu Sút ạ.

- Tốt. Thế mà không xui chị ta biện cái gì để đi trình à?

- Không ạ.

Cụ cau mặt:

- Đồ khỉ!

\*  
\*      \*

Trong tang gia đã nổi lên những tiếng khóc thảm thiết.

Người đàn bà góa xoa tóc, gục đầu bên cạnh cái thây ma mà tru lẫn tréo lộn.

Cái thây ma ấy bây giờ đã cứng đờ trong lằn vải liệm trắng, bên cạnh đặt bát cơm, quả trứng luộc, có cắm chiếc đũa bông và dăm nén hương.

- Ôi mẹ ơi, cực nhục lòng con, mẹ đi đâu mẹ bỏ con bơ vơ như chim mất tổ...

Rồi nhớ đến chồng, chị gào:

- Ôi anh ơi, anh đi đâu để vợ con anh mất trông cậy, để thân tôi cực nhục trăm chiều, anh ơi là anh ơi!

Nhưng bỗng một tiếng quát:

- Im miệng.

Chị cu ngẩng dậy, hếch cái mũi mấn ra để nom. Chị xỉ mũi, lau vào gót chân rồi quệt đôi mắt đầm lệ:

- Lay cụ ạ.

Cụ thư ký - không biết đã sẵn sàng ở đó từ lúc nào - mặt hầm hầm, trỏ ba toong vào mặt chị, hất hàm hỏi:

- Ai cho phép mày khóc?

- Lay cụ, mẹ con chết thì con khóc.

Rồi không nhin được nổi thương tâm, chị ti tỉ:

- Mẹ ơi!

Hai mắt long lên, cụ ký giờ nắm đầu ngón tay:

- Ông thì vả vỡ tan hòng mày ra bây giờ! Mẹ mày chết, mày đã trình báo gì tao chưa, mà đã dám khóc?

- Ôi mẹ ơi, tôi có miệng thì tôi khóc, chứ ông cấm thế nào được tôi.

Cụ ký cúi tiết, hung hăng đập gậy vào chiếc quan tài, còn rộng không, nhìn tên người nhà, quát:

- Thằng Xiêng, mày vả vỡ miệng nó ra cho ông. Lôi nó ra đình kia. Khóc à!

## Người thứ ba

Nhưng còn người thứ ba nữa, cũng quan tâm đến cái chết của mẹ chồng chị cu Sứt, chẳng kém gì cụ thư ký.

Vậy mà chúng ta cứ quên.

Suýt nữa thì hoài của!

Nguyên là chị cu Sứt cũng khá thông minh - mà làm gì chẳng thông minh, khi thấy người trên bề họ một việc rất vô lý - chị hiểu ngay công dụng của cái miệng. Cái miệng, trước khi để khóc mẹ, hãy phải dùng để trình nhà chức trách biên vào sổ tử cho, thì mới đúng là trong nhà có người chết. Nếu không, thành ra mình khóc lậu à? Mà trình nhà chức trách, đổ ai làm nổi việc ấy bằng lời nói suông. Cho nên, vừa bị kéo tới thêm nhà, chị cu đã lạy van cụ thư ký bằng một món tiền. Thiên chúa ơi, bằng một món tiền... hai hào!

Tức thì, cụ thư ký nguôi giận, và không lời xềnh xệch chị ra đình nữa. Chị được "tự do ngôn luận" trước cái thầy ma.

Tin ấy cũng truyền ngay đi khắp làng. Cụ lý gật gù, khen:

- Lão ta thế mà đa mưu, giỏi!

Nhưng cụ chánh hội chê:

- Lão ta thế mà khờ. Phải tay tôi, không năm hào, tôi còn dọa.

Còn báo "phụ nữ" - thế nào các bà chả bênh vực quyền lợi cho đoàn thể -uông lời phê bình bằng những giọng văn ít chả chuốt:

- Cha con đẻ ra mẹ nó, bà thì bà kiện đến tam toà, chứ bà chịu à!

Do sự công phẫn, các bà xui chồng đến nhà chị cu, mỗi người giúp một tay.

Bởi thế, chẳng mấy chốc, mẹ chồng chị được hoàn toàn là người chết hợp pháp. Bà được người ta khênh nằm trong áo quan bày ở giữa nhà, trên thắp hương nghi ngút. Bà được một ông hơi biết địa

lý, nhanh nhẩu đi mượn la kinh, ra bãi tha ma đầu làng, ngấm hương, rồi đào sẵn huyệt. Và ông bảo giờ dần sáng mai, rước bà cụ ra đồng.

Người thứ ba, tức là ông quản lộ. Chức này, chỉ có tỉnh này mới đặt ra. Nhiệm vụ của ông quản lộ là phải coi đường làng, từ ngày xây gạch. Công việc ấy chẳng nhẹ nhàng và dễ dàng gì đâu. Hai bên bờ đất lở ư? Ông phải cho người đắp lại. Mặt đường vì mưa, bùn đất phủ lên ư? Ông phải bảo những nhà ở cạnh đường lấy xẻng giầy đi. Vô phúc con trâu nào không đi sang hai bên cạnh, mà bèn cẳng lên chỗ gạch lát ư? Ông làm biên bản. Tức thì, chủ bị phạt.

Kể trong làng có đặt chức ấy cũng tốt lắm đấy chứ? Đường làng lúc nào cũng sạch, bền, ai chẳng muốn ngấm?

Song, đó là về lý thuyết, chứ không phải về thực hành. Sự thật, người ta ít được gặp ông quản lộ ở ngoài đường. Bởi vậy, đường được rất ít hân hạnh để sạch và bền. Và những con trâu, cả trâu của ông quản lộ nữa, được nhiều hân hạnh đi lên nền gạch, thỉnh thoảng let bẹt vào đó những đồng gì kha khá to để làm duyên.

\*

\*       \*

Sáng sớm hôm sau.

Bốn người hảo tâm đã sửa soạn đòn, khênh đến đầu ngõ nhà chị cu, bày sẵn trên đường, và vào trong nhà giục tới tấp.

Chỉ từng ấy người cũng đủ nhắc nổi chiếc quan tài, vì nó mỏng, và vật chứa ở trong cũng chẳng nặng nề gì.

Chỉ là một bộ xương nhỏ nhắn, bọc bằng lần da mỏng manh.

Trong phút chuyển cữu, chị cu Sứt đứt ruột đứt gan. Chị gò lưng, cố níu cổ ván lại. Nhưng mặc kệ, nó cứ theo tám cẳng chân, tiến nhanh thoăn thoắt.

Người ta nâng đều tay để xuống thêm và ra ngõ. Người ta đặt trên đòn, úp mái vào, thấp nển, thấp hương, rồi buộc lại bốn chiếc mảnh bốn bên cho chắc chắn.

- ời mẹ ời là mẹ ời, rồi đây một ngày một xa, biết bao giờ cho mẹ con ta lại gặp nhau! ời giờ cao đất dày ời! Giường cao chiếu sạch mẹ chẳng nằm, mẹ ra nằm ngoài giữa đồng, mẹ ời là mẹ ời!

Nhưng có ai để ý đến sự kể lể thảm thiết ấy?

- Nào? Bắt tay vào! Xong ba hồi chín tiếng thì anh em lên cho đều nhé.

Tiếng phèng rè nổi lên như run, như khóc. Chiếc nhà táng vừa nâng cao, chị cu thương tâm quá, đứng không vững, ngã khuỵu xuống đất.

Nhưng mà:

- Này! Hãy dậy đã.

Chị mở mắt ra, nhìn.

Ông quản cố cầm roi mây, phì hơi rượu vào mặt chị, nói:

- Mày dậy đã, không có phép thế.

Chị cu vừa khóc, vừa rên rỉ:

- Phép thế nào, ông ời.

Ông quản lộ cau mặt, gõ đầu roi vào nhà táng:

- Nghĩa là nó là phép thế. Đường là đường làng. Làng cắt tôi ra trông nom. Chị có tư cách gì mà dám đưa ma bà cụ lại không nói với tôi một tiếng? Bốn người này khiêng áo quan vào trong nhà giả chị ấy!

Chị cu choáng váng, vội đứng dậy. Chị thấy ông quản lộ giẫm một chân lên đầu đòn để ghì xuống. Chị khóc:

- Thôi, tôi lạy ông, tui vong linh mẹ tôi lắm, ông ời!

Ông quản cố xua tay cho mạnh, cố lắc đầu cho nhanh, cố nhăn mặt cho ra vẻ tức giận, nói:

- Chẳng có thì tôi đưa chị lên quan, chứ đường là đường làng hay đường riêng nhà chị mà chị dám mục đích rắc vàng bừa bãi ra đây? Ai quét hầu chị? Mà tử khí xông lên, ngộ người làng chết lây thì tôi biết nói sao?

Người xúm quanh, mỗi người một điều:

- Thôi, bác quản, giới sinh ra thế, bác ngơ cho chị ấy, chị ấy không biết phép.

- Không được, nghĩa là không biết phép thì tôi làm cho biết phép. Tôi có tư cách coi đường làng. Nếu tôi dễ dãi, ngộ rồi trên các cụ "trách nhiệm" tôi, thì ai ra chịu tội cho tôi.

Chị cu Sứt thấy ông quản lộ dùng những chữ việc quan để tỏ ra mình khó tính và hăng hái như vậy, thì sự thông minh bỗng vụt ngay vào trong óc chị.

Chị không khóc nữa, lấy vạt áo chùi đôi mắt đỏ hoe, rồi từ từ cởi nút giải yếm.

Liếc mắt thấy phát tài đến nơi, ông quản dụ mặt:

- Tôi vẫn biết chỗ người làng người nước, làm ra sinh mất lòng mất bề nhau, nhưng nghĩa là việc quan anh cứ phép công anh làm, ai oán thì oán.

Nói đoạn, ông lại liếc mắt lượt nữa, thấy chị cu đã nắm cái gì ở trong tay. Ông biết rằng không phải nói thêm gì. Ông đứng yên, để nhường lời cho chị. Mặt ông, lúc đó, tuy trơ trên, nhưng tươi lăm.

Chị nhờ người vào nhà lấy cái đĩa, rồi để đánh cạch hai mươi trình vào, dịu dàng thưa:

- Gọi là thế, có coi giàu biểu ông, thôi thì ông cho các bác ấy khên bà cháu ra đồng.

Ông quản để năm đầu ngón tay vào lòng đĩa, vét một cái rất anh hùng, rồi gặt đầu, hất roi:

- Thôi được!

*Tiểu thuyết thứ bảy số 307; 1940*